

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

*Phía trước
là chân trời*

Tr. 12

Bảo vệ rừng

Tr. 30



...dòng thiền Tào Động Việt Nam

Tr. 8



Baieido

KIỆT TÁC HƯƠNG TÂM LINH TỪ NHẬT BẢN

KÍNH HƯƠNG TỪ KỶ NAM – TUYỆT ĐỈNH CỦA HƯƠNG TÂM LINH ĐỂ CÚNG DƯỜNG CHƯ PHẬT, BỒ TÁT VÀ TÔN SƯ.

CHÀO MỪNG ĐẠI LỄ ĐỨC THÍCH CA MÂU NI THÀNH ĐẠO (8/12 ÂL), ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT DÀNH CHO ĐẠO TRÀNG VÀ PHẬT TỬ.



KÍNH HƯƠNG TÔN QUÝ DÂNG CÚNG CHƯ PHẬT, BỒ TÁT

Xét trong LỤC CHỦNG CÚNG DƯỜNG, không gì hơn được HƯƠNG.
Vạn vật trong TRỜI ĐẤT, khó gì sánh được với sắc hương KỶ NAM.
Dâng KỶ NAM hương, công đức vô lượng!

Trong kinh điển Phật giáo, trầm hương được ví như mùi hương của cõi Niết Bàn (tạp chí VHPG – 01/01/2016).

Kỳ nam là thể đặc biệt nhất của trầm hương, và giữ vai trò không thể thiếu trong những nghi lễ tâm linh quan trọng nhất.

Mừng Đại lễ Đức Thích Ca Mâu Ni thành Đạo (PL. 2559) và Xuân an lạc Bính Thân (2016), Baieido – một trong những thương hiệu lớn nhất của Nhật Bản về Hương Tâm Linh với lịch sử tồn tại hơn 350 năm, hoan hỷ mang đến Việt Nam bộ sản phẩm KÍNH HƯƠNG để cộng đồng Phật tử Việt Nam dâng lên chư Phật, Bồ Tát và Tôn sư, nhằm thể hiện hết tấm lòng thành kính!



ƯU ĐÃI 15% KHI CẮT VÀ ĐEM THEO PHIẾU ƯU ĐÃI Ở PHẦN QUẢNG CÁO (TẠP CHÍ VHPG – 15/01/2016)



HÀNH TRÌNH
MAY MẮN

VUI LÒNG TRUY CẬP WWW.HANHTRINHMAYMAN.VN | HOTLINE: 0913 86 00 56





Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÀN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanhpg@gmail.com

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa

Số tài khoản: 1131297

Ngân hàng VP Bank, Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT

Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Văn hóa Việt Nam đòi điều suy ngẫm (Nguyễn Cảnh)	4
Kế thừa và phát huy dòng thiền Tào Động Việt Nam (Thích Thọ Lạc)	8
Phía trước là chân trời (Nguyễn Tường Bách)	12
Mùa đông trong thơ Haiku Nhật Bản (Hoàng Xuân Vinh)	14
Biết đủ trong thế giới hữu hạn (Thiện Tuệ)	18
Sự hân hoan của đạo đức (Nguyễn Thế Đăng)	22
Nền đạo đức mới cho một hành tinh bé nhỏ (Đức Đạt-lai Lạt-ma - Khánh Uyên dịch)	23
Người cư sĩ, xin nhìn lại! (Nguyễn Mạnh Hùng)	26
Bảo vệ rừng là bảo vệ sự sống của chúng ta! (Nguyễn Văn Toàn)	30
Tản mạn về Cải cách giáo dục (Thanh Trắc Nguyễn Văn)	34
Bàn về giai thoại "Cột đồng Mã Viện" (Tôn Thất Thọ)	36
Đông y và Tây y (Hoàng Tá Thích)	38
Ấm hà hay ấm thủy tư nguyên? (Nguyễn Phúc Vĩnh Ba)	40
Tình thức một dòng Tuyết Giang (Nguyễn Nhã Tiên)	41
Nghĩ về Hà Nội (Lê Hải Đăng)	44
Chim núi bay về cội (Trịnh Chu)	46
Tục thờ rắn của cư dân miền Tây Nam Bộ (Thạch Ba Xuyên)	48
Tre xanh trên núi xanh (Cao Huy Hóa)	50
Thơ (Hoa Phạm, Phạm Ánh, Kim Hoa, Tịnh Bình, Trà Kim Long, Trường Khánh)	52
Biển mãi là hồ mắt em (Lý Thị Minh Châu)	54
Hài hoa trong hỗn loạn (Huệ Viên)	56
Vẫn còn người tử tế (Bùi Trường Trí)	58
Hỏi đáp (Bàng Ấn)	59

Bìa 1: Chùa Hòe Nhai, tông Tào Động Việt Nam. Ảnh: Quảng Tâm.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Văn Hóa Phật Giáo số 241 này, phát hành ngày 15-01-2016, là số báo cuối cùng của năm âm lịch Ất Mùi. Tiếp theo, chúng tôi sẽ phát hành số báo ghép 242 & 243 là số báo mừng Xuân Bình Thân, được phát hành vào dịp chuẩn bị đón Tết Nguyên đán cổ truyền. VHPG Xuân Bình Thân 2016 sẽ có độ dày trên 100 trang, được in màu toàn bộ, hy vọng sẽ là một số báo phong phú về nội dung và tươi vui về hình thức. Chúng tôi hy vọng quý độc giả hoan hỷ đón nhận số báo xuân ấy.

Vào ngày cuối năm dương lịch, tòa soạn VHPG đã tiến hành tổng kết tình hình hoạt động của năm 2015 vừa qua. Chúng tôi vui mừng và cũng xin độc giả chia vui cùng chúng tôi, rằng những khó khăn của tạp chí hầu như đã được vượt qua. Số lượng độc giả đăng ký đặt báo dài hạn so với cùng kỳ năm ngoái đã tăng hơn 20%, cho thấy VHPG đã được sự tán đồng của quý độc giả với chủ trương, là "Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc". Đây cũng là một tín hiệu cho thấy khả năng phát triển của VHPG trong năm 2016 này.

Chúng tôi cũng vui mừng vì cho đến nay, không nhận được phản hồi nào về việc không nhận được món quà tặng khiêm tốn của tạp chí, lịch VHPG Bình Thân 2016. Mặt khác, chúng tôi cũng rất vui khi những độc giả mới đăng ký báo dài hạn trong năm nay cũng tỏ ra hoan hỷ khi nhận lịch tặng.

Trước thềm xuân mới, chúng tôi kính chúc quý độc giả sẽ hưởng một mùa xuân như ý.

Văn Hóa Phật Giáo



**Hãy cầu vui Niết-bàn,
Bỏ dục, không sở hữu,
Kẻ trí tự rửa sạch,
Cầu uestừ nội tâm.
(Kinh Pháp cú)**

Ảnh: Nguyễn Đình Niêm



Văn hóa Việt Nam không ngừng suy giảm

NGUYỄN CÁN

Tiêu chuẩn nào đánh giá thành quả văn hóa?

Khi đánh giá thành quả văn hóa của năm 2015, người ta ghi nhận rằng: "So với 2014, năm 2015 chúng ta tiếp tục được sống trong niềm tự hào khi hai lần các di sản của Việt Nam được vinh danh trên trường quốc tế: Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình) lần thứ hai được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới. Trước đó, một cấu trúc của Phong Nha - Kẻ Bàng, hang Sơn Đoòng, cũng gây ấn tượng mạnh mẽ với công chúng thế giới khi được truyền hình trực tiếp trên chương trình *Good Morning* của Đài ABC (Mỹ) vào tối 13/5. Báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho biết Chính phủ quyết định xếp hạng 11 di tích quốc gia đặc biệt và 25 hiện vật và nhóm hiện vật được công nhận bảo vật quốc gia; có 56 di tích cấp quốc gia, 43 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia được công nhận. Có 617 Nghệ nhân Ưu tú, 102 Nghệ sĩ Nhân dân, 385 Nghệ sĩ Ưu tú... (chưa kể đến 85% gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa trên cả nước)!".

Người ta cũng ghi nhận lễ Kỷ niệm 250 năm ngày sinh đại thi hào Nguyễn Du (1765 - 2015) là hoạt động văn hóa

lớn của quốc gia, được sự hưởng ứng trên bình diện quốc tế theo tinh thần của Nghị quyết UNESCO về việc vinh danh đại thi hào Nguyễn Du. Bên cạnh đó, trong lĩnh vực điện ảnh cũng có sự đổi mới về cơ chế quản lý, sử dụng kinh phí hợp lý để cho ra mắt bộ phim đầu tiên của mô hình Nhà nước đầu tư, tư nhân sản xuất tạo được tiếng vang về chất lượng nghệ thuật, hiệu ứng xã hội và hiệu quả kinh tế (Phim *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*).

Những tiêu chuẩn ấy có đánh giá hết tâm vóc của một nền văn hóa?

Những con số ấy tự thân không nói lên gì nhiều về những nội hàm mà một nền văn hóa phải dung chứa, đem lại sức sống, nét đẹp cho một dân tộc.

Ngay cả việc có khá nhiều cuộc thi về *Truyện Kiều* diễn ra trong năm, nhưng để tìm được một sinh viên hay thậm chí giáo viên không phải dạy môn văn hiểu *Truyện Kiều* bây giờ quả tình vẫn là "của hiếm". Hoạt động kỷ niệm 250 năm ngày sinh Nguyễn Du, nếu chỉ mang tính chất lễ hội, không khơi dậy các giá trị bất hủ mà Nguyễn Du truyền đạt qua *Truyện Kiều* cho mọi

thời, như tinh thần nhân bản, khát vọng hạnh phúc, giá trị tình yêu... thì xem như thất bại! Giả như cụ Nguyễn Du sống lại, chứng kiến một thứ kỷ lục Guinness nào gán cho cụ hay cho *Truyện Kiều* (như có người đã làm) thì cụ sẽ phải khóc thêm vài trăm năm nữa!

Nhiều nhà văn hóa cũng băn khoăn về sự kiện Việt Nam và 11 quốc gia đối tác tuyên bố kết thúc đàm phán *Hiệp định Đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương* (TPP), và cả sự hình thành Cộng đồng ASEAN. Trước khi bàn đến chuyện gia nhập hay hội nhập ấy, chúng ta cần phải biết mình đang ở đâu trong những thang bậc văn hóa của nhân loại và khu vực? Chúng ta đã tiến bộ ra sao trong "nhận thức", trong hành vi ứng xử hàng ngày từ giao thông đến những đối đãi với nhau trong cộng đồng? Văn hóa, như Henri Poincaré có lần đã nói "... là những gì còn lại khi người ta quên đi tất cả". Đó là thứ chúng ta tiếp xúc, cảm nhận hàng ngày, như không khí quanh mình, lại chủ yếu nằm trong những "chuyện nhỏ" ấy như thuở xưa chúng ta được dạy đứng nghiêm chào khi thấy đám ma đi qua, nghe quốc ca dù đang làm gì cũng phải chỉnh tề tư thế, dắt cụ già sang đường, nhường ghế cho phụ nữ và người cao tuổi, phải biết "xin lỗi" và "cám ơn"...

Thủ chuẩn văn hóa đang xuống thấp

Văn hóa nghe và nhìn

Một thống kê gần đây trên mạng công bố về các chủ đề được tìm kiếm nhiều nhất trên Google, người ta ghi nhận mười chủ đề được nhiều người Việt Nam tra cứu nhất là:

1. Vợ người ta.
2. Âm thầm bên em.
3. Không phải dạng vừa đâu.
4. How Old net.
5. Fast and Furious 7.
6. Khuôn mặt đáng thương.
7. Em của quá khứ.
8. Cười xuyên Việt.
9. Cô dâu 8 tuổi.
10. Chàng trai năm ấy.

Hãy thử xem hai quốc gia gần chúng ta là Malaysia và Singapore xem họ tìm gì nhé?

Ở Malaysia, người dân quan tâm nhiều nhất đến các vấn đề sau:

1. HRMIS 2 (hệ thống thông tin quản lý nhân sự của Malaysia).
2. BR1M 2015 (bản tin tiền tệ của chính phủ).
3. How-Old.net.
4. Maharaja Lawak Mega (một cuộc thi của các diễn viên hài).
5. Fast Furious 7.
6. Hati Perempuan (bộ phim truyền hình).
7. 1 USD to MYR (1 USD đổi được bao nhiêu ringgit, sau khi đồng tiền của Malay bị trượt giá).

8. Whatsapp Web (ứng dụng Whatsapp bản web).
9. GST (dịch vụ bán hàng và thuế mới của nước này).
10. Bersih 4.0 (cuộc biểu tình của người dân Malay nhằm cải cách bầu cử).

Ngoài hai chủ đề giống nhau giữa Việt Nam và Malaysia (3,5 và 4,5), họ quan tâm nhiều về chính trị và các chính sách của nhà nước.

Thế còn tại Singapore, họ quan tâm đến:

1. PSI Singapore (mức độ ô nhiễm không khí của Singapore, nước này bị ô nhiễm không khí nặng do cháy rừng).
2. Lee Kuan Yew (Thủ tướng Lý Quang Diệu của Singapore qua đời).
3. SEA Games.
4. WhatsApp Web.
5. iPhone 6s.
6. Amos Yee (một blogger bị cảnh sát truy tố).
7. MERS (sự lây lan của Hội chứng hô hấp cấp từ Trung Đông).
8. QZ8501 (máy bay AirAsia bị rơi).
9. Lee Wei Ling (con gái thủ tướng Lý Quang Diệu).
10. Lee Hsien Loong (con trai của ông Lý Quang Diệu và hiện là Thủ tướng của Singapore).

Chúng ta đánh giá việc này thế nào?

Chính kẻ viết bài này cũng phải tìm xem "Vợ người ta" là gì, mới biết đó là một bài hát của Phan Mạnh Quỳnh được tìm kiếm với số lượt áp đảo, đặc biệt phổ biến ở các tỉnh Thái Nguyên, Hải Dương và Hải Phòng. Một ca khúc dưới chuẩn "trí thức" nhưng cũng chẳng so được với bất cứ bài hát boléro nào lại có "hấp lực" ghê thế! Như thế thì trình độ thưởng thức âm nhạc của giới trẻ cũng rất đáng lo?

Hãy xem các nhà báo chúng ta nói gì?

"Xấu hổ vì *Vợ người ta*, chúng ta hướng cái nhìn thềm thường sang "nước người ta". Hai cụm từ này tưởng như chẳng hề liên quan đến nhau, nhưng thực ra cùng phản ánh tâm lý muôn thuở: của người ta luôn ưu việt hơn của mình. Chúng ta hướng cái nhìn sang một đất nước nhiệt đới khác, Singapore, và đặt câu hỏi tại sao chúng ta không được như họ. CSI Singapore, Lý Quang Diệu - người Singapore đặt hai mối quan tâm này lên hàng đầu. Một là chỉ số ô nhiễm không khí. Một là nhà lãnh tụ vừa qua đời. Chúng ta xuýt xoa, "dân trí họ thật cao". Nhưng chính Singapore cũng từng có một quá khứ chán chường. Người dân ở xứ sở đó từng có những tháng ngày hoang mang về tương lai không kém những xứ sở khác. Trong tác phẩm *Khi ta mơ quá lâu* của Goh Poh Seng, tiểu thuyết được đánh giá là "cuốn sách đầu tiên đi sâu vào căn tính Singapore", nhà văn đã điếm mặt không chỉ một thế hệ của Singapore mất niềm tin vào tương lai. Đó là bố con nhân vật chính Kwang Meng, những con người vô cùng chán chường ở thập niên 1960. Họ tin mình sinh nhầm thời, sẽ sống một cuộc đời nhàm chán và thất bại. Họ không

đọc, không học hỏi và chìm sâu vào bi quan. Những biến động lớn trong cuộc đời khiến Kwang Meng gần như gục ngã nhưng khiến anh mong manh nhận ra: không thể mãi mãi đổ lỗi cho hoàn cảnh còn bản thân mình không thêm cố gắng. Sự giác ngộ đến trong cơn tuyệt vọng cùng quẫn nhất, anh nói với một phụ nữ lạ trên phố: “Vâng, thưa bà, tôi sẽ đi nhanh hết sức”. Nó cho thấy cuối cùng người trẻ Singapore ngày ấy cũng nhận ra vấn đề nằm ở bản thân mình. Một luồng ánh sáng, dù chưa thật rõ ràng, nhưng hé lộ một tương lai khác biệt. Tương lai đó chính là đất nước Singapore ngày nay. (Nha Đam- Khi ta mơ quá lâu với vợ người ta - *Thế thao & Văn hóa Cuối tuần* 3/1/2015).

Liệu chúng ta có đồng ý như nhà bình luận xã hội Đặng Hoàng Giang khi viết “Đừng bĩu môi ‘dân trí thấp’ và cũng chẳng cần gân cổ cãi, hãy tự hỏi bản thân mình đã làm gì để trí tuệ của chính mình cao lên”. Theo quan điểm cây bút họ Đặng trong tác phẩm “*Bức xúc không làm ta vô can*” thì thị trường làm tha hóa truyền thông và báo chí vì khi người ta muốn xem, nghe bạo lực: cướp, hiếp, giết thì truyền thông thì nhau khai thác cung ứng. Đám đông thích đọc xem những tội lỗi đủ loại mà xã hội ta thì không thiếu, nên truyền thông cung cấp, báo giấy, báo mạng câu “view” bất cứ khi nào có thể. Nói theo nhà Phật, cái món “xúc thực” này cũng ô nhiễm và nguy hiểm cho tâm như những thức ăn độc hại khác cho thân. Nhưng có đúng là thị trường làm tha hóa hay chính trong bản thân mỗi người, phần bản năng dục tính luôn trỗi dậy khi văn hóa thượng tầng không đủ sức mạnh “khống chế” hay kiểm soát?

Vấn đề tha hóa này cũng xảy ra ở những lĩnh vực khác như mỹ thuật, âm nhạc, sân khấu. Chúng ta chứng kiến sau sự hào nhoáng của những showbiz là những vỡ diễn, phần lớn là hài kịch, nghèo nàn ý tưởng, cạn kiệt sáng tạo, khiến tất cả văn hóa giải trí đi theo những lối mòn cũ kỹ, không có những đột phá cách tân từ nội

dung đến hình thức, sao chép mờ nhạt các phiên bản chương trình của nước ngoài... Bên cạnh cuốn phim nghiêm túc mà ăn khách đã ghi trong tổng kết của Bộ, thì những bộ phim còn lại đều không có nội dung đáng suy ngẫm, thậm chí nhiều yếu tố nhảm. Thế nhưng đó là món ăn giải trí mà quần chúng dành nhiều thời gian nhất, là nơi họ có nhiều “thần tượng” nhất... Hậu quả thì rõ ràng là người ta chỉ chi dùng 2.000 tỷ cho sách báo văn hóa phẩm mà dùng đến 63.000 tỷ cho bia! Còn trung bình một bộ phim ăn khách cũng thu về từ 60 đến 100 tỷ, nhưng các sách in, từ tiểu thuyết cho đến các công trình nghiên cứu đều chỉ khoảng một đến hai ngàn cuốn, theo một thống kê chưa đầy đủ.

Văn hóa ứng xử

Chúng ta nghĩ gì khi người ta chen lấn giành nhau để được tiêm vaccine, lại chen lấn khi vui chơi ở Quảng trường, rồi cả vườn hoa Hà Nội bị phá nát chỉ trong một đêm cuối năm 2015? Chúng ta nghĩ gì về con số tai nạn giao thông lên đến 35 người chết mỗi ngày, bao nhiêu trong số đó là do phóng nhanh giành đường vượt ẩu, rồi còn hiện tượng cán người xong bỏ chạy luôn, có cả quan chức cũng phạm tội ấy? Còn văn hóa bạo lực vẫn chưa hề thuyên giảm nếu không muốn nói ngày một mạnh động... Văn hóa trong nhà trường cũng xuống cấp trầm trọng từ hiện tượng copy bài thi đến độ có trường kê bàn ra giữa sân nắng bắt học trò thi, rồi đến các bậc trí thức cũng “đạo” luận án, công trình, đến một nhà thơ nổi tiếng thi thơ ở Hội Nhà văn mà cũng “đạo” thơ người khác. Còn văn hóa tính dục thì cũng đáng báo động, tình trạng hiếp dâm ngày một nhiều, đối tượng ngày càng bé, thậm chí có cháu lên ba. Chưa nói đến tình trạng phá thai vị thành niên cũng đem lại nhiều con số đáng buồn. Chúng ta tự hào về giáo dục giới tính cho học sinh nhưng chúng ta chưa dạy chúng văn hóa trong tình yêu, nên nhân tính có khi chưa được xem trọng.

Văn hóa doanh nghiệp

Chúng ta nghĩ gì về văn hóa doanh nghiệp (DN) khi trong những nhận định tổng kết năm 2015, các nhà kinh tế phải kêu lên rằng tính liêm chính và minh bạch của DN Việt vẫn còn ở phía trước, và con đường đi đến đó hình như còn xa lắm dù chúng ta sắp gia nhập TPP, sắp vào chung sân chơi với thế giới. Các DN không ngại vận dụng những thủ thuật né, thậm chí trốn thuế, cả DN FDI khi vào Việt Nam cũng chơi trò



chuyển giá, lách thuế. Còn thì một “bộ phận không nhớ” DN làm hàng gian hàng giả, hàng kém phẩm chất, xem nhẹ tính mạng và sức khỏe người tiêu dùng. Tại sao họ làm được? Nguyên nhân vì cơ chế thị trường ư? Nói như thế là đơn giản hóa tội lỗi vì họ chỉ có thể làm những điều sai trái trong một môi trường mà người ta, hay những nhà quản lý, giám sát đang dung túng cho những kiểu làm ăn như vậy. Thế nên, bà Phạm Chi Lan từng nói “DN làm ra một đồng, lót tay cho những chi phí ngoài đến 40 xu thì còn gì là lợi nhuận, làm sao tái đầu tư hay mở rộng”. Hậu quả là họ phải làm bậy thói để kiếm “siêu lợi nhuận”. Và chúng ta đang ở trong một vòng lẩn quẩn.

Làm sao xây dựng văn hóa trên nền tảng đạo đức

Các nhà lãnh đạo đề nghị ngành văn hóa, thể thao và du lịch tiếp tục nỗ lực hành động để toàn xã hội có *nhận thức đúng đắn, đầy đủ, chuẩn mực về văn hóa* và phải được thể hiện bằng những hành động cụ thể.

Nói thế chung chung quá, không hiểu nhận thức đúng đắn, chuẩn mực là thế nào?

Văn hóa, đơn giản, là vẻ đẹp hay chuyển hóa thành đẹp và vẻ đẹp ấy phải xuất phát từ tâm hồn. Chúng ta phải thiết lập hay xây dựng lại hệ quy chiếu cho văn hóa. Trong bài viết trên *VHPG* số trước, chúng tôi có nói đến “hệ quy chiếu” theo ông Giản Tư Trung gồm các thứ “đạo”: đạo luật, đạo lý, đạo thiêng (ý ông là tôn giáo) và đạo sống. Chúng ta phải đặt văn hóa trong những chiều kích ấy để phát triển. Nhưng phải lấy “con người” làm trọng tâm vì con người là nguyên nhân và là kết quả tổng hòa của mọi nền văn hóa, của mọi chuyển biến.

Muốn xây dựng con người văn hóa, phải chú ý trước hết ở phần tâm và trí. Nhớ bài học Singapore khi người ta ngủ mê quá lâu, chợt thức dậy và thấy cần phải thay đổi. Đó là con người tôn trọng luật pháp, có lý tưởng sống, tuân theo lương tâm và theo một tôn giáo nào đó, nếu muốn. Tôn giáo vốn được xem là một môi trường tốt huấn tập tâm hồn con người với những bài giảng về từ bi hay bác ái. Nhưng ngay cả người vô thần thì cũng phải sống có văn hóa, nghĩa là phải theo lương tâm. Anh ta cũng không thể nhân danh vô thần không tin vào kiếp sau, vào luân hồi, hay vào quả báo mà có thể ăn cướp, tước đoạt, gây hại cho kẻ khác được. Nói theo Đạt-lai Lạt-ma “Trong thời đại khoa học ngày nay, nhiều người cho rằng theo những tôn giáo là vô nghĩa, vậy thì cơ sở nào cho những giá trị như thế? Theo tôi, mặc dầu nhân loại có thể sống mà không cần tôn giáo, nhưng không thể sống mà không có những giá trị bên trong... Đạo đức và các giá trị bên trong không có nội dung tôn giáo giống như nước, là thứ mà chúng ta cần hàng ngày để sống còn và khỏe mạnh. Đạo đức và các giá trị bên trong trong bối cảnh tôn

giáo giống như trà... Nhưng dù trà được pha chế thế nào thì thành phần chính vẫn là nước. Trong khi chúng ta có thể sống mà không có trà, chúng ta không thể sống thiếu nước. Tương tự, chúng ta sinh ra không có tôn giáo nhưng chúng ta không sinh ra mà lại không có nhu cầu về lòng từ bi... (Đạt-lai Lạt-ma - *Bên ngoài tôn giáo*, bản dịch Trần Ngọc Bảo, 2015).

Ngài cho rằng hai nguyên tắc hay hai trụ cột của đạo đức thế tục, thứ nhất là sự thừa nhận nhân tính chung của chúng ta cũng như mong ước được hạnh phúc và tránh đau khổ cho chúng ta và người khác; nguyên tắc thứ hai là hiểu biết về sự phụ thuộc lẫn nhau, vì chúng ta là một sinh vật xã hội.

Chúng ta không thể tách rời mối liên hệ giữa hạnh phúc của chúng ta và cộng đồng. Phải chăng đó là ý nghĩa của tương tức tương sinh trong nhà Phật (interbeing). Tóm lại, dù không có tôn giáo, người ta vẫn phải tôn trọng các nguyên tắc phát triển nhân tính, dựa trên nhân bản và vì nhân sinh. Bất cứ một nền văn hóa nào không lấy yếu tố con người làm trọng tâm sẽ thất bại. Tại sao chúng ta không phát huy cái đẹp văn hóa vốn có của người Việt Nam: lạc quan, chân thực, kiên trung, cần mẫn, thông minh, vị tha, bao dung... mà để những phẩm chất ấy phai mờ trở thành những kẻ giả dối, gian trá, độc ác, vị lợi, chấp nhất, hẹp hòi... Vì đâu nên nỗi?

Như đã nói ở trên, chúng ta phải xây dựng văn hóa ở từng cá nhân và kế đến là gia đình. Gia đình văn hóa đích thực chứ không phải hình thức như chúng ta thực hiện bấy lâu. Một cá nhân chưa tốt sẽ được tha lực giúp tự hoàn thiện trong một cộng đồng thân ái, chan chứa tình thân, hay tình làng nghĩa xóm. Một người nước ngoài có lần đã nhận xét:

“Sau nhiều năm, cho đến bây giờ, Việt Nam vẫn luôn gây ấn tượng với tôi ở mối quan hệ xã hội giữa con người với con người. Đó là ở Việt Nam, từ làng ra đến phố, những người hàng xóm cùng phố đều biết nhau. Người ta giúp nhau, nói với nhau, chia sẻ với nhau nhiều thứ trong sinh hoạt đời thường và điều đó quan trọng đối với cả xã hội... Trong khi ở Pháp, lối sống chủ nghĩa cá nhân khiến chúng tôi không làm được điều này... Sự khép kín “nhà nào biết nhà đó” khiến chúng tôi không có “văn hóa hàng xóm”, không quen biết những người “sát vách” nhiều. Và tôi lấy làm tiếc vì điều này!” (Bài Văn hóa Việt - *Dễ tiêu hay khó nuốt với khách ngoại* - phần phỏng vấn nhiếp ảnh gia Sebastien Laval (Pháp) do Ngọc Minh thực hiện, *TTVH* số 29/12/2015).

Văn hóa là tổng hòa tất cả những điều trình bày ở trên dù có tôn giáo hay không, dù theo chủ thuyết chính trị nào đi nữa, vì nó tôn vinh phẩm tính NGƯỜI trong mỗi chúng ta trong mối quan hệ tương sinh với xã hội. Đó là mục đích mà chúng ta phải hướng đến, dù xuất phát điểm giờ đây đã lùi về sau khá nhiều, nhưng vẫn kịp nếu chúng ta thực tâm và nỗ lực. ■



Chùa Nhâm Dương, Hải Dương, Tổ đình tông Tào Động Việt Nam. Ảnh: Quảng Tâm

Kế thừa và phát huy dòng thiền Tào Động Việt Nam

THÍCH THỌ LẠC

1. Sự hình thành thiền Tào Động tại Việt Nam

Thiền phái Tào Động được sáng lập bởi hai Thiền sư Động Sơn Lương Giới (807-869) và Tào Sơn Bản Tịch (840-901). Nơi hành đạo của hai Thiền sư chủ yếu ở Động Sơn và Tào Sơn - Trung Quốc, nên thiền phái này được gọi là Thiền Tào Động.

Chủ trương của Thiền Tào Động là nguyên tắc năm vị, xoay quanh ý niệm chính (thẳng) và thiên (nghiêng), do Thiền sư Động Sơn Lương Giới thiết lập. Chính là biểu thị cho Tĩnh, Thể, Không, Lý, Bình đẳng, Tuyệt đối, Bản thể, Chân như; còn Thiên là biểu thị cho Động, Dụng, Sắc, Sự, Sai biệt, Tương đối, Bất giác, Sinh diệt. Cho nên nói Chính Thiên bổ sung cho nhau mà phát sinh ra ngũ vị. Thiền sư Động Sơn Lương Giới từng nói: *"Có một vật trên thì chống trời, dưới thì đỡ đất. Nó đen như sơn, luôn luôn chuyển dịch và hoạt động"*.¹ Đó là Chính (thẳng), cái không thể diễn tả được bằng ngôn ngữ, nắm bắt được bằng khái niệm. Khi cái Chính diễn bày trong thế giới hiện tượng, thế giới sự vật thì thành ra Thiên (nghiêng). Mối tương quan giữa Chính

và Thiên, giữa Thẳng và Nghiêng là mối quan hệ biện chứng, song hành cùng tồn tại, không cái nào có trước cái nào, như sóng và nước, như bản chất và hiện tượng. Đây cũng chính là năm giai đoạn khai ngộ của hành giả trong quá trình tu tập.

1.1. Chính nằm trong Thiên

(Chính trung Thiên 正中偏)

Động Sơn nói *"Trong cái Tuyệt đối đã có cái Tương đối rồi, nếu không thì hóa ra cái Tuyệt đối có trước cái Tương đối sao?"*.² Nghĩa là cái Tuyệt đối nằm trong cái Tương đối, điều đó cũng có nghĩa là tuy cái Tuyệt đối là cái không thể nắm bắt được bằng khái niệm, nhưng ta có thể hiểu cái Tuyệt đối thông qua cái Tương đối, nghĩa là thông qua những sự vật hiện tượng cụ thể.

Đây cũng chính là giai đoạn chứng ngộ đầu tiên của hành giả trong quá trình tu tập.

Bài kệ tụng của Thiền Sư Động Sơn:

三更初夜月明前
莫怪相逢不相識
隱隱猶懷舊日嫌

Tam canh sơ dạ nguyệt minh tiên
Mạc quái tương phùng bất tương thức
Ẩn ẩn du hoài cụ nhật hiem.

Thiền sư Thanh Từ dịch:

Đêm tối canh ba trăng rọi hiền
Lạ chi cùng gặp chẳng cùng biết
Ẩn ẩn vẫn còn ôm hận phiền.³

Trong câu kệ, ta thấy “Tam canh sơ dạ” đó là Chính hay là Lý, “minh nguyệt” là Thiên hay là Ngộ. Do vậy khi Lý hiển bày thì ngộ sáng, mà ở đây Thiền sư cho hành giả thấy Lý chưa được sáng tỏ rõ ràng nên tuy “tương phùng” mà “bất tương thức”. Ý chỉ của Thiền sư cho chúng ta thấy hành giả ở giai đoạn này vẫn chưa nhận thức được tự ngã cũng chính là bản thể, mà nghiêng về thế giới hiện tượng bên ngoài đi tìm Bản Lai Diện Mục. Túc giai đoạn đầu, hành giả nhận thức thế giới Hữu vi, nắm phần trên nhưng được nhận diện là xuất phát từ Chân như, tính Không. Hành giả mới nhận được dụng đủ nơi thể.

1.2. Thiên nằm trong Chính

(Thiên trung Chính 偏中正)

Động Sơn nói “Cái Tương đối đã có trong cái Tuyệt đối rồi, nếu không thì hóa ra cái Tương đối là cái có trước cái Tuyệt đối sao?”⁴ Nghĩa là cái Tương đối, hay các sự vật hiện tượng không tồn tại một cách rời rạc, biệt lập mà chúng nằm trong cái bản thể Tuyệt đối.

Bài kệ của Thiền sư Động Sơn:

失曉老婆逢古鏡
分明覲面別無真
休更迷頭猶認影
Thất hiểu lão bà phùng cổ kính
Phân minh diện biệt vô chân
Hưu cánh mê đầu do nhận ảnh.

Thiền sư Thanh Từ dịch:

Mất sáng lão bà tìm cổ kính
Rõ ràng đối diện đâu riêng chân
Thôi chớ quên đầu theo nhận bóng.⁵

Qua câu kệ trên chúng ta thấy “thất hiểu lão bà” đó là Chính Trung Thiên, “phùng cổ kính” là Thiên Trung Chính. Túc là từ thiên sai vạy biệt của sự vật hiện tượng đều đưa thẳng hành giả đến tính chân như bình đẳng của pháp giới. Đến giai đoạn thứ hai này, hành giả từ thế giới hiện tượng mà nhìn thấy bản thể chân như hiện hữu, từ thế giới hiện tượng huyền ảo này mà ngộ nhập bản thể thế giới chân như bất biến, cho nên không còn tâm nghi ngờ sợ hãi. Hay nói cách khác, đến giai đoạn này thì Lý nằm trong Dụng, thế giới hiện hữu ít được để ý đến. Hành giả nhận được Lý đủ nơi Sự, nhận được Thể sẵn trong Dụng, liễu đạt được lý các pháp đều không, chỉ một Chân như bình đẳng.

1.3. Chính nằm trong chính nó

(Chính trung lai 正中來)

Cái thẳng nằm trong tự thân của cái thẳng, nghĩa là Tuyệt đối là tuyệt đối, bất sinh bất diệt, không được nhận thức thông qua mối quan hệ giữa bản thể và hiện tượng.

Thiền sư Động Sơn nói:

無中有路隔塵埃
但能不觸當今諱
也勝前朝斷舌才
Vô trung hữu lộ cách trần ai
Đản năng bất xúc đương kim huy
Dã thắng tiền triều đoạn thiệt tài.

Thiền sư Thanh Từ dịch:

Đường cái trong không cách trần ai
Chỉ hay chẳng chạm ngày nay kị
Đã thắng tiền triều cắt lưỡi tài.⁶

Đến bậc thứ ba trong quá trình tu tập, hành giả đã đạt được pháp thân, bản thể đã đạt được cảnh giới vô niệm đó là Chính vị. Nghĩa là từ trung tâm giữa Thiên và Chính, các pháp hữu vi như Lý tùy duyên, như tính duyên khởi. Nơi đây cảm giác về thân, tâm đều được bỏ qua một bên, cả hai đều biến mất. Hành giả nơi đây như Lý tu Sự, như tính khởi hành, tương đương với Bồ-tát từ sơ địa đến thất địa trong Thập địa, tu hành còn dụng công.

1.4. Thiên nằm trong chính nó

(Thiên trung chí 偏中至)

Cái Tương đối trong tự thân cái Tương đối, tựa như người đạt đến cái Tuyệt đối thì có thể sống tự tại trong thế giới hiện tượng mà không bị nhiễm ô bởi hiện tượng.

Bài kệ của Thiền Sư Động Sơn nói:

兩刃交鋒不須避
好手猶如火裏蓮
宛然自有冲天志
Lưỡng nhận giao phong bất tu tị
Hảo thủ du như hỏa lý liên
Uyển nhiên tự hữu xung thiên chí.

Thiền sư Thanh Từ dịch:

Hai kiếm đua nhau cần gì tránh
Tay khéo vẫn như lò lửa sen
Nguyên vẹn nơi mình xung thiên chí.⁷

Bước vào giai đoạn này chúng ta thấy từ sự diệu dụng của thế giới hiện tượng biến thông vô cùng, không cần phải tránh né như hoa sen trong lửa vẫn tươi đẹp. Hay đó chính là thể ngộ hiện tượng và bản thể minh hợp, đạt đến cảnh giới vô niệm vô tưởng. Nơi đây hành giả cảm nhận được sự độc nhất vô nhị của mỗi Pháp, ngay cả tính Không cũng đã biến mất trong pháp này. Sử dụng toàn hợp nơi thể người tu trọn ngày tu mà lia niệm tu, trọn đêm dụng mà chẳng thấy dụng công. Tương đương với hàng Bồ-tát từ bát địa đến thập địa.

1.5. Chính và Thiên nằm trong cùng một Tự tính

(Kiêm trung đáo 兼中到)

Đạt đến cảnh giới này, mọi sự phân biệt giữa Thẳng và Nghiêng, giữa Tuyệt đối và Tương đối, là không cần thiết, vì cả hai đều có chung một tự tính thường hằng, bất sinh bất diệt.

不落有無誰敢和
人人盡欲出常流
折合還歸炭裏坐

*Bất lạc hữu vô thủy cảm hòa
Nhân nhân tận dục xuất thường lưu
Chiết hiệp hoàn quy khô lý tọa.*

Thiền sư Thanh Từ dịch:

*Chẳng rơi Không, có ai dám hòa
Người người trọn muốn vượt dòng thường
Tan hiệp trở về ngôi trong tro.⁸*

Qua câu kệ trên có thể thấy, hành giả không bị câu nệ bởi hữu vô nhị biên của cảnh giới, Thế Dụng đồng đến, Sự và Lý cùng hành, đây chính là cảnh giới cứu kính Niết-bàn của người tu tập cần đạt, “Nhất tướng vô tướng, cứu kính phi tư lường”.

Có thể nói rằng, thuyết Chính Thiên ngũ vị chính là thiết lập Bản giác-Bất giác nhị nguyên. Bản giác hướng về tinh thần tùy duyên, lấy sự vật hiện tượng hiển hiện vạn hữu sai biệt, hay chính là trong tinh có động là Chính Trung Thiên; Bất giác là hướng đến huân diệt, lấy tinh thần tùy thuận chân như bình đẳng làm lý tính, tức trong động có tĩnh, đó chính là Thiên Trung Chính. Khi ý niệm Chính Thiên hợp nhất, tức là động tĩnh bất phân đó chính là Kiêm Trung Đáo. Điều này ta cũng bắt gặp trong *Đại thừa Khởi tín luận* từng nói “Bản giác, Bất giác, Bất biến, Tùy duyên”.

Sau này Thiền sư Động Sơn tiếp tục thiết lập ra “ngũ vị công huân” (đó là: Hướng, Phụng, Công, Cộng công, và Công công) để hậu học dễ dàng phân định các giai đoạn trong quá trình tu chứng. Đến thế hệ sau, Thiền sư Tào Sơn Bản Tịch đã kế thừa thuyết ngũ vị này mà diễn giải thông qua mối quan hệ giữa vua và quần thần (ngũ vị quần thần). Theo đó vua là vua, quần thần là quần thần, nhưng vua chỉ là vua khi vua có quần thần, quần thần chỉ là quần thần khi có vua, và cả vua lẫn quần thần cùng tồn tại bên nhau.

Từ nguyên tắc năm vị trên, các thiền sư phái Tào Động đã hình thành một số chủ trương sau:

1. Nương nhờ công phu tọa thiền là Phật tính tự sáng suốt (chỉ quán đả tọa).
2. Tu và Chứng là một.
3. Thân và Tâm là một.
4. Không có đối tượng để giác ngộ.
5. Không có đối tượng để chứng đắc.

Ngài Thủy Nguyệt⁹ ở Hùng Lĩnh, đến núi Phượng Hoàng, tham học với ngài Nhất Cú Trí Giáo, Tổ thứ 35 của thiền phái Tào Động. Một thời gian sau, Tổ Nhất Cú Trí Giáo nhận thấy ngài Thủy Nguyệt “là con cháu giỏi của gia phong Tào Động, cho pháp danh là Thông Giác, nối dòng chính”.¹⁰ Vì vậy, Tổ Thủy Nguyệt trở thành Tổ thứ 36 của Thiền phái Tào Động.

Sau khi đắc pháp với Ngài Nhất Cú Trí Giáo, Ngài

Thủy Nguyệt về Việt Nam, khai trường độ chúng, trở thành Sơ tổ Thiền Tào Động tại Việt Nam, vào khoảng thế kỷ thứ XVII. Ngài đã lập kệ truyền đăng cho các thế hệ tiếp nối dòng Thiền Tào Động tại Việt Nam như sau:

*“Tĩnh trí thông tông từ tính hải
Khoan giác đạo sinh quang chính tâm
Mật hạnh nhân đức di lương tuệ
Đăng phổ chiếu hồng pháp vĩnh trường”.*

2. Những đóng góp tích cực đối với đạo pháp và xã hội của Thiền Tào Động Việt Nam qua một số thiền sư tiêu biểu

Năm 1428, Lê Lợi đánh đuổi giặc Minh xâm lược, chính thức lên ngôi, mở ra thời kỳ mới cho nước nhà. Triều đình Hậu Lê chọn Nho giáo là tư tưởng chính thống. Tuy vậy, Phật giáo trong nước lúc đó cũng có những kế thừa và phát triển đặc thù, dù không còn được thịnh trị như thời Lý và Trần trước đó.

Vào khoảng những năm 1670 đến 1678, Vua Lê Hy Tông ra sắc lệnh đuổi tất cả những nhà sư lên rừng, chùa chiền bị hoang phế, Phật giáo lâm vào pháp nạn suy vi.

Lúc này, Thiền sư Tông Diễn¹¹, là đệ tử đắc pháp với ngài Thủy Nguyệt Thông Giác, biết được tin này rất đau lòng, tự nghĩ: “*Tại sao nhà vua đối với đạo Phật lại cho là vô dụng? Nếu ở núi rừng, dù thuyết pháp đá phải gập đầu, giảng kinh được hoa trời rơi loạn, cũng chẳng có lợi ích gì cho chúng sanh, nếu không hoàng dương được Chánh pháp thì làm sao đáng đến ơn Phật Tổ! Chỉ riêng tốt cho mình thì làm sao độ được hàm linh trong bể khổ, thật uổng công vào cửa Phật, luống trôi qua một đời”.*

Nghĩ vậy, ngài liền lên kinh, viết một bức sớ, nói lên vai trò của Phật giáo đối với thịnh suy của dân tộc, gửi tới vua Lê Hy Tông. Nhờ lời văn tha thiết, lý đạo thẳng ngay, vua Lê Hy Tông đã thức tỉnh, sửa chữa lỗi lầm của mình, cho phục hưng lại Phật giáo, lại còn cho người tạc bức tượng vua đang quỳ gối thờ Đức Phật ở trên lưng để cảnh tỉnh chính mình. Nhờ trí tuệ và dũng cảm của ngài Tông Diễn mà Phật giáo tránh được một pháp nạn đáng tiếc xảy ra.

Sau Hậu Lê đến Nhà Nguyễn, rồi gần 100 năm bị Pháp đô hộ, Phật giáo có lúc thịnh lúc suy, lúc trở thành quốc giáo, lúc lại lui về ẩn nhẫn sau lũy tre làng. Dù vậy, ngọn đèn Chánh pháp của Đức Phật chưa bao giờ tắt, tông phong Tào Động vẫn có hàng hàng lớp lớp kế thừa.

Sau năm 1975, khi Việt Nam thống nhất được hai miền Nam Bắc, nhu cầu thống nhất Phật giáo trở thành một ngôi nhà chung trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Các vị thiền sư, cao tăng của hai miền Nam và Bắc đã tổ chức nhiều hội



ngiệp hiệp thương thống nhất các hệ phái trong cả nước. Đến tháng 11 năm 1981, Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ nhất diễn ra, ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam chung cho cả nước được thành lập. Đại hội đã nhất trí suy cử ngài Đức Nhuận, Tổ sư đời thứ 49 của dòng Thiền Tào Động, làm Thiền gia Pháp chủ của GHPGVN.

Đứng trước nhiệm vụ Tăng sai đẩy trọng trách, ngài Đức Nhuận đã kiến nghị lên Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng như Chính phủ nước Việt Nam ba kiến nghị quan trọng:

Vấn đề trường Phật học

Trường Phật học được thiết lập trên cả ba miền: Bắc, Trung, Nam. Tại thủ đô Hà Nội được phép thiết lập một trường đại học Phật giáo. Tại thành phố Huế được phép thiết lập một trường đại học Phật giáo. Tại thành phố Hồ Chí Minh được phép thiết lập một trường đại học Phật giáo. Ngoài ra, các tỉnh trong toàn quốc, mỗi tỉnh cũng đều được phép thành lập một Phật học viện, tùy theo khả năng nhu cầu mỗi tỉnh, nếu có thể làm được.

Vấn đề người thừa kế và làm việc trong chùa

Để có thể tiếp tục hành đạo và làm các việc trong chùa, tôi xin đề nghị Chính phủ cho phép mỗi chùa được chính thức cư trú, tiêu chuẩn từ hai đến năm người tùy theo chùa lớn hay nhỏ mà quy định.

Vấn đề tín ngưỡng của tín đồ

Vấn đề tự do tín ngưỡng, tuy đã được Nhà nước đề ra sau khi nước nhà giành được quyền độc lập, nhưng được biết vẫn còn bị hạn chế ở nhiều địa phương, nhất là ở thôn quê. Do đó, hôm nay tiện dịp, tôi đề nghị Đại hội đạo đạt lên Chính phủ cho phép các tín đồ Phật giáo từ thành thị đến nông thôn được tự do tới chùa lễ Phật, nghe giảng giáo lý.

Ba vấn đề này xin được ghi vào Nghị quyết Đại hội. Mấy nguyện vọng tối thiểu và chính đáng trên, nếu được Đại hội chấp thuận, Chính phủ cho phép, thì tôi mới dám nhận chức vụ mà Đại hội đã có nhã ý đề cử, bằng không thì tôi xin phép được từ chối chức vụ này. Vì tôi nghĩ rằng: Nếu không đáp ứng được nguyện vọng của Tăng, Ni và Phật tử thì tôi e rằng không làm tròn trách nhiệm của mình đối với Phật giáo, vậy mong Đại hội thể tất cho..."

Ba kiến nghị của Đức Pháp Chủ GHPGVN vẫn đang được Giáo hội Phật Giáo Việt Nam từng bước hiện thực hóa, trở thành kim chỉ nam soi đường trên con đường phục hưng Phật giáo tại Việt Nam cho hôm nay và mai sau.

3. Kế thừa và phát huy

Thiền phái Tào Động Việt Nam

Để tiếp nối và phát triển tông phong thiền phái Tào Động Việt Nam, chúng tôi xin đề nghị chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử thuộc dòng thiền Tào Động Việt Nam nhất trí thành lập một Ban Quản trị Tông môn, nhằm:

1. Kế thừa truyền thống tốt đẹp của Tông môn do chư vị Tổ sư đã khai sáng và lưu truyền;

2. Nghiên cứu, giáo dục cho các thế hệ hậu con về lịch sử, tư tưởng và hành trạng của chư vị Tổ sư tiền bối;

3. Động viên Tăng Ni, Phật tử hòa hợp, thanh tịnh, tinh tiến tu học, hoằng pháp để trang nghiêm tự thân, giữ vững rường cột tông phong và phát triển Giáo hội.

4. Chư Tăng Ni, Phật tử hiện đang trụ trì và sinh hoạt tại các tự viện thuộc hệ thống Thiền phái Tào Động Việt Nam liên kết, hỗ trợ về vật chất để trùng hưng lại Tổ đình Nhắm Dương - Hải Dương, nơi Tổ sư Thông Giác Thủy Nguyệt nhập tịch, đặc biệt là sớm tôn tạo lại hai ngôi bảo tháp của Sư Tổ đệ nhất và Tổ đệ nhị của thiền phái, hiện đang trong tình trạng xuống cấp nghiêm trọng;

5. Thống nhất chọn Tổ đình Nhắm Dương, thuộc xã Duy Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương là: "Tổ đình Khai sáng dòng Thiền Tào Động Việt Nam", và chọn Tổ đình Hồng Phúc - Hòe Nhại, số 19 Hàng Than, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thủ đô Hà Nội là: "Trụ sở Trung tâm dòng Thiền Tào Động Việt Nam"¹²;

6. Hàng năm, Tăng Ni và Phật tử thuộc dòng Thiền Tào Động Việt Nam, lấy ngày 6 tháng 3 âm lịch (là ngày giỗ Sư Tổ đệ nhất và hiệp kỵ chư vị Tổ sư thuộc dòng Thiền Tào Động Việt Nam - tại Tổ đình Nhắm Dương - Hải Dương) và ngày 11 tháng 11 âm lịch (là ngày giỗ Đức Đệ nhất Pháp chủ GHPGVN, cũng là ngày quy tụ họp mặt, tu tập, chia sẻ kinh nghiệm tu học, hoằng pháp của toàn thể Tăng Ni, Phật tử thuộc hệ thống dòng thiền Tào Động Việt Nam - tại Tổ đình Hồng Phúc - Hà Nội) là hai ngày lễ trọng đại của tông Tào Động Việt Nam.

7. Đồng thời, đề nghị quý cấp chính quyền quan tâm tạo điều kiện, cho phép mở rộng, khoanh vùng và cắm cột mốc bảo vệ Khu di tích lịch sử quốc gia Chùa Nhắm Dương và sớm đề nghị Bộ Văn hóa-Thể thao và Du lịch xếp hạng Khu di tích lịch sử Chùa Nhắm Dương thành "Khu di tích đặc biệt của quốc gia". ■

Chú thích:

1. Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tr.497, Nxb Phương Đông.

2. Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tr.498, Nxb Phương Đông.

3. Thích Thanh Từ, *Thiền sư Trung Hoa*, tập 2, tr.11, Nxb Thành hội Phật giáo TP.HCM.

4. Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tr.498, Nxb Phương Đông.

5, 6, 7, 8. Thích Thanh Từ, *Thiền sư Trung Hoa*, tập 2, tr.11, Nxb Thành hội Phật giáo TP.HCM.

9. Ngài quê ở xã Thanh Triều, huyện Ngự Thiên, phủ Tiên Hưng, đạo Sơn Nam (Thái Bình ngày nay). Nhằm năm Đinh Sửu đời vua Lê Thần Tông (1637), ngài thác thai vào nhà họ Đặng làm con đầu lòng, năm 18 tuổi trúng tuyển Cống cử (Tứ trường), đến năm 20 tuổi xuất gia tại chùa Xả Hồ, huyện Thụy Anh (Thái Bình).

10. Như Sơn, *Thiền uyển kế đặng lục*, tr.295, Nxb Hồng Đức.

11. Thiền sư Tông Diễn không biết tên tục, quê quán có thể ở thôn Phú Quân, huyện Cẩm Giang.

12. Theo cổ Đại lão Hoà thượng Kim Cương Tử thì Hòa thượng Thủy Nguyệt là tổ khai sáng chùa Hòe Nhại (Hồng Phúc tự) ở phố Hàng Than, Ba Đình, Hà Nội.



Phía trước là chân trời

NGUYỄN TƯỜNG BÁCH

Năm 2016 rõ là một khúc quanh lịch sử của đất nước. Đây là một năm mà nền kinh tế trong nước và giao thương với thế giới đạt đến một tầm mức khác trước. Các hiệp định kinh tế dự kiến trong 2016 cũng như các mối liên kết với các nước phương Tây cho phép ta tin đất nước đứng trước một bước phát triển hứa hẹn.

Nhưng cũng như nhiều lần trong quá khứ, sự chuẩn bị trong nội bộ về tâm thức và cấu trúc xã hội hình như chưa đầy đủ. Lịch sử đã nhiều lần cho thấy, các biến cố quan trọng thường chờ tới mà tâm thức dân tộc chưa kịp sẵn sàng, luôn luôn rơi vào thế bị động. Cụ thể nhất là biến cố 1975, đó là một cơ hội tuyệt diệu cho dân tộc chúng ta chuyển mình trên mặt cơ cấu chính trị và văn hóa. Thế nhưng, như những nghiên cứu nghiêm túc trong chục năm qua cho thấy, chúng ta đã bỏ lỡ rất nhiều cơ hội trong việc hòa hợp dân tộc, đổi mới văn hóa, chuyển hướng chính trị và kinh tế.

Năm 2016 sẽ là một năm bắt đầu cho một thập niên tuy chứa đầy thách thức nhưng cũng mang nhiều hứa hẹn cho dân tộc. Cùng lúc với đà biến chuyển này là những thay đổi đang diễn ra sâu sắc trên trường quốc tế mà rõ nét nhất là sự hình thành một thế giới đa cực với nhiều siêu cường và cuộc đấu tranh trực diện giữa các nền văn hóa và tôn giáo. Trên thế giới cũng như

tại Việt Nam, niềm tin và tôn giáo sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành *tâm thức xã hội*, nó chính là “phông” văn hóa của một quốc gia và sẽ chiếm vị trí nền tảng mặc dù không lộ diện rõ như các biến chuyển kinh tế hay chính trị hàng ngày. Vì tâm thức xã hội vốn ẩn, không hiện nên chính nó chi phối một cách vô thức lên hành vi con người trên mọi tầng lớp.

Trước biến chuyển đầy hứa hẹn và thách thức như nói trên, ta không thể không ưu tư về nền tảng văn hóa hiện nay trong xã hội Việt Nam. Đặc trưng của nó là gì và ta có thể làm gì?

Một điều mà ta có thể thấy khắp nơi trong xã hội hiện nay là tâm lý chạy theo đồng tiền và thói quen sử dụng bạo lực càng ngày càng gia tăng trong xã hội. Điều này thực ra cũng là hiện trạng chung trong các nước trên thế giới, nhưng tại Việt Nam yếu tố bạo lực và coi thường pháp luật có xu thế lan tràn nhanh hơn các nước khác. Về nguyên nhân của nó đã có nhiều sách báo đề cập, ở đây ta hãy xem yếu tố này là hết sức trầm trọng, cần lưu ý để tìm lời giải đáp.

Song song với đà sa sút về văn hóa và tâm thức xã hội, kỳ diệu thay, trong xã hội chúng ta xuất phát càng lúc càng rõ nhiều dấu hiệu ngược lại. Ta có thể kể đến những nhóm quần chúng, nhóm tín đồ các tôn giáo, nhóm thanh niên trẻ... thiết tha tìm hiểu các giá trị đạo



đức, nhân sinh quan cao đẹp, các phép tu tập thân tâm. Những nhóm người đó tìm đến học tập lẫn nhau, nghe thuyết giảng, thực hành các phép tu dưỡng tâm linh, hoạt động thiện nguyện và xã hội. Họ muốn cuộc đời mình không uổng phí, muốn giáo dục con em mình bằng chính cuộc đời ngay thẳng của mình, muốn xoa dịu nỗi đau của người khác trong một xã hội vô cảm, muốn chính mình được thăng hoa lên trên những nhu cầu thường ngày và tâm lý thế tục.

Số người đó không hề nhỏ trong xã hội chúng ta, trong đó có khá nhiều người trí thức, văn nghệ sĩ, doanh nhân, cả người đang có chức có quyền. Họ có năng lực và trình độ, quan tâm sâu xa đến vận mệnh của đất nước. Họ dần dần tìm thấy một thế giới quan tích cực, một tâm thức lành mạnh và thiết tha tìm cầu một ý thức hệ hợp lý, hợp thời đại, đặt giá trị con người lên chỗ cao nhất, từ chối đối trá và bạo lực.

Nền văn hóa Phật giáo Việt Nam thực ra có thể đáp ứng điều đó. Và thực sự ta cũng thấy ngày càng có thêm nhiều nhóm quần chúng, nhà doanh nhân, thanh niên trí thức đang tìm hiểu và tu tập trong các trường phái khác nhau của Phật giáo. Từ Bắc vào Nam ở đâu ta cũng thấy có nhiều hoạt động sôi nổi, xây dựng chùa chiền, thuyết giảng, sinh hoạt định kỳ trong khung cảnh Phật giáo. Hình như trong vô thức,

người Việt Nam đang quay trở lại tìm trong nền văn hóa dân tộc và Phật giáo những giá trị xã hội có thể thay thế cho những khẩu hiệu và chủ trương đã lỗi thời và không còn được nhiều người tin tưởng.

Đó là một bước phát triển đáng vui mừng, hợp với qui luật sinh tồn trong thiên nhiên và xã hội. Thế nhưng chúng ta hãy có một cái nhìn nghiêm khắc, vì xuất phát từ kỳ vọng rằng, qua một thập niên mới đất nước sẽ đổi mới, trong đó sự đổi mới về văn hóa và tâm thức sẽ đóng một vai trò then chốt. Do đó hãy nhìn thẳng vào thực trạng của sinh hoạt Phật giáo, trong đó còn tồn tại nhiều điều bất cập. Đã đến lúc Phật giáo cũng phải tự thay đổi chính mình, nếu còn muốn đồng hành với dân tộc.

Nói thì dễ nhưng bắt tay vào làm thì vô cùng khó, vì Phật giáo Việt Nam, cũng như thuyết Vô ngã đã dạy, cũng là một tập hợp của vô vàn những yếu tố khác nhau. Các yếu tố đó chủ yếu là a) bản thân các vị Tăng Ni, b) tâm lý của quần chúng và c) vai trò của Nhà nước.

Người viết bài này chỉ là Phật tử sơ cơ và thân phận bé nhỏ, không đủ khả năng góp ý gì về cả ba yếu tố to lớn nói trên, chỉ vì lòng yêu quê hương và đạo pháp mạo muội xin góp vài ý kiến.

Các vị Tăng Ni là rường cột của giáo pháp, quý vị là “Tăng”, một trong ba pháp bảo mà tín đồ qui y. Tất nhiên quý vị phải đầy đủ giới đức và trên cơ sở tu chứng mà giảng giải đạo lý cho quần chúng. Một khoảng cách nhất định đối với chính trị cần phải được gìn giữ.

Các vị quần chúng Phật tử là người học hỏi giáo pháp, cần học đúng lời Phật dạy, hiểu rõ các nguyên lý cơ bản của giáo pháp như Duyên sinh và Nhân quả, không rơi vào mê tín dị đoan. Quần chúng cần hiểu rằng, thái độ của mình đối với tu sĩ cũng phần nào ảnh hưởng lên phẩm hạnh của các vị đó.

Nhà nước là khung cảnh hoạt động của Tăng Ni và Phật tử. Dân có mạnh thì nước mới giàu. Phật tử và Tăng Ni tinh tấn thì tâm thức xã hội của toàn quốc gia mới phát triển. Trách nhiệm Nhà nước là thành tâm hỗ trợ cho Phật giáo được phát triển, Nhà nước không cần lo ngại các tổ chức Phật giáo sẽ ảnh hưởng lên vai trò lãnh đạo của mình.

Ngoài Phật giáo, chúng ta còn những tôn giáo khác và cả những ai không tin tôn giáo nào. Nhưng nhìn các hoạt động đang diễn ra trên đất nước, ta có thể tin rằng, văn hóa Phật giáo đóng một vai trò then chốt trong đời sống tâm linh của dân tộc, đủ khả năng đồng hành với cả nước đổi mới về xã hội và kinh tế trong thập niên sắp tới.

Lịch sử chứng minh quyền lợi Phật giáo không bao giờ mâu thuẫn quyền lợi của dân tộc. Phật giáo có thể giúp nước và ngược lại nền chính trị nước nhà cũng giúp ngược lại Phật giáo. Phật giáo có thể cung cấp một cơ sở văn hóa hiện đại và hiếu hòa, năng động và nhân bản, phù hợp với đòi hỏi hiện nay của thời đại. ■

Mùa đông

trong thơ Haiku Nhật Bản

HOÀNG XUÂN VINH



Trong bức tranh cuộn bốn mùa của thơ ca truyền thống Nhật Bản, của thơ Haiku, mùa đông là mùa cuối cùng khép lại một năm dài để lại mở ra một khởi đầu mới, liên tục, bất tận, vô thủy vô chung... Trong thế giới thơ Haiku mùa đông, tuyết là điểm sáng thẩm mỹ hội tụ và tỏa sáng mọi vẻ đẹp, mọi ý nghĩa, mọi sắc thái, mọi sắc màu của mùa đông. Đó là lý do vì sao chúng tôi chọn hình tượng tuyết cho những nghiên cứu và cảm nhận đầu tiên về thơ Haiku mùa đông trong nền văn học Nhật Bản.

1. Mùa đông và tuyết trắng - Những bông tuyết đầu mùa

"Tuyết là một bài thơ. Một bài thơ rơi xuống từ những cụm mây thành những bông trắng nhẹ.

Bài thơ rơi xuống từ bầu trời, từ bàn tay Thượng đế.

Nó mang một cái tên. Một cái tên của màu trắng tinh khiết.

Tuyết!"

Tạo hóa hình như không công bằng lắm khi chỉ ban tặng tuyết cho một số quốc gia trên hành tinh trái đất.

Như để bù đắp cho những mất mát tổn thương bởi những cơn địa chấn dữ dội, những ngọn sóng thần kinh hoàng, tạo hóa đã gửi tuyết đến cho xứ Phù Tang như là một tặng phẩm từ trời cao. Tuy trải dài qua nhiều vĩ độ, nhưng ở đầu đảo quốc này cũng có tuyết rơi trắng xóa đất trời trong mùa băng giá. Tuyết rơi giữa tầng không và tuyết rơi trong văn chương nghệ thuật. Tuyết rơi từ thuở ban sơ buổi đầu lập quốc và tuyết

rơi từ khởi nguyên của thi ca qua hình tượng Fujisan (núi Phú Sĩ) thiêng liêng và bất tử trong tuyển tập thơ ca Manyoshu:

*"Cả những vầng mây trắng
không dám giăng ngang đầu
sợ vùng linh thiêng ấy
chim nào dám bay cao
chỉ có tuyết và lửa
trên đầu non đầu nhau"²*

Văn học Nhật Bản đời sau vẫn đẹp tinh khôi màu tuyết trắng! Xứ tuyết (Yukiguni) của Y. Kawabata được

xem là quốc bảo của văn học xứ Phù Tang, là nơi hội tụ của ba cõi: cõi Trời, cõi Đất và cõi Người.

Không gian văn học mà tuyết rơi nhiều nhất, với nhiều sắc thái thẩm mỹ nhất, thể hiện rõ nhất dấu ấn tín ngưỡng Shinto và Thiên tông, cùng vẻ đẹp tinh cách, tâm hồn Nhật Bản nhất, chính là thế giới thơ Haiku. Tuyết (Yuki) cũng là quý ngữ (kigo) có tần số xuất hiện nhiều nhất trong thơ Haiku viết về mùa đông.

Trên chiếc cầu / vẫn còn đang dựng / tuyết đầu mùa rơi (Basho).

Vậy là mùa đông đã sớm đến cùng tuyết trắng đầu mùa! Hình như tuyết cũng nôn nóng và vội vã đến với cuộc sống, với con người! Chiếc cầu chưa kịp bắc qua hai bờ con nước mà tuyết đã vội nổi lên vào phút cuối thu tàn, đông chớm. Những bông hoa tuyết đầu mùa đã nhẹ rơi trên một công trình còn dang dở giữa hai mùa... Tuyết đầu mùa là sứ giả, là tín hiệu của mùa đông dài và lạnh:

Đã rơi năm nào / tuyết mà ta ngắm / bây giờ lại rơi? (Basho).

Bông tuyết đầu mùa / đủ làm trĩu / lá thủy tiên (Basho).

Xâu chuỗi những bài thơ có quý ngữ "Tuyết" (Yuki) trong những bài thơ Haiku mùa đông, ta có thể khái quát nên một số nét ý nghĩa cơ bản làm nên giá trị và vẻ đẹp của tuyết.

- Tuyết và sức mạnh tối thượng bí ẩn trong tín ngưỡng Shinto

Tuyết mười bộ cao / nơi cuối cùng ta sống / trong cuộc đời này sao? (Issa).

Đứng giữa nghiệt ngã của cuộc đời, hẩm hiu của số phận, Issa chỉ còn biết ngưỡng vọng lên trời cao. Trên cao vời vợi ấy tầng tầng tuyết phủ lạnh lẽo rơi xuống số phận cuộc đời nhà thơ Haiku tài hoa mà bất hạnh. Câu hỏi tu từ của bài thơ như xoáy sâu vào tim người đọc.

Cùng với tuyết là những hiện tượng thiên nhiên dữ dội khác như mưa đá, sương giá, gió lạnh, giông tố... tất cả đều mang theo một sức mạnh huyền bí.

Cũng như thơ Haiku mùa hạ, mảng thơ Haiku màu đông với hình tượng tuyết và các hình tượng cùng hệ thống là nhóm thơ Haiku mang đậm dấu ấn của tín ngưỡng Thần đạo rõ nét và sâu đậm nhất. Và dấu ấn Phật giáo cũng thấp thoáng trong những bài thơ Haiku tuyết trắng:

Tốt hay xấu, luôn tin vào Phật / Tôi chia tay / với năm sắp hết (Issa).



Vô ngại, vô chấp, nhưng hữu ngã, bài thơ này của Issa khẳng định một đức tin kiên định với một phong thái ung dung, nhẹ nhàng:

Muôn phần tri ân / chân giường tôi tuyết trắng / từ Tịnh độ rơi sang (Issa).

Đó cũng là bài thơ cuối cùng của Issa, được tìm thấy dưới gối khi ông nằm chết trong một nhà kho lạnh lẽo tối tăm ẩm ướt giữa một ngày đông đầy tuyết.

Tuyết mang một trong nhiều đặc tính vĩnh cửu là lạnh lẽo, rét buốt. Đặc tính này khiến tuyết từ một hiện tượng tự nhiên đã trở thành một sức mạnh siêu nhiên trong tín ngưỡng nguyên thủy của con người xứ lạnh.

Cõi ngựa mùa đông / chiếc bóng của mình / đường như lạnh cóng (Basho).

Đến cái bóng cũng lạnh cóng giữa trời đông nữa huống chi chủ nhân của nó với thân xác hữu hình hữu cảm! Nói đến sự khắc nghiệt của băng tuyết mà hóm hỉnh như vậy thật là ung dung tự tại! Bằng cách nói đùa bầy và hoán dụ, thi nhân lữ khách đã đẩy cái lạnh vượt ra ngoài các khuôn khổ của cảm giác lẫn tưởng tượng một cách vừa dí dỏm vừa tinh tế. Đùa cợt với cái lạnh buốt của mình, nhưng thi nhân lại xót xa với cái lạnh buốt của cả những sinh linh bé nhỏ:

Mưa đông giăng đầy trời / một chú khỉ đơn độc / cũng mong chiếc áo tơi (Basho).

Thật cảm động trước tấm lòng nhân hậu của thiên sư. Cái nhỏ nhoi tội nghiệp của chú khỉ con như tương phản cái rộng lớn vô cùng của trời mưa mùa đông. Nhưng cái ấm áp của tình thương, của sự cảm thông và thấu hiểu cũng đã làm ấm lại cả một trời băng giá!

Thiên sư còn cảm thương nhiều sinh linh bé nhỏ khác trong cái rét buốt của mùa đông:

Trong tuyết ban mai / đôi mắt ta nhìn cả / những con ngựa gầy (Basho).

Con nhận ốm đau / rơi trong chiếu rét / ôi lữ khách nào (Basho).

Câu thơ này gọi khả năng liên tưởng trong phép so sánh ngầm. Thương cảm con nhận chiếu đông cũng chính là thương xót cho thân phận con người. Bài thơ cũng là lời tự bạch, tự cảm của cái tôi lữ khách trên con đường lữ thứ giữa mùa đông:

Năm gần tàn / tôi vẫn còn rong ruổi / nón lá và dép rơm? (Basho).

- Tuyết cùng vẻ đẹp tinh khôi và niềm vui dí dỏm

Trong văn hóa Phật giáo truyền thống Nhật Bản, màu trắng là một biểu tượng của Đức Phật với vòng hào quang trắng, bông sen trắng. Và trong tín ngưỡng Thần đạo, màu trắng của tuyết là nơi hội tụ của mọi sắc màu. Đó chính là màu trên lá quốc kỳ thiêng liêng của xứ sở Mặt trời mọc - màu của sự chính trực, thuần khiết và tinh khôi - màu của cái đẹp tuyệt đối và vĩnh cửu.

Con quạ ô / sớm mai trong tuyết / đẹp không ngờ! (Basho).

Đây là một bài thơ hay một bức tranh thủy mặc? Sự tương phản giữa đen và trắng, giữa bé nhỏ và vô tận đã tạo nên một sự tương hợp đẹp đến kỳ lạ, đẹp đến lặng người! Cánh quạ ô - một hình tượng nghệ thuật mang tính biểu tượng, là sứ giả của thần linh trong tín ngưỡng Thần đạo, đã đi vào bài thơ Haiku nào thì bài thơ đó đều trở thành bất tử.

Sự tương giao hòa hợp giữa không gian tuyết trắng với những cảnh vật thiên nhiên, hình ảnh con người... tạo nên nhiều bức tranh tươi đẹp, sinh động tràn trề sức sống và đầy ắp niềm vui.

Đông cứng / trong băng / chiếc lá phong (Shiki).

Lá phong (momiji) là quý ngữ của mùa thu, băng tuyết (yuki) là quý ngữ của mùa đông. Bài thơ vừa là một tuyệt tác của tự nhiên, vừa là một tuyệt tác hội họa được vẽ bằng chất liệu ngôn từ của người thi sĩ. Cái đẹp mùa đông, kỳ diệu thay, là bảo tàng cất giữ cái đẹp của mùa thu! Cả hai cái đẹp của thiên nhiên, của luân vũ giao mùa hòa lẫn trong nhau một cách như nhiên dưới bàn tay của tạo hóa, trong con mắt nhìn thấu cái đẹp của thi nhân.

Dưới làn tuyết mới / lá thủy tiên / nhè nhẹ trĩu mình (Basho).

Tuyết trắng tinh khôi và thủy tiên mỏng mảnh không chỉ hợp thành một vẻ đẹp trinh nguyên mà còn tiềm tàng, còn phát lộ cả một sức sống sinh động và nhạy cảm.

Ngay cả những vật dụng bình thường, thậm chí xấu xí cũng trở nên đẹp đẽ và sống động dưới làn tuyết mỏng.

Chiếc dép cỏ / lênh bênh dưới ao tù / tuyết nhẹ rơi (Basho).

Và bức tranh thiên nhiên kia càng mơ màng hơn khi con người xuất hiện:

Một thoáng đi qua / chiếc ô nào đó / một chiều tuyết phai (Yaha).

Giữa một không gian bạt ngàn tuyết, hình ảnh con người chỉ còn được biểu trưng qua một chiếc ô thấp thoáng, khi ẩn, khi hiện trong một chiều đông nào đó. Tuyết trong tâm linh người Nhật là một sức mạnh siêu nhiên bí ẩn của tạo hóa và tuyết trong tâm hồn duy mỹ, duy tình của người Nhật là biểu tượng của cái đẹp và niềm vui. Có một điều cứ tưởng như là một nghịch lý, nhưng hóa ra lại vô cùng có lý. Mùa đông ở đâu cũng vậy và riêng ở Nhật Bản, nó thường dài lê thê, lạnh lẽo, khắc nghiệt, thường đem lại cho cuộc sống con người sự đói rét, vất vả, nhọc nhằn, khiến con người dễ rơi vào tâm trạng cô đơn, buồn bã, bị ám ảnh bởi sự già cỗi, sự khô héo, bệnh tật, chết chóc... Thế nhưng, trong cái tận cùng của tiết trời, cái vô cùng của tuyết trắng, lại chính con người xứ sở Phù Tang - những nhà mỹ học hồn nhiên nhất - vẫn cảm nhận đến tận cùng cái đẹp tinh khiết của mùa đông tuyết trắng. Cứ thế tuyết rơi mùa trước, tuyết rơi mùa sau, rơi mãi, rơi hoài... và thi nhân vẫn lạc quan, vẫn hóm hỉnh, cứ vui đùa, dí dỏm với mùa đông khắc nghiệt. Đó chính là biểu hiện của

cảm thức Karumi - cảm thức nổi bật trong những bài Haiku về tuyết trắng.

Cời lửa đi nào / tôi có món quà kỳ diệu / nắm tuyết trắng phau (Basho).

Thật là một món quà giản dị, nghèo nàn mà vô giá. Quà tặng ấy cũng dễ thương như người tặng quà vậy!

Đi mua gạo để sống qua mùa đông, nhọc nhằn vất vả là thế, mà nhà thơ vừa đi vừa làm thơ thật dí dỏm, ung dung, tự tại:

Đi mua gạo / vác chiếc bao phủ tuyết / như có khăn đội đầu (Basho).

Nói nhiều về Basho, ta vẫn không quên Issa với thật nhiều những bài thơ buồn bã. Và trong cõi nhân gian của Issa, đặc biệt nhất vẫn là hình ảnh những đứa trẻ thơ ngây, những tâm hồn thơ dại,... thật đáng yêu trong một ngày cuối đông:

Tuyết tan, làng quê ngập tràn / trẻ con (Issa).

Chỉ có một tâm hồn vừa yêu thiên nhiên, yêu quê nhà, yêu cuộc đời và đặc biệt là yêu thương con trẻ mới có thể viết ra một bài thơ Haiku bé bỏng dễ thương và vui tươi đến thế. Tuyết mãi là một thi liệu truyền thống của văn học nghệ thuật.

Và tuyết muôn đời sẽ vẫn vậy, vẫn là nguồn cảm hứng bất tận của thi nhân, vẫn rơi mãi, rơi hoài trên những trang thơ muôn thuở:

Trên trang cây tuyết rơi này / nếu chết đi, tôi cũng sẽ / thành bức tượng Phật tuyết (Chosui).

2. Mùa đông cùng mưa, gió, sương mù và lá chết

Hòa lẫn với tuyết là những hiện tượng thiên nhiên khác mà chúng ta đã nhắc đến ở trên, đều là những hình ảnh mang tính biểu tượng của mùa đông và đã trở thành những quý ngữ quen thuộc. Đó là mưa gió, là sương mù cùng lá chết. Mỗi hình ảnh thơ vừa làm nên sức mạnh thiên nhiên hùng vĩ, bí ẩn, vừa làm nên vẻ đẹp riêng của mùa đông xứ lạnh, của xứ sở Phù Tang cô đơn và khép kín giữa biển khơi miền Đông Bắc.

- Mưa và gió mùa đông

Mưa và gió là hiện tượng thiên nhiên có thể xuất hiện trong suốt cả bốn mùa, nhưng mùa đông là mùa mưa gió xứ lạnh mang những tính chất riêng, sắc thái riêng. Cùng với tuyết rơi xuống từ trời cao, để làm nên cái buốt giá, dữ dội, khắc nghiệt, ẩm ướt đặc thù của mùa đông, đó là cơn mưa đá, những cơn mưa dầm mang theo sức mạnh thiên nhiên bí ẩn:

Ôi dữ dội / tiếng mưa đá / đập lên ô tôi (Basho).

Trước sự mạnh mẽ, dữ dội của thiên nhiên, con người trở nên nhỏ bé với sự sợ hãi, khiếp đảm:

Mưa đá / lóe sáng trên đá / ngọn núi xa (Basho).

Mưa đá là một hiện tượng thiên nhiên kỳ lạ và đáng sợ. Nó ẩn giấu bên trong một sức mạnh bí ẩn và phát lộ bên ngoài một sức mạnh tàn bạo. Mưa đá hòa với núi đá to lớn và sừng sững làm một, khiến con người sợ hãi như đứng trước một đấng siêu nhiên. Mùa đông

thường lê thê lạnh lẽo. Mùa đông cũng là mùa của sự đói rách, lạnh lẽo nên mưa mùa đông càng đáng sợ:

Mưa dầm / trên đồng gốc rạ / thắm một màu đen.

Mưa đông giăng đầy trời / một chú khỉ đơn độc / cũng mong chiếc áo tơi (Basho).

Nhưng với tâm hồn yêu cái đẹp, người Nhật không chỉ sợ hãi mà còn yêu quý, gắn bó, thích thú với những hiện tượng thiên nhiên tưởng chừng như đáng sợ nhất:

Mưa đổ / trên chuồng bò / tiếng gà ó o (Basho).

Xem kia bé ơi / hãy chạy nhanh đến / mưa đá đang rơi (Basho).

Đến với mỗi một bài thơ, chúng ta lại khám phá một góc, một nét, một sắc màu trong vẻ đẹp tâm hồn Nhật Bản.

Đi cùng với mưa là gió. Đẹp và đáng yêu nhất là gió mùa xuân, mát mẻ nhất là gió mùa hạ, buồn bã nhất là gió mùa thu và lạnh lẽo, đáng sợ nhất là gió mùa đông:

Mùa đông vô vô / thế gian một màu / và âm thanh gió (Basho).

Thời gian triền miên, không gian lồng lộng một màu âm đạm và con người chỉ còn cảm nhận được, nghe được sự tồn tại của vũ trụ này qua tiếng gió. Các âm thanh đó con người không chỉ nghe bằng tai mà nghe bằng cả tâm thức, tâm linh và tâm trạng.

Ở đây có một bài thơ mùa đông hiếm hoi trong thơ Buson - thi sĩ của mùa xuân - với một tứ thơ lạ và ngộ nghĩnh:

Trở về nhà / con ngựa vấp / gió đông.

Người ta thường vấp phải một cái gì hữu hình, hữu thể, chứ ai "vấp" phải gió - một hiện tượng tự nhiên chỉ có thể cảm nhận được mà không nắm bắt được. Gặp một hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống, khi cả người và ngựa trở về nhà trong gió đông rét mướt mà lại thành thơ, thì chắc hẳn đó là một thi nhân yêu cuộc đời này lắm!

- Sương mù mùa đông

Các nhà thơ Haiku cũng hay dành cảm hứng cho sương của cả bốn mùa. Nhưng sương của mùa đông là sương giá, sương mù, nó gắn với cái lạnh lẽo, buốt giá, buồn bã, cô đơn và chết chóc.

Tạm biệt, tạm biệt / những bàn tay vẫy / trong sương mù (Issa).

Cuộc đời Issa đi qua nhiều cuộc "sinh ly, tử biệt". Đưa tiễn nhau trong sương mù, mặt không nhìn được mặt, nhưng lại cảm được qua hình ảnh những bàn tay vẫy chào tạm biệt kẻ ở, người đi.

Được giấu rất khéo / trong sương mù / tấm bia mộ (Issa).

Sương mù và bia mộ đều là những hình ảnh buồn thương. Cái tang tóc của bia mộ càng làm âm đạm thêm cái buồn bã, lạnh lẽo của sương mù, khiến lòng người càng tê tái nỗi buồn "tử biệt". Cuộc đời bất hạnh của Issa đã bao lần tự tay xây bia mộ cho những người thân yêu?

Chim vân tước bay / thử ra sương gió / dẫm lướt tầng mây (Buson).

Bài thơ khắc họa một hình ảnh đẹp, mạnh mẽ, oai vệ của một cánh chim giữa trời đông. Bầu trời mênh

mông vời vợi, sương mây gió phủ kín cả thình không, cánh chim vùn tước tưởng chừng như lẻ loi, nhỏ bé, đơn độc, yếu đuối lại bay xuyên qua vũ trụ với một tư thế thật kiêu hùng!

- Mùa đông với cây già và lá chết

Theo quy luật của tự nhiên phương Bắc, mùa xuân cây lá đơm chồi xanh lộc biếc, mùa hạ tán lá xum xuê, mùa thu lá vàng úa, đỏ thắm khắp lối và mùa đông sẽ là mùa của những cành cây khẳng khiu trơ trụi, của lá khô lá chết rụng đầy vườn xưa lối cũ.

Mùa xong tôi tây / tôi đi về nhà / theo hàng cây trụi lá (Busho).

Con người một mình đi giữa mùa đông, cảm nhận sự hiện diện của mùa đông qua hàng cây trụi lá. Cũng hàng cây đó làm bạn mỗi ngày đi về trên lối cũ, nhưng chỉ khi nó trơ trụi giữa cái rét mùa đông, thi nhân mới nhận ra nó như những người bạn đứng đợi bên đường chỉ đường dẫn lối về nhà. Bài thơ này có hai quý ngữ của mùa đông rất quen thuộc là tôi tây và cây cành trơ trụi nên sắc thái mùa đông càng rõ nét.

Mùa đông của ta / trên bình phong ấy / cây thông đã già (Busho).

Mùa đông của thiên nhiên thường gắn kết và gợi liên tưởng đến tuổi già của con người. Cây thông già cổ kia cũng như con người ta ấy, đi qua bao mùa đông khắc nghiệt, vẫn vững vàng kiên định. Tuổi già với người Nhật là biểu tượng của cái đẹp, cái đẹp quý giá mang dấu ấn thời gian.

Những chiếc lá rơi / dường như trăm tuổi / giữa ngôi vườn chùa.

Thần linh vắng bóng / lá chết chất chồng / và âm thanh gió.

Hai bài thơ mùa đông với hình ảnh những chiếc lá chết là những bài thơ nổi tiếng của Basho. Lấy vườn chùa làm bối cảnh, bài thơ mở ra một khoảng không gian thanh tịnh, tịch liêu. Không biết ngôi cổ tự đã bao mùa tuế nguyệt và lá đã rơi mấy độ đông về? Thi nhân mơ màng cảm nhận dấu ấn của thời gian mơ hồ qua trăm tuổi của lá, qua cả thời gian quá vãng và cả thời gian hiện sinh. Đó là phút giao cảm giữa con người với vạn vật, giữa tâm trạng và tâm linh.

Ở bài thơ sau ta cảm nhận được sự tịch lặng đến vĩnh cửu. Ở đó chỉ có lá chết chất chồng theo thời gian và ta nghe được tiếng của gió, duy nhất gió, trong cùng tận không gian.

3. Mùa đông và những cánh đồng khô hoang hoải

Tuy không nhiều, nhưng trên con đường phiêu lãng, nhà thơ Haiku đôi lúc đã dừng chân tư lự bên những cánh đồng khô héo, hoang vu. Có lẽ không gian cánh đồng trống trải, mênh mông trong những ngày đông rét mướt khiến con người càng cảm thấy tâm hồn mình như tan ra với vũ trụ bao la, trời xa, đất gần.

Chưa tối hẳn / sao đã vắng / trên cánh đồng khô héo (Busho).

Trời mùa đông mờ mịt, mau tối sớm, không trăng, không sao khiến con người còn lại như cô đơn, lẻ bạn.

Qua đồng hoang / tôi cứ nghĩ / như có ai theo tôi (Busho).

Chính vì vậy mà hốt nhiên con người rơi vào ảo giác, thật mơ hồ, nhưng dường như có thật, tưởng là thật mà lại chỉ hồ như:

Đàn nhạn đi rồi / cánh đồng trước cửa / dường như xa xôi (Busho).

Và thi nhân nhận ra mình tồn tại, trong cái lạnh thấm thía của mùa gió mùa đông:

Lơng thang đông nội / để cho mưa gió / thấm vào hồn tôi (Busho).

Ấm ảnh nhất là hình ảnh cánh đồng khô trong bài thơ cuối cùng, bài thơ tuyệt mệnh của thi sĩ thiên sư Basho gửi lại cho đời.

Đau yếu giữa hành trình

Chỉ còn mộng tôi phiêu lãng

Trên những cánh đồng hoang (Basho).

Đời người là hữu hạn, hiện sinh trong hạn định, nhưng hồn người là vô hạn, vĩnh cửu cùng vũ trụ và luân hồi của thời gian.

Thơ Haiku mùa đông mang một vẻ đẹp riêng của mùa đông phương Bắc, mùa đông quốc đảo. Hầu như tất cả các cảm thức thẩm mỹ đều in đậm dấu ấn trong các bài thơ nên ta khó phân định rạch ròi ranh giới. Cùng với mùa đối trọng nhất là mùa hạ, Haiku mùa đông mang đậm dấu ấn của Thần đạo với vẻ đẹp tinh khôi, thuần khiết và sức mạnh huyền bí, tối thượng của thế giới tự nhiên. Và con người đi giữa đất trời ấy với tất cả tâm thể, tư thế, vị thế ấy đã cùng với thiên nhiên hợp thành một nhất thể thật hài hòa, không chấp ngại, tự tại như nhiên, để nhận ra rằng: một năm đã sắp qua và mùa xuân đang lấp ló đâu đó chờ ta mở cửa.

Thế rồi từ từ / mùa xuân thành tựu / với trăng và hoa mơ (Basho). ■

Tài liệu tham khảo:

[1] Nhật Chiêu, *Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội (2007). [2] Nhật Chiêu, *Thơ ca Nhật Bản*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội, (1998). [3] Maxence Fermine, *Tuyệt*, Minh Phương dịch, Nxb Văn Học, TP.HCM.

Ghi chú:

Những bản dịch thơ Haiku trong bài đều được trích từ các tác phẩm của Nhật Chiêu. 1. Xem *Tuyệt*, (nguyên tác: *Neige*, Maxence Fermine), Minh Phương dịch, Nxb Văn Học TP.HCM (2008). 2. Xem *Văn học Nhật bản từ khởi thủy đến 1868*, Nhật Chiêu, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.





Biết đủ

trong thế giới hữu hạn

THIỆN TUỆ

Đức Phật nhắc cho chúng ta rằng sở dĩ con người cứ để cho mình rơi vào phiền muộn khổ đau, đó là do thiếu hiểu biết về sự thật của hiện hữu và thiếu tu tập trong đời sống hàng ngày. Hết thấy mọi thứ trên cuộc đời, kể cả bản thân mỗi người, đều giới hạn, đều thay đổi, không tồn tại như ý mình muốn,

mình không làm chủ được; thế nhưng con người thì dường như không nghĩ và không muốn chấp nhận sự thật như vậy. Tập quán ái lạc, ái ngã khiến con người lờ đi mọi nguyên tắc giới hạn của sự sống, không ngừng quay cuồng, vùn vẫy trong thế giới hữu hạn để thỏa mãn lòng ham muốn và để khẳng định chính mình. Nhưng càng cố gắng chứng tỏ mình theo cách như



thanh thân với bản chất giới hạn của hiện hữu, bằng lòng với chính mình, không dung dưỡng và không bị chi phối bởi các ý niệm đối đãi: có-không, tốt-xấu, hơn-thua, được-mất, không ham muốn, không ghét bỏ, không để cho lòng tham chi phối, không để cho mình rơi vào mê lầm khổ não bởi dục vọng. Đó là lối sống sáng suốt, có suy tư chín chắn, có tinh tấn tu tập, thoát khỏi phiền muộn khổ đau, đưa đến hạnh phúc an lạc. Nói cách khác, Đức Phật khuyên mọi người nên nhận thức rõ tính chất hữu hạn của hết thảy mọi thứ trên thế gian để thiết lập một đời sống thanh thân an lạc trên cơ sở thực thi nếp sống thiểu dục tri túc. Ngài nêu ra hai hạng người để minh họa về lối sống phiền muộn khổ đau do không biết đủ và nếp sống thanh thân an lạc nhờ biết đủ. Hạng thứ nhất gọi là kẻ vô văn phàm phu, không hiểu được bản chất duyên sinh, vô thường, vô ngã của hiện hữu nên rơi vào phiền muộn khổ đau do lối sống mê lầm, chạy theo các lạc thú thế gian. Hạng thứ hai gọi là đa văn Thánh đệ tử, có nhân duyên tu học theo lời Phật dạy nên không rơi vào phiền muộn khổ đau do hiểu biết đúng đắn về thực tại sanh-diệt của hiện hữu, không chạy theo các ham muốn trần thế. Bạc Giác ngộ gọi hạng thứ nhất là hạng người có thân không tu tập và tâm không tu tập, hạng thứ hai có thân tu tập và tâm tu tập, đi kèm với các định nghĩa:

“Này Aggivessana, thế nào là thân không tu tập và thế nào là tâm không tu tập? Ở đây, này Aggivessana, kẻ vô văn phàm phu khởi lên lạc thọ. Người này được cảm giác lạc thọ, liền tham đắm lạc thọ và rơi vào sự tham đắm lạc thọ. Nếu lạc thọ ấy bị diệt mất, do lạc thọ đoạn diệt, khởi lên khổ thọ. Người ấy, do cảm giác khổ thọ, nên sầu muộn, than van, khóc lóc, đập ngực, đưa đến bất tỉnh. Này Aggivessana, lạc thọ ấy khởi lên cho người kia, chi phối tâm và an trú, do thân không tu tập. Khổ thọ ấy khởi lên chi phối tâm và an trú, do tâm không tu tập.

Này Aggivessana, không luận người nào mà cả hai phương tiện đều có lạc thọ khởi lên, chi phối tâm và an trú, do thân không tu tập; khổ thọ khởi lên, chi phối tâm và an trú, do tâm không tu tập. Như vậy, này Aggivessana, người ấy là người có thân không tu tập và tâm không tu tập.

Và này Aggivessana, thế nào là thân tu tập và tâm tu tập? Ở đây, này Aggivessana, lạc thọ khởi lên cho vị Thánh đệ tử nghe nhiều. Vị này được cảm giác lạc thọ, nhưng không tham đắm lạc thọ, không rơi vào sự tham đắm lạc thọ. Nếu lạc thọ ấy bị diệt mất, do lạc thọ đoạn diệt, khởi lên khổ thọ, vị ấy cảm giác khổ thọ nhưng không sầu muộn, than van, khóc lóc, đập ngực, đưa đến bất tỉnh. Này Aggivessana, lạc thọ ấy khởi lên cho vị kia, không chi phối tâm và không an trú, do thân có tu tập; khổ thọ ấy khởi lên cho vị kia, không chi phối tâm và không an trú, do tâm có tu tập.

Này Aggivessana, không luận người nào mà cả hai phương tiện đều có lạc thọ khởi lên, không chi phối tâm và không an trú, do thân có tu tập; khổ thọ khởi lên,

vậy thì con người càng rơi vào mệt mỏi và thất vọng, vì không có cái gì có thể lấp đầy lòng tham và cũng không có cái ngã để khẳng định.

Phật gia chứng ngộ bản chất giới hạn của hiện hữu, nhìn sự đời và bảo: *“Thế giới là thiếu thốn, khao khát, nô lệ cho tham dục”¹.*

Để giúp cho mọi người tìm thấy thanh thân trong thế giới sanh-diệt hữu hạn, bậc Giác ngộ khuyên mọi người tập sống biết đủ đối với mọi thứ mà mình có được trong đời sống hàng ngày, biết đủ trong cái thấy, trong cái nghe, trong cái ngửi, trong cái nếm, trong sự xúc chạm và trong nhận thức. Biết đủ tức là hiểu rõ tính chất vô thường, tạm bợ của mọi thứ trong cuộc đời và sống tự tại



không chi phối tâm và không an trú, do tâm có tu tập, như vậy này Aggivessana, người ấy là người có thân tu tập, có tâm tu tập”².

Như vậy, sự khác biệt giữa kẻ vô văn phàm phu và vị đa văn Thánh đệ tử là hết sức rõ ràng. Do không hiểu rõ cảm thọ là pháp duyên sinh, do duyên sự xúc chạm giữa các căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) và các trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) mà phát sinh, thay đổi liên tục, không thường hằng, không tồn tại mãi, kẻ vô văn phàm phu có được lạc thọ thì sinh tâm thích thú, hân hoan, rơi vào tham đắm; gặp phải khổ thọ thì sinh giận dữ, bức phiền, rơi vào sầu muộn, than van, khóc lóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh. Vị ấy hoàn toàn bị chi phối bởi cảm thọ, bị các cảm giác lạc và khổ làm cho quay cuồng, mệt mỏi và khổ não. Như vậy, do không thấy được tính chất sanh-diệt hữu hạn của các cảm thọ, kẻ vô văn phàm phu tự để cho mình rơi vào phiền muộn khổ đau bởi các phản ứng yêu và ghét, thuận ứng và nghịch ứng đối với

các cảm thọ. Người ấy sống trong cảm giác mệt mỏi và sầu muộn thường xuyên bởi sự khao khát chạy theo lạc thọ, sự bức phiền lẫn tránh khổ thọ, và bởi sự thay đổi liên tục của các cảm thọ. Nói khác đi, kẻ vô văn phàm phu không thấy được tính chất duyên sinh, vô thường, vô ngã của cảm thọ nên bị các cảm giác lạc và khổ làm cho mê hoặc, bị cảm thọ chi phối, bị trôi buộc bởi cảm thọ, bị cảm thọ làm cho quay cuồng, làm cho mệt mỏi, làm cho sầu muộn. Đức Phật gọi một người như vậy là người có thân không tu tập và tâm không tu tập; tức không biết kiểm soát và phòng hộ các căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; tự để cho mình rơi vào mệt mỏi và khổ đau do lối sống mê đắm chạy theo lòng tham hay do không biết đủ trong đời sống hàng ngày, trong cái thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm xúc và nhận thức.

Bậc Giác ngộ nêu rõ sự mệt mỏi và phiền muộn của lối sống không tu tập, không phòng hộ các căn hay không biết đủ:

“Khi mắt thấy sắc, vị ấy thiên chấp sắc khả ái, ghét bỏ sắc không khả ái, sống với thân niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị ấy không như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát; chính ở nơi đây, các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên không được đoạn diệt không có dư tàn... khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý nhận biết pháp, thiên chấp pháp khả ái, ghét bỏ pháp không khả ái, sống với thân niệm không an trú, với tâm nhỏ hẹp. Vị ấy không như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát; chính ở nơi đây, các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên không được đoạn diệt không có dư tàn.

Ví như, này các Tỳ-kheo, có người bắt được sáu sinh vật, giới loại khác nhau, chỗ tìm món ăn khác nhau, và cột chúng với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con rắn, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con cá sấu, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con chim, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con chó, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con giả can, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con khỉ, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi cột chúng với những sợi dây vững chắc, người ấy cột một cái gút ở chính giữa và thả chúng đi. Này các Tỳ-kheo, sáu con sinh vật ấy, với giới loại sai khác, với chỗ tìm món ăn sai khác, mỗi con sẽ lôi kéo tùy theo chỗ tìm món ăn và giới loại sai biệt của mình. Con rắn lôi kéo, nghĩ rằng: “Ta sẽ đi vào gò mối”. Con cá sấu lôi kéo, nghĩ rằng: “Ta sẽ đi vào trong nước”. Con chim lôi kéo, nghĩ rằng: “Ta sẽ bay lên trời”. Con chó lôi kéo, nghĩ rằng: “Ta sẽ đi vào làng”. Con giả can lôi kéo, nghĩ rằng: “Ta sẽ đi vào nghĩa địa”. Con khỉ lôi kéo, nghĩ rằng: “Ta sẽ đi vào rừng”. Này các Tỳ-kheo, khi nào sáu con sinh vật ấy trở thành mệt mỏi, khi ấy, con vật nào mạnh hơn các sinh vật còn lại, được chúng đi theo, chúng tuân theo, chúng phục tùng. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, với người nào thân niệm không tu tập, không làm cho sung mãn, con mắt sẽ lôi cuốn vị ấy đối với các sắc khả ái và ghét bỏ đối với các sắc không khả ái, tai sẽ lôi cuốn vị

ấy đối với các tiếng khả ái và ghét bỏ đối với các tiếng không khả ái, mũi sẽ lôi cuốn người đối với các hương khả ái và ghét bỏ đối với các hương không khả ái, lưỡi sẽ lôi cuốn vị ấy đối với các vị khả ái và ghét bỏ đối với các vị không khả ái, thân sẽ lôi cuốn vị ấy đối với các xúc khả ái và ghét bỏ đối với các xúc không khả ái, ý sẽ lôi cuốn vị ấy đối với các pháp khả ái và ghét bỏ đối với các pháp không khả ái³.

Khác với kẻ vô văn phạm phu rơi vào phiền muộn khổ đau do thiếu hiểu biết và do không tu tập, vị đa văn Thánh đệ tử nhờ học tu theo giáo pháp giác ngộ của Phật, hiểu rõ tính chất duyên sinh, vô thường, vô ngã của mọi hiện hữu, có thân tu tập và tâm tu tập, biết kiểm soát và phòng hộ các căn nên thoát khỏi phiền não khổ đau do không bị lòng tham chi phối hay nhờ biết đủ trong đời sống hàng ngày. Vị ấy không thích thú, hân hoan, không rơi vào tham đắm lạc thọ khi nó khởi lên; không giận dữ, bực phiền, không rơi vào sầu muộn, than van, khóc lóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh khi đối diện với khổ thọ. Như vậy, nhờ hiểu biết sáng suốt, có tu tập, biết kiểm soát và phòng hộ các căn, không chạy theo lạc thọ, không phản kháng khổ thọ, vị đa văn Thánh đệ tử không rơi vào mê mải và phiền muộn, sống thanh thân an lạc giữa muôn vàn biến động của cuộc đời. Vị ấy được mô tả có lối sống như vậy:

"Khi mắt thấy sắc, vị ấy không thiên chấp các sắc khả ái, không ghét bỏ các sắc không khả ái, sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát; chính ở nơi đây, các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn... khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý biết các pháp, không thiên chấp các pháp khả ái, không ghét bỏ các pháp không khả ái, sống với thân niệm an trú, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật rõ biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát; chính ở nơi đây các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn."

Ví như, này các Tỳ-kheo, có người bắt được sáu sinh vật, giới loại khác nhau, chỗ tìm món ăn khác nhau, và cột chúng với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con rắn, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con cá sấu, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con chim, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con chó, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con giả can, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi bắt được con khỉ, người ấy cột với một sợi dây vững chắc. Sau khi cột chúng với những sợi dây vững chắc, người ấy cột vào một cái cột hay một cái trụ vững chắc. Này các Tỳ-kheo, sáu con sinh vật ấy, với giới loại sai khác, với chỗ tìm món ăn sai khác, mỗi con sẽ lôi kéo tùy theo chỗ tìm món ăn và giới loại sai biệt của mình. Con rắn lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào gò mồi". Con cá sấu lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào trong nước". Con chim lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ bay lên trời". Con chó lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào làng". Con giả can lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào nghĩa địa". Con khỉ lôi kéo, nghĩ rằng: "Ta sẽ đi vào rừng". Này các

Tỳ-kheo, khi nào sáu con sinh vật ấy trở thành mê mải, khi ấy, chúng sẽ đứng gần bên, ngồi gần bên, nằm gần bên cái cột ấy hay cái trụ ấy. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, khi nào thân niệm được tu tập, được làm cho sung mãn, con mắt không lôi kéo vị ấy theo các sắc khả ái, đối với các sắc không khả ái, không có ghét bỏ; tai không lôi cuốn vị ấy theo các tiếng khả ái, đối với các tiếng không khả ái, không có ghét bỏ; mũi không lôi cuốn vị ấy theo các hương khả ái, đối với các hương không khả ái, không có ghét bỏ; lưỡi không lôi cuốn vị ấy theo các vị khả ái, đối với các vị không khả ái, không có ghét bỏ; thân không lôi cuốn vị ấy theo các xúc khả ái, đối với các xúc không khả ái, không có ghét bỏ; ý không lôi cuốn vị ấy theo các pháp khả ái, đối với các pháp không khả ái, không có ghét bỏ⁴.

Nhìn chung, có hai lối sống khác nhau được nói đến trong đạo Phật để cho mọi người có thể tự mình tìm hiểu và lựa chọn. Thứ nhất là lối sống thiếu hiểu biết sáng suốt, thiếu tu tập, không biết đủ trong đời sống hàng ngày, khiến cho con người rơi vào mê mải, phóng dật, trở nên mê mải, phiền muộn, khổ não. Đó là lối sống chạy theo các dục hay các lạc thú thế gian - sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, cảm xúc êm dịu, dục tầm, bị tham-sân-si chi phối, nuôi lớn tham-sân-si, bị tham-sân-si làm cho mê mờ khổ não. Thứ hai là lối sống hiểu biết sáng suốt, có nỗ lực tu tập, thiếu dục tri túc, khiến cho con người không rơi vào mê mải, không phóng dật, không trở nên mê mải, phiền muộn, khổ não, được tự do, thanh thân, an lạc. Đây chính là lối sống nỗ lực phòng hộ các căn, nhiếp phục lòng tham, không để cho tham-sân-si chi phối, lần lượt đi ra khỏi phiền não khổ đau mà người con Phật chọn thực hiện trong đời sống hàng ngày.

Kinh *Pháp Cú* xác nhận rằng kẻ mê say theo các dục thì lao nhọc suốt đời, vì mãi cho đến lúc chết lòng tham dục vẫn không được thỏa mãn⁵. Người Phật tử học tu theo lời Phật dạy, chấp nhận nếp sống trung đạo - Bát chánh đạo, tiết độ trong mọi sinh hoạt và nhu cầu, chế ngự các ham muốn giác quan, thực thi nếp sống biết đủ trong đời sống hàng ngày. Đó là lẽ sống tỉnh táo, sáng suốt, thanh thân, an lạc, được chứng nghiệm và khuyến khích bởi các bậc giác ngộ, một lẽ sống được mệnh danh là "dầu nằm trên đất vẫn thấy vui thích"⁶ do biết đủ, không bị dục vọng làm cho điên đảo; khác với lối sống không biết đủ, quay cuồng chạy theo các dục, được xem là "tuy ở thiên đường cũng vẫn bất mãn"⁷. ■

Chú thích:

1. Kinh *Ratthapàla*, *Trung Bộ*.
2. Đại kinh *Saccaka*, *Trung Bộ*.
3. Kinh *Sáu sinh vật*, *Tương Ưng Bộ*.
4. Kinh *Sáu sinh vật*, *Tương Ưng Bộ*.
5. Kinh *Pháp Cú*, kệ số 48.
6. Kinh *Di giáo*.
7. Kinh *Di giáo*.

Sôi hân hoan của nào nào

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Con người ngay từ thuở bé và những xã hội sơ khai thuở xưa đã có những cảm thức đầu tiên non nớt về tội lỗi, về thiện và ác, xấu và tốt. Điều này phản ánh rõ ràng trong các chuyện cổ tích ở những thời xa xưa của loài người.

Lớn lên, nhờ tôn giáo, văn hóa và xã hội, ý thức đạo đức trở nên rõ ràng hơn, vững chắc hơn. Đến độ nói rằng một con người trưởng thành nghĩa là nói mức độ hiểu biết xấu và tốt của người ấy; một xã hội văn minh là một xã hội sống theo cái tốt và rất ít những cái xấu. Đối với một con người hay một xã hội, không thể đánh giá nó mà bỏ qua phạm trù đạo đức.

Thiện và ác, tốt và xấu là cái căn bản của phạm trù đạo đức. Vậy thì tốt là gì, xấu là gì?

Xấu là làm hại, làm hư hỏng con người, kể cả chính mình, sự vật và thế giới. Tốt là ngược lại, làm tốt đẹp, làm hoàn thiện cho con người, sự vật và thế giới. Chúng ta thấy sự tiến bộ của con người và xã hội luôn luôn là hướng đến điều tốt. Tất cả mọi nghề nghiệp, mọi ngành nghiên cứu đều hướng đến điều tốt, nghĩa là để hoàn thiện con người và thế giới.

Trong Hội nghị về Biến đổi khí hậu COP ở Paris, tháng 12 năm 2015, chúng ta thấy đây là một chiến thắng của khoa học kỹ thuật về môi trường và tài ngoại giao khéo léo, còn là chiến thắng về đạo đức khi 196 nước đồng thuận với nhau, nhường nhau về những quyền lợi và thiệt hại kinh tế để theo tiếng nói của lương tâm trước số phận của Trái đất và trách nhiệm

đối với những thế hệ tương lai. Đạo đức không có một con số rõ ràng cụ thể, nhưng là một giá trị tinh thần đã quyết định cho văn minh và tương lai loài người.

Đạo đức, hay là cái thiện, luôn luôn đi cùng với cái đúng, cái đẹp, tạo thành một bộ ba Chân Thiện Mỹ lý tưởng. Chẳng hạn, một người quét trước nhà mà không rảy nước để bụi bay mù mịt. Hành động ấy là không tốt, vì làm hại những người đi đường và những hàng ăn chung quanh. Không đúng, không hợp lý vì trái với sự suy xét của lý trí, không biết thế nào là giữ vệ sinh cho mình và cho người. Không đẹp vì làm xấu đi sinh hoạt của đường phố.

Hành động tốt là làm biểu lộ lòng tốt hình như tiềm ẩn nơi mình đối với người khác, đối với sự vật, và như vậy nâng cấp cho nhân cách người làm. Hành động tốt ấy đem lại niềm vui, sự bằng lòng khi thấy mình không làm hại người, hại vật mà còn làm cho cuộc đời thêm tốt, thêm đúng và thêm đẹp.

Đạo đức không phải là sự ép buộc, sự khó chịu. Nó chỉ là sự ép buộc, khó chịu đối với những tính xấu của chúng ta: sự làm biếng, tính ích kỷ, tính tiêu cực chán đời... Đạo đức là sự hài lòng, sự hân hoan. Hài lòng và hân hoan bởi vì mình bắt kịp nhịp điệu của thiên nhiên và con người; nhịp điệu tự nhiên của thiên nhiên và con người là tiến hóa đến chỗ ngày càng tốt hơn, đúng hơn, đẹp hơn.

Đạo đức là sự hân hoan, vì đó là nhịp điệu tiến hóa của tất cả sự sống. ■



Nền đạo đức mới cho một hành tinh bé nhỏ

ĐỨC ĐẠT-LAI LẠT-MA
KHÁNH UYÊN dịch

Nay thì tôi là một người già. Tôi sinh vào năm 1935 tại một ngôi làng nhỏ ở Tây bắc Tây Tạng. Vì những lý do vượt ngoài sự kiểm soát của mình, tôi đã sống hầu hết cuộc sống trưởng thành của tôi như một kẻ tỵ nạn không tổ quốc ở Ấn Độ, nơi đã trở thành quê hương thứ hai của tôi suốt hơn năm mươi năm qua. Tôi thường tự giấu rằng mình là người khách ở lữ lâu nhất của đất nước Ấn Độ. Cùng với những người khác có cùng độ tuổi, tôi từng chứng kiến nhiều biến cố đầy xúc động vốn đã định hình cho cái thế giới mà chúng ta đang sống trong đó. Từ cuối thập niên 1960, tôi cũng đã xê dịch rất nhiều và đã có vinh dự được tiếp xúc với những người thuộc nhiều tầng lớp khác nhau: không chỉ những tổng thống và thủ tướng, các nhà vua và nữ hoàng, các nhà lãnh đạo của hầu hết những tôn giáo truyền thống lớn trên thế giới... mà cả rất nhiều người bình thường thuộc mọi lĩnh vực của đời sống. Nhìn lại những thập niên đã qua, tôi tìm được nhiều lý do để vui mừng. Nhờ vào những tiến bộ của y học, nhiều chứng bệnh chết người đã được đẩy lùi. Hàng triệu người đã được nâng lên từ sự nghèo khổ, đã tiếp cận được với nền chăm sóc sức khỏe và giáo dục hiện đại. Chúng ta có một bản tuyên ngôn phổ quát về quyền con người và nhận thức về tầm quan trọng của những quyền ấy đã tăng trưởng một cách hết sức đáng kể. Kết quả là lý tưởng tự do và dân chủ đã lan rộng trên khắp thế giới và có một nhận thức ngày càng tăng về tính đồng nhất của nhân loại. Cũng có một nhận thức ngày một lớn mạnh về tầm quan trọng của một môi trường lành mạnh. Về rất nhiều phương diện, nửa thế kỷ vừa qua, hay hơn nữa, đã có một sự tiến triển và những thay đổi tích cực.

Cùng lúc, mặc cho những tiến bộ lớn lao trong rất nhiều lĩnh vực như thế, vẫn còn những đau khổ khủng khiếp, và nhân loại đang tiếp tục đối mặt với những khó khăn, những vấn đề vô cùng to lớn. Trong khi ở những bộ phận thịnh vượng hơn của thế giới, nhiều người được hưởng lối sống của sự tiêu thụ thừa mứa, vẫn còn không biết bao nhiêu triệu người chưa đạt tới việc thỏa mãn những nhu cầu căn bản. Với sự chấm dứt cuộc chiến tranh lạnh, mối đe dọa về sự hủy diệt toàn cầu của vũ khí nguyên tử đã giảm, nhưng nhiều người vẫn tiếp tục chịu đựng những đau khổ và thảm kịch của tranh chấp vũ trang. Cũng vậy, ở nhiều khu vực, con người đang phải đối phó với những

vấn đề môi trường; và, cùng với những vấn đề đó là những sự đe dọa đối với sinh kế của họ và những điều tồi tệ hơn. Cùng lúc, nhiều người khác đang nỗ lực đối phó trước sự bất bình đẳng, tham nhũng và bắt cóc.

Những vấn đề ấy không chỉ giới hạn ở những xứ đang phát triển. Ở những xứ giàu có hơn cũng có vô số khó khăn, kể cả việc lan rộng những vấn đề xã hội: say rượu, lạm dụng ma túy, bạo lực gia đình, rạn nứt gia tộc. Người ta băn khoăn về con cái của họ, về việc giáo dục chúng và về những gì mà thế giới này giữ gìn để dành cho chúng. Lại nữa, ngày nay chúng ta phải nhận biết đến tình trạng có thể diễn ra về việc các hoạt động của loài người đang hủy hoại hành tinh của chúng ta đang vượt qua cái mức không còn có thể quay lại được, một mối đe dọa đang tạo ra sự sợ hãi lớn lao. Hơn nữa, tất cả những áp lực của đời sống hiện đại mang theo với chúng sự căng thẳng, nỗi lo âu, sự trầm cảm cùng với nỗi cô đơn ngày càng tăng. Kết quả là đi đến đâu tôi cũng thấy người ta ca thán. Đến nỗi chính tôi cũng có lúc thấy mình phải ca thán!

Rõ ràng là đang có điều gì đó thiếu sót nghiêm trọng trong cái cách mà loài người chúng ta đối xử với hoàn cảnh chung. Nhưng điều mà chúng ta thiếu sót đó là cái gì? Tôi tin rằng vấn đề căn bản là, ở mọi mức độ, chúng ta đang quá quan tâm đến những khía cạnh vật chất bên ngoài của đời sống, trong lúc vẫn lơ là về luân lý đạo đức và những giá trị nội tại.

Về những giá trị nội tại, tôi muốn nêu lên những phẩm chất mà tất cả chúng ta đều đánh giá cao ở những người khác, và hướng đến những điều mà tất cả chúng ta đều có bản năng tự nhiên, được truyền lại bởi bản chất sinh học của chúng ta với tư cách là những sinh vật, chỉ tồn tại và phát triển được trong một môi trường có sự quan tâm, được yêu mến và có nhiệt tình – hoặc nói một cách ngắn gọn, là có lòng từ. Điều cốt lõi của lòng từ là một sự khao khát làm giảm bớt nỗi đau khổ của người khác và làm tăng trưởng hạnh phúc cho họ. Đó chính là nền tảng tâm linh để từ đó mọi giá trị nội tại tích cực khác xuất hiện. Tất cả chúng ta đều đánh giá cao ở người khác những phẩm chất nội tại như sự tử tế, tính kiên nhẫn, lòng bao dung, sự tha thứ, tâm độ lượng; cũng vậy, tất cả mọi người chúng ta đều không thích thể hiện sự tham lam, tính độc ác, lòng thù hận và thái độ cố chấp đến mức mù quáng. Vậy thì, việc thúc đẩy mạnh mẽ những phẩm chất nội tại



tích cực của nhân tâm vốn xuất hiện từ thiên hướng cốt lõi của chúng ta hướng đến lòng từ, và việc học tập để kháng cự những xu hướng tiêu cực, là điều mà tất cả mọi người sẽ đều cảm kích. Và chẳng có gì để nghi ngờ rằng những người được hưởng lợi đầu tiên từ việc tăng cường những giá trị nội tại ấy chính là chúng ta. Những giá trị nội tại của chúng ta là những gì mà chúng ta đã cố tình liều lĩnh không thèm biết đến; và rất nhiều những vấn đề lớn lao nhất mà chúng ta phải đối mặt trong thế giới ngày nay chỉ là kết quả của sự bỏ bê ấy.

Vậy thì chúng ta phải làm gì? Chúng ta phải hướng đến nơi nào để cầu xin giúp đỡ? Khoa học, mặc dù tất cả những lợi ích mà nó mang lại cho thế giới ngoại tại của chúng ta, vẫn chưa cung cấp được một cơ sở có tính khoa học để phát triển những nền tảng của sự chính trực ở từng con người – những giá trị nhân bản nội tại nền tảng mà chúng ta đánh giá cao ở người khác và sẽ làm hết sức mình để phát triển cho chính mình. Thế thì, có lẽ phải chăng chúng ta sẽ tìm những giá trị nội tại ấy ở tôn giáo, như loài người đã từng tìm kiếm cả ngàn năm qua? Hiển nhiên, tôn giáo đã giúp đỡ hàng triệu người trong quá khứ, đang giúp đỡ hàng triệu người ngay bây giờ, và sẽ tiếp tục giúp đỡ hàng triệu người ở tương lai. Nhưng mặc cho tất cả những lợi ích của tôn giáo trong việc cung cấp sự hướng dẫn đạo đức và ý nghĩa của đời sống, trong cái thế giới trần tục ngày nay, chỉ riêng tôn giáo không thôi đã không còn thích hợp với tính cách là nền tảng của đạo đức nữa. Một lý do của việc này là nhiều người trong

thế giới không còn tin theo bất kỳ một tôn giáo nào. Một lý do khác là, vì con người trong thế giới đang trở nên liên kết chặt chẽ với nhau hơn bao giờ hết trong thời đại toàn cầu hóa và trong những xã hội đa văn hóa, nền đạo đức dựa trên bất kỳ một tôn giáo nào cũng chỉ thu hút một số người nào đó trong chúng ta; nền đạo đức ấy không có ý nghĩa đối với tất cả. Trong quá khứ, khi các dân tộc sống tương đối biệt lập với nhau – như người Tây Tạng chúng tôi đã sống hầu như hoàn toàn hạnh phúc suốt nhiều thế kỷ đằng sau những bức tường thành núi non vây quanh của mình – sự kiện những nhóm người theo đuổi những khuynh hướng đạo đức dựa trên nền tôn giáo của riêng họ đã không đặt ra bất kỳ một khó khăn nào. Thế nhưng ngày nay, bất kỳ câu trả lời nào dựa vào tôn giáo để giải quyết vấn đề bỏ bê những giá trị nội tại của chúng ta cũng sẽ không bao giờ trở thành phổ quát, và vì thế sẽ không là thỏa đáng. Điều mà chúng ta cần ngày nay là một sự tiếp cận vấn đề đạo đức mà không cầu viện đến tôn giáo và có thể được chấp nhận một cách đồng đều cho cả những người có tín ngưỡng cũng như những người không có tín ngưỡng: một nền đạo đức thế tục.

Phát biểu này có vẻ dị thường khi được tuyên bố bởi một người vốn từ lúc còn rất trẻ đã sống cuộc sống của một tu sĩ trong giáo đoàn. Tuy nhiên ở đây tôi thấy không có điều gì mâu thuẫn. Tín ngưỡng của tôi khiến tôi phải phấn đấu cho hạnh phúc và lợi ích của mọi chúng sinh, và việc vượt ra ngoài truyền thống của chính mình để đến với những người thuộc tôn giáo khác cũng như những

người không có tôn giáo, là điều hoàn toàn phù hợp với tín ngưỡng ấy. Tôi tin rằng việc cố gắng thử nghiệm một cách tiếp cận mới, mang tính thể tục, đến một nền đạo đức phổ quát, là điều vừa có thể thực hiện được vừa thực sự có giá trị. Niềm tin của tôi đến từ điều mà tôi tin chắc, rằng tất cả chúng ta, mọi người, đều có khuynh hướng nhằm đến, hoặc có ý thiên về, những điều mà chúng ta nhận thức rằng đó là tốt. Bất kỳ điều gì chúng ta làm, thì chúng ta làm bởi vì chúng ta nghĩ rằng điều đó sẽ có một lợi ích nào đó. Cùng lúc, tất cả chúng ta đều hàm mộ sự tử tế nơi những người khác. Theo tự nhiên, tất cả chúng ta đều hướng đến những giá trị nhân bản nền tảng về tình yêu thương và lòng từ bi. Chúng ta ai cũng thích tình yêu của người khác hơn là lòng thù hận của họ. Ai cũng thích sự hào hiệp của người khác hơn là tính bủn xỉn của họ. Và ai trong chúng ta lại không thích lòng bao dung, thái độ tôn kính cùng với sự tha thứ cho những sai sót của mình hơn là tính cố chấp, thái độ vô lễ và sự oán giận?

Xét vì những điều đó, tôi có một quan điểm vững chắc rằng chúng ta có trong phạm vi giải quyết được của chúng ta một đường lối và một phương tiện để đặt nền tảng cho những giá trị nội tại mà không mâu thuẫn với bất kỳ tôn giáo nào, nhưng quan trọng hơn, là không dựa vào tôn giáo.

Tôi cũng cần làm rõ rằng ý định của tôi không phải là áp đặt những giá trị đạo đức. Làm như thế sẽ không mang lại lợi ích. Cố gắng áp đặt những nguyên tắc đạo đức từ bên ngoài, hay nói cho đúng, áp đặt đạo đức bằng mệnh lệnh, chẳng bao giờ có thể có hiệu quả. Thay vào đó, tôi kêu gọi từng người một trong chúng ta phải đạt tới được sự hiểu biết của chính mình về tầm quan trọng của những giá trị nội tại. Vì những giá trị nội tại đó chính là suối nguồn của cả một thế giới hài hòa về mặt đạo đức lẫn niềm hạnh phúc, lòng tự tin và sự thanh thản nội tâm của từng cá nhân mà tất cả chúng ta đều tìm kiếm. Tất nhiên, mọi tôn giáo lớn trên thế giới, với sự nhấn mạnh vào tình yêu thương, sự từ ái, tính kiên nhẫn, đức bao dung và lòng tha thứ, đều có thể và vẫn làm phát triển mạnh mẽ những giá trị nội tại. Nhưng thực tế của thế giới ngày nay là việc đặt nền tảng đạo đức vào tôn giáo không còn thỏa đáng. Đó chính là lý do khiến tôi tin rằng đã đến lúc cần phải có một lối tư duy về tâm linh và đạo đức vượt ra ngoài tôn giáo.

Những con người cùng thế hệ với tôi vốn thuộc về thế kỷ thứ XX, là một thế kỷ đã trở thành quá khứ. Suốt thế kỷ đã qua đó, loài người chúng ta đã trải nghiệm vô số loại sự kiện, kể cả chiến tranh ở quy mô lớn. Như là kết quả của nỗi đau khổ khủng khiếp mà chiến tranh gây ra, tôi cho rằng chúng ta có phần nào trưởng thành hơn, khôn ngoan hơn. Trong thế kỷ ấy, chúng ta cũng đã thành tựu rất nhiều về mặt tiến bộ vật chất. Nhưng trong khi thực hiện những thành tựu như thế, chúng ta cũng đã tạo ra sự bất bình đẳng xã hội và sự thoái hóa về môi trường, cả hai điều đó chúng ta đang phải giải quyết. Bây giờ chính

là lúc hãy giao cho thế hệ trẻ của ngày nay xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn cái thế giới đã được chuyển giao cho họ. Rất nhiều điều tựa trên đôi vai của họ.

Căn cứ vào thực tế đó, và cũng là căn cứ trên sự thật rằng sự thay đổi xã hội hữu hiệu chỉ có thể xảy đến thông qua những nỗ lực cá nhân, một phần căn bản của chiến lược của chúng ta để giải quyết những vấn đề nêu trên phải là việc giáo dục thế hệ kế tiếp. Đó là lý do tại sao mà trong những cuộc du hành của tôi, tôi luôn luôn tìm cách đến với những người trẻ và dành nhiều thời gian để tiếp xúc với họ. Niềm hy vọng và sự ao ước của tôi là vào một ngày nào đó, nền giáo dục chính thức sẽ chú tâm đến điều mà tôi gọi là giáo dục tâm hồn. Hệt như chúng ta cho rằng nhu cầu đạt tới sự thành thạo trong những chủ đề học thuật căn bản là điều hiển nhiên, tôi hy vọng rằng sẽ đến lúc chúng ta thấy rằng điều hiển nhiên là trẻ em sẽ học, như một phần học trình của chúng, về tính cách thiết yếu của những giá trị nội tại như tình thương yêu, lòng từ bi, sự công chính và thái độ tha thứ.

Tôi mong mỗi đến một ngày khi, như là kết quả của việc kết hợp những nguyên tắc bất bạo động và giải quyết tranh chấp một cách hòa bình, trẻ em sẽ quan tâm nhiều hơn đến cảm giác, cảm xúc, cảm tưởng của mình về một ý thức trách nhiệm lớn lao hơn chẳng những đối với tự thân họ mà còn là đối với thế giới rộng lớn quanh họ. Điều đó sẽ chẳng phải là chuyện kỳ diệu hay sao? Cho nên, để mang lại một thế giới tốt đẹp hơn, tất cả chúng ta, già cũng như trẻ – không phải với tư cách là thành viên của dân tộc này hay dân tộc khác, không phải với tư cách là tín đồ của tín ngưỡng này hay tín ngưỡng nọ, mà chỉ đơn giản là những thành viên cá nhân của cái đại gia đình nhân loại bầy tử người này – hãy cùng nhau phấn đấu với sự tưởng tượng, với sự can đảm và với thái độ lạc quan. Đó chính là lời nài nỉ khẩn thiết hèn mọn của tôi.

Trong quy mô đời sống của vũ trụ, một đời sống của loài người không hơn một đốm sáng lập lờ. Mỗi người trong chúng ta chỉ là một kẻ đến thăm hành tinh này, một người khách, kẻ chỉ có một thời gian trú ngụ hữu hạn. Còn có sự điên rồ nào hơn việc dành cái thời gian ngắn ngủi bơ vơ không hạnh phúc ấy cho việc tranh chấp với những người cùng là khách viếng thăm khác như ta? Chắc chắn, tốt hơn nhiều là hãy sử dụng khoảng thời gian ngắn ngủi ấy trong việc theo đuổi một cuộc sống có ý nghĩa, được làm phong phú thêm bởi một ý thức kết nối với người khác, phục vụ cho người khác.

Cho đến nay, về thế kỷ thứ XXI này, mới chỉ hơn một thập niên đã trôi qua; thời gian của thế kỷ này còn dài. Niềm hy vọng của tôi là thế kỷ này sẽ trở thành một thế kỷ của hòa bình, một thế kỷ của đối thoại – một thế kỷ mà sự tận tâm, tinh thần trách nhiệm và tình người đầy từ ái sẽ xuất hiện. Đó cũng là lời cầu nguyện của tôi. ■

Nguồn: *New Ethics for a Small Planet*, Dalai Lama, Lion's Roar, December 2015.



Nguồn: tuyengiao.vn

Ngôôồ cồ số, xin nhìn lại!

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Tôi lên kế hoạch viết bài này từ rất lâu, lâu lắm rồi. Nhưng không dám viết. Một phần có lẽ bởi tôi là kẻ hèn nhát, sợ ném đá. Cũng giống như bài “*Người tu sĩ xin nhìn lại*”, viết ra, đăng lên nhận đá, nhận gạch là chắc chắn; hơn nữa, rất có thể bị hiểu lầm thành người soi mói, nói cái xấu của người... Tuy nhiên, hôm nay tôi vẫn quyết định viết ra. Suy đi tính lại, dù sao cũng cần viết ra suy nghĩ của mình, cái nhìn của mình. Chẳng gì bằng nói thật. Có gì tốt hơn khi chúng ta biết sự thật để tìm cách tự thay đổi. Tôi ngồi gõ và nghĩ gì gõ đó, không cần đọc lại. Bởi cứ để dòng suy nghĩ chảy ra là tốt nhất, là đúng như thật nhất.

Con xin thành tâm sám hối trước chư Phật, chư Bồ-tát mười phương, trước chư vị A-la-hán, chư Hiền Thánh Tăng thường trú khắp muôn nơi. Con xin chí thành sám hối trước liệt vị tổ sư qua các thời đại, từ Tây Trúc cho đến Việt Nam. Con thành thật viết ra để tự nhắc mình, răn mình, như một cư sĩ. Rồi biết đâu có những bạn đồng tu cũng có cùng suy nghĩ với con để cùng nhau giật mình, cùng nhau tu tốt hơn. Tu là sửa. Chúng con cùng bên nhau, nắm tay nhau, kể sát tâm với nhau để tu, để sửa.

Bài này con cũng mong rằng sẽ có ít nhất một ngàn người đọc. Trong một ngàn người đó ít nhất có mười người đồng quan điểm với con và sẽ có một người liên lạc với con để chung bước đi tiếp con đường của người Phật tử tại gia. Con cũng mong ngay cả thời nay vẫn có những vị cư sĩ tại gia chứng đắc, vẫn có những vị hộ pháp như ngài Cấp Cô Độc thời xưa. Mà phải nhiều là khác vì thời nay văn minh, điều kiện đầy đủ như vậy cơ mà.

1. Cơ sự đâu nên nông nổi này?

Như chúng ta đã biết, ngày nay có một bộ phận quý thầy, quý sư cô, những người xuất gia, từ bỏ gia đình quyết chí tu tập để giác ngộ và giải thoát lại không lo chuyện tu mà lại CHUYỂN TÂM đi cúng, đi xây chùa, đi làm từ thiện, cúng lễ, bói toán, đi làm nhang làm nến, sản xuất hàng hóa để bán. Đó là những việc của người đời chứ đâu có phải là bổn phận của người tu. Đó là chưa nói đến chuyện iPhone, xe xịn, rượu bia, sống buông thả... Lỗi một phần rất lớn là của tôi, của chúng ta và của quý vị, của những người cư sĩ chúng mình.

Cơ sự rằng có những quý thầy, quý sư cô sống và tu sai, tu và sống theo bát tà đạo chứ không phải Bát chánh đạo là một phần do cư sĩ chúng ta. Người Phật

tử tại gia thích đến chùa to, thích vào chùa đẹp. Chùa là nơi để tu chứ đâu có phải là danh lam thắng cảnh để tham quan. Chúng ta khen chùa nọ đẹp, chùa kia lớn, chùa nơi A có tượng Phật ngọc, chùa nơi B có tượng Bồ-tát cao kỷ lục... và làm quý thầy suy nghĩ. Quý thầy vẫn là người tu. Người tu tức là sửa mình. Tứ chúng cùng tu mà. Vì còn đang tu nên tham sân si vẫn còn. Làm sao mà hết ngay được ham muốn đối với tài, sắc, danh, thực, thù. Vậy nên khi gặp những Phật tử xúi thêm vào, quý thầy cũng khó xử, tâm xao động. Nghe một người kích bác, quý thầy thấy chẳng có vấn đề gì. Vài người chê chùa nhỏ, sư cô thân nhiên. Nhưng khi cả trăm, cả ngàn cư sĩ “phán” và “gạ gẫm” thì quý thầy, quý sư cô (vì chưa là Thánh) bắt đầu xiêu lòng. Vậy là thay vì để thời gian hành thiền, tu thân sửa tâm, nhiều thầy trở thành kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng hay nghệ nhân làm tượng bất đắc dĩ. Than ôi. Chúng ta cần nhìn lại mình nhé, quý vị cư sĩ yêu kính.

Khẩu nghiệp lớn quá. Chúng ta, chính chúng ta khen chùa này đông Phật tử, khen thầy kia lắm đệ tử. Thế là có thầy méch lòng. Thế rồi chúng ta đưa quý thầy quý sư cô vào con đường xấu - tìm cách chiêu mộ đệ tử, chẳng khác gì chiêu quân. Chuyện này có xảy ra không nào. Chắc chắn có. Lỗi tại ai nào, nếu không phải tại Phật tử tại gia chúng ta.

Chúng ta không hài lòng khi thấy quý thầy quý sư cô xin xăm, bói toán, kêu gọi ghi tên cầu an cầu siêu, cúng sao giải hạn... mà quên đi rằng lỗi là do chúng ta. Chúng ta mời, chúng ta thỉnh, chúng ta năn nỉ, chúng ta muốn. Có những quý thầy đâu có biết cúng. Nhưng nghe yêu cầu hoài, yêu cầu mãi, thầy đến cúng một lần và lâu dần thầy có nghề thầy cúng! Chỉ tại Phật tử tại gia chúng ta làm hỏng các thầy mà thôi.

Viết đến đây tôi nhớ rằng có lần về quê thăm nhà một anh bạn. Cả làng cả xã đang khen ngợi và tôn vinh một ông quan chức A vừa làm cho làng một đoạn đường. Ông ấy còn xây cho cả cổng làng rất đẹp. Ai cũng trầm trồ tán thán. Ai cũng khen mà không biết (hoặc chưa biết) rằng ông quan chức kia lấy tiền đâu ra. Cả trăm phần trăm, tiền làm đường và làm cổng làng đó là tiền tham nhũng. Ông quan chức được khen, sướng quá và hứa sẽ làm thêm cái B, cái C cho quê. Tiền đâu ra. Lại phải đi tham nhũng tiếp. Đấy, chúng ta tiếp tay cho tham nhũng đấy.

Đối với các chùa và các nhà sư cũng vậy. Chúng ta cũng khen, cũng kích động kiểu ấy và vô tình kéo thầy mình vào tà đạo, giết thầy mình không dao. Tôi nhớ và đã rất buồn khi được đón một Thượng tọa đến giảng pháp. Ai cũng cung kính và chờ đón. Cuối cùng thầy nói về sức khỏe và quảng bá thuốc của một hãng đa cấp. Rồi Thượng tọa bảo rằng nếu quý vị muốn thầy sẽ mời ngay chuyên gia rất giỏi của hãng đa cấp A đó về thuyết giảng về giá trị của các loại thuốc này. Thầy khoe ngay rằng nhờ tham gia vào đây mà thầy chẳng cần làm gì

mỗi tháng cũng có cả trăm triệu đồng. Ai là người đưa thầy đi bán hàng? Ai là người lôi thầy vào mạng lưới đa cấp, nếu không phải Phật tử tại gia chúng ta?

Cư sĩ chúng ta chưa chịu làm những việc mà các quý thầy quý sư cô đang phải làm. Ngày xưa ngài Cấp Cô Độc rồi các cư sĩ khác lo chuyện xây dựng thiền đường, Tăng xá, Ni xá. Quý vị xuất sĩ chỉ việc tu. Tại sao bây giờ cư sĩ không lo những chuyện ấy. Tôi nhớ rằng năm ngoái có đi Malaysia và Indonesia. Ít nhất tại hai nước này có Hội cư sĩ. Hội cư sĩ lo toàn bộ các công việc mà ở Việt Nam chúng ta quý vị xuất sĩ phải làm. Tôi nói thật rằng rất rất mong có Hội cư sĩ tại Việt Nam ta.

Mỗi lần từ Hà Nội vào Sài Gòn tôi có tham gia sinh hoạt với nhóm doanh nhân Phật tử do bác Vũ Châm - Chủ tịch Vina Giấy. Tuy nhiên nay bác già rồi, nhóm cũng yếu đi, chưa có ai thay thế. Và tôi lại trần trối: Liệu có thành lập được cái gì đó tương tự không. Để lo Phật sự giúp quý thầy. Luật pháp Việt Nam chắc chắn là cho phép. Không những vậy mà Nhà nước còn chắc chắn ủng hộ bởi tất cả cùng hiểu rằng khi Phật pháp được truyền bá rộng khắp thì đất nước thịnh vượng và bình an. Mà nếu các cấp chưa nhất trí thì chúng ta nên cùng nhau thuyết phục. Nước chảy đá mòn mà. Đời này chưa làm được thì đời sau nhất định sẽ được.

Cư sĩ chúng ta tham lam quá. Tôi nghĩ vậy. Chúng ta muốn giàu, rồi muốn đủ thứ. Chỉ vì cái tham quá đó mà chúng ta mời thầy đến cúng đến lễ, đến xem phong thủy, để được giàu thêm, để khỏe ra, để có những gì mình muốn. Do tham quá nên chúng ta lại lôi các thầy vào con đường tham của chúng ta. Thế mới có chuyện anh A mời Hòa thượng B để như chơi, chị C mời Thượng tọa D lúc nào cũng được. Chúng ta tham đủ thứ và đôi khi, (nói đại), có quý vị cư sĩ còn điều khiển được cả quý vị xuất sĩ, thậm chí cả quý vị có chức sắc cao trong Giáo hội cũng nên. Thế thì nguy hiểm quá. Lỗi không tại cư sĩ chúng ta thì tại ai, mà ta cứ đổ thừa cho quý thầy, quý sư cô?

Cư sĩ chúng ta cúng dường chưa đúng cách. Tôi được gần một Sư bà rất lớn. Bà than phiền rằng bà được cúng dường mấy cái máy. Nào là iPad, nào là iPhone 6 Plus, nào là gì gì nữa bà không nhớ. Nhưng Sư bà đang cất hết trong tủ. Bà đâu có biết dùng. Có lần lôi ra không thể dùng được. Mà Phật tử thì cứ ép Sư bà nhận. Ai cũng muốn tặng quà. Thực ra quý anh, quý chị muốn Sư bà có máy tốt để liên lạc, để sử dụng thôi. Nhưng, than ôi, lại chưa đúng thứ cần và chưa đúng cách. Sư bà lại yêu quý các Phật tử, tính lại cả nể, thế là nhận cho các trò vui. Gặp tôi hôm trước Sư bà bảo rằng bà dùng chiếc máy điện thoại “cùi” này là thích nhất.

Lại có chuyện chị nọ nằm mơ thấy phải cúng một tỷ vào chùa mới tai qua nạn khỏi. Thế là chị tìm đến chùa của thầy và năn nỉ thầy xây chùa lại. Thầy bảo, chùa đang tốt thế này sao lại đập đi xây lại. Chị kể về giấc mơ. Thầy nói rằng nên dùng tiền này đi làm từ thiện, làm phước

cứu người. Chị vẫn không chịu. Thấy gọi điện cho tôi. Thế là tôi đến. May thay tôi đã thuyết phục được chị dùng tiền đó giúp bệnh nhân nghèo. Quý vị thấy không ạ, nếu bữa đó tôi không về chùa được thì có thể một ngôi chùa đã được đập đi để xây mới. Hoặc chị đó lại tìm đến một ngôi chùa khác để “phá chùa” nếu thấy tôi không đồng ý xây lại chùa và không thuyết phục được chị ấy.

Cư sĩ chúng ta tu chưa đúng cách. Chúng ta nương tựa vào quý thầy là rất đúng. Tuy nhiên có lẽ chúng ta cũng nên dành thời gian đọc lại kinh điển. Đối với tôi, bộ kinh Nikaya không chỉ quan trọng mà là vô cùng quan trọng, vô cùng căn bản. Tôi mong làm sao có thể in thật nhiều bộ kinh này để tặng, để cúng dường. Không chỉ quý thầy quý sư cô nên đọc mà cư sĩ tại gia cũng rất nên đọc. Thật sự là vậy. Đây là móng nhà, là nền tảng cho tứ chúng cùng tu. Nếu chúng ta đọc, có văn tuệ thì sẽ tiến đến tư tuệ và tu tuệ. Khi đó có thể đàm đạo với quý thầy quý sư cô về cách tu đúng, tu trúng, cách tu theo đúng căn bản nhân quả.

Chúng ta chưa biết cách khuyên ngăn các quý vị xuất sĩ đi sai đường. Chúng ta bị quan niệm sai rằng không dám nói lỗi của quý thầy. Ngày xưa tôi cũng vậy. Nhưng tại sao chúng ta không nghĩ rằng quý thầy, nhất là các thầy ở miền Bắc, một mình một chùa (có khi một mình vài chùa), thời gian không có, thầy cũng không, kinh điển thì thiếu, thời gian tu hành chưa nhiều mà lại có thể tu hoàn toàn đúng được. Quý vị mà sống một mình, phải lo trăm công ngàn việc như vậy trong khi ngày chỉ vẫn có 24 tiếng thì thử hỏi có thời gian để tu hay không chứ chưa bàn đến chuyện tu đúng hay tu sai. Chúng ta nên (và có thể) bàn luận, đàm đạo với quý thầy, có thể mang hiểu biết hay kết quả tu của mình ra tâm sự với thầy. Ví dụ như thấy các thầy tổ chức những lễ hội quá hình thức, quá tốn kém chúng ta cũng nên góp ý. Khi đến chùa thấy các quý thầy vẫn ăn mặn, vẫn uống rượu bia, ta nên khuyên nhủ...

Tôi nhớ rằng đã từng đến dự một chương trình ra mắt một ban Phật giáo ở cấp rất cao. Các thầy tổ chức rất lớn, hoành tráng như ngoài đời. Vẫn mua rất nhiều lồng hoa đất tiền để tặng, để chúc mừng. Rất nhiều lồng hoa lớn lắm, đẹp lắm, tốn kém vô cùng. Tất cả chỉ để trưng bày ở đó. Tôi còn cảm nhận rằng có những quý thầy chức lớn trong Giáo hội vẫn hãnh diện ra chụp ảnh. Ban tổ chức giới thiệu từng đơn vị từng cá nhân lên tặng hoa và chụp hình. Nói thật lòng, rằng nếu như ngày xưa thì tôi cũng ái ngại nhưng nay tôi đã biết chút ít nên hành xử khác đi. Tôi đã xin gặp một thầy lớn và góp ý rằng nên bỏ những thủ tục rườm rà và rất tốn kém này đi. Hòa thượng cảm ơn và ghi nhận. Tôi thấy vui trong tâm.

Viết đến đây tôi muốn hỏi, quý bạn có biết rằng ngay ngoài đời vẫn có những doanh nghiệp cơ quan ghi rõ, “Không nhận lồng hoa” trong giấy mời. Họ yêu cầu rất rõ ràng xin chuyển tiền mua hoa vào tài khoản hay mang đến ban tổ chức để góp quỹ mua sách cho các lớp học... Tôi rất thích cách làm này. Tôi học theo

và mấy năm nay khuyến cáo và khuyên nhủ mọi người cùng lì xì kinh, sách thay vì tiền nhân Tết âm lịch. Cá nhân tôi cũng lì xì kinh, sách. Cũng khá hiệu quả đấy ạ.

2. Người cư sĩ chúng ta cần gì và cần làm gì?

Chánh pháp. Chánh pháp là thứ chúng ta cần. Chánh pháp là cần nhất. Phật tử tại gia cần thoát khổ, cần hết khổ. Hay ít nhất là BỐT KHỔ. Mục đích của cuộc sống là chấm dứt khổ và đây là đích đến của con người. Khi hết khổ là ta không còn ham thích, luyến ái, ràng buộc với bất cứ lạc thú nào. Chúng ta biết rõ mình đi đâu, về đâu.

Cư sĩ chúng ta nên chung tay góp sức lại với nhau và lo việc nhà chùa. Tôi mong nhất là sớm có Hội cư sĩ hay Hội doanh nhân Phật tử hay Hội Phật tử tri thức... gì gì đó ở Việt Nam. Tôi cũng không hiểu tại sao ngày xưa có “Gia đình Phật tử” hay vậy mà ngày nay không thấy phát triển nữa. Tôi chưa hiểu tại sao ngoài miền Bắc lại chưa có mô hình tuyệt vời này. Hay là Nhà nước không cho phép. Nếu thật vậy thì chúng ta phải cùng nhau đi thuyết phục Nhà nước. Nhà nước là của dân, do dân và vì dân mà. Nhà nước nào thì cũng muốn đất nước và dân tộc thịnh vượng và bình an mà.

Người cư sĩ nên trần trở về cuộc sống làm người đang có được. Chúng ta nên trần trở về về quỹ thời gian mình có phước được sống trên mặt đất thân yêu này. Sống ngắn hay dài không quan trọng mà là sống tốt, sống có ích, sống phụng sự, sống bình an và mang bình an và yêu thương đến càng nhiều người càng tốt.

Quý sống của chúng ta chưa chắc đã là 80 năm hay 70 năm như bạn nghĩ. Mỗi ngày có bao nhiêu người chết vì bệnh tật và tai nạn. Cư sĩ chúng ta nên biết quý từng ngày từng giờ từng phút giây. Chúng ta nên coi tài sản mình có duy nhất và quý nhất là hơi thở. Phải thở làm sao, phải sống làm sao trong chánh niệm. Phải “chi tiêu” làm sao để vốn thời gian trong một ngày, một giờ quý giá nhất, bình an nhất.

Thời gian vô cùng mẫu nhiệm, nó giúp cho mỗi chúng ta trưởng thành, giúp chúng ta lại gần nhau hơn, về với Niết-bàn và với Phật gần hơn, nếu như ta tu đúng, tu trúng.

Mấy năm trước tôi có đọc và nghiên cứu về đại bàng và cứ luôn lôi đại bàng ra làm thầy mình. Đại bàng bay một mình ở một tầm rất cao. Chúng ta cũng nên đưa mình lên một tầm cao trong tu tập và phụng sự Tam bảo. Đại bàng có tầm nhìn rất xa, có khả năng tập trung cao độ. Chúng ta nên cùng nhau chú tâm và thực hành chánh niệm. Đại bàng chọn thức ăn rất kỹ. Cư sĩ chúng ta cũng vậy, nên chọn thứ để nghe, chọn cái để đọc, chọn bạn để chơi, nhất là cảnh giác với các bộ phim và các chương trình truyền hình. Đại bàng rất thích các cơn bão. Chúng sử dụng sức gió của cơn bão để nâng mình bay cao hơn. Tại sao chúng ta không học đại bàng sử dụng những cơn bão của cuộc đời để nâng chúng ta lên tầm cao mới. Đại

bàng luôn có bài kiểm tra trước khi nó đặt niềm tin vào con khác. Ta cũng vậy, chúng ta nên nhớ lời Phật dạy, rằng đạo Phật là thiết thực cho hiện tại, đến để mà thấy, không có thời gian, có tính chất hướng thượng và dành cho người trí tự mình giác hiểu. Nếu là người trí chúng ta cần biết đó là lời gốc Phật dạy và tự cam kết thực hành. Tôi rất thích cách đại bàng dạy con bay. Gai góc và khó khăn trong cuộc sống dạy chúng ta phải phát triển, rằng chúng ta cần ra khỏi "tổ", ra khỏi vỏ bọc, thoát khỏi giả dối, vùng khỏi các loại mặt nạ. Để tu và sống.

Tôi nhớ rằng đã nhiều lần chiếu các clip về đại bàng khi già yếu sắp chết cho các học trò khi tôi đi giảng dạy. Đại bàng tìm đến một một nơi xa trong đá, đập vỡ mỏ cũ, đợi mỏ mới mọc ra, dùng mỏ mới nhổ hết móng vuốt cho móng vuốt mới mọc ra. Rồi đại bàng nhổ hết tất cả lông trên cơ thể của mình và ở lại đó đến khi cơ thể phát triển mới và trở lại cuộc sống. Và thế là đại bàng tái sinh, sống gấp đôi tuổi thọ.

Cư sĩ chúng ta cần dũng mãnh hơn, quyết liệt hơn trước cái đúng sai, trước các cám dỗ của cuộc đời, cần nhiệt tâm tinh giác nhiếp phục tham ưu.

Chúng ta cùng nhau nhớ lại xem ngày xưa Đức Phật có khổ không. Có chứ. Đức Phật có bị kẻ xấu hãm hại không. Có chứ. Phật có tuệ giác và từ bi bao la nên Phật biết cách quán khổ, quán các cảm thọ, quán tâm. Cho nên Phật khổ rất ít. Phật cũng có bệnh tật, cũng đau bụng, nhức đầu như chúng ta nhưng vì Phật có trí tuệ và tinh thương lớn lao nên Phật biết chuyển hóa khổ đau.

Cư sĩ cần sách tấn nhau tu tập, thực hành lời gốc Phật dạy. Chúng ta cần tu mỗi ngày. Chiếc xe máy nếu không tăng ga thì xe đâu có chạy. Ta cũng vậy, rõ ràng cần nhất là hành thiền mỗi ngày. Hành thiền trong cả bốn tư thế: đi đứng nằm ngồi. Nếu thất niệm nổi lên ta nhắc tâm quay về với chánh niệm, để thấy biết như thật. Là Phật tử tại gia nên chúng ta không sợ vọng tưởng, không sợ thất niệm. Cứ nhắc mình, cứ nhớ nghĩ đến việc quán thân, quán thọ, quán tâm và quán pháp là chúng ta từng bước gần Phật và gần Niết-bàn. Cư sĩ cũng có thể tu được có thể thành đạo được chứ ạ.

Cư sĩ chúng ta cần trở thành những vị hộ pháp. Thời của Đức Phật có đại thí chủ Cấp Cô Độc và nữ thí chủ Visakha. Họ thật sự là những cánh tay của Phật. Họ cùng các vị cư sĩ khác lo chuyện xây dựng, lo cúng dường thức ăn, thuốc chữa bệnh, y bát. Tuy nhiên họ vẫn tu tập tốt. Để rồi khi mạng chung ngài Cấp Cô Độc được sinh lên cõi trời Tam thập tam Thiên.

Thời nay, trong số bạn bè và người quen của mình tôi cũng thấy nhiều vị hộ pháp rất lớn và là những tấm gương sáng chói. Tôi muốn kể đến và vô cùng biết ơn cư sĩ Trần Tuấn Mẫn, cư sĩ Tống Hồ Cẩm, bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc, cư sĩ Nguyễn Tường Bách, cư sĩ Phạm Nhật Vũ, cư sĩ Chánh Tín An... Tôi muốn nhắc đến tấm gương hộ pháp của các doanh nhân Trương Gia Bình, Phạm Nhật Vượng, Nguyễn Tuấn Khải, Trần Xuân Kiên, Vũ



Nguồn: lieuquanhue.vn

Thị Thuận, Lê Phước Vũ, luật sư Lê Thanh Sơn, ca sĩ Phi Nhung, nhà báo Hoàng Anh Sương, nhạc sĩ Cù Lê Duyên, nhạc sĩ Chúc Linh, ca sĩ Phi Nhung... Nhiều lắm. Rất nhiều. Không thể kể hết. Họ hộ pháp âm thầm và bí mật. Họ phụng sự hết mình cho Tam bảo mà có mấy ai biết. Họ rất tuyệt vời. Họ vừa hộ pháp âm thầm vừa tu tập tinh tấn. Tôi thật sự ngưỡng mộ và kính quý.

Lầm lỗi của tôi, của Phật tử tại gia chúng ta trong quá khứ thật là nhiều. Quá nhiều. Nhưng đó là quá khứ. Quá khứ thì đã qua rồi. Chúng ta chỉ cần nhắc nhau sám hối và nhận lỗi, nhận rồi tự sửa. Thế là chúng ta nhất định có tiến bộ.

Hôm nay là 31 tháng 12, là ngày cuối cùng của năm 2015. Quý vị đọc được những dòng chữ này có lẽ khi đã là năm 2016 rồi. Tôi đang rất bình an và sẽ ngồi ít phút nhìn lại một năm trôi qua xem mình đã làm được những gì tốt. Tôi may mắn được thầy đặt cho pháp danh là Thiện Đức với lời nhắc nhở tôi luôn hành thiện tích đức. Vậy nên tôi cần tự soi xem năm 2015 vừa qua mình đã hành những gì thiện, có làm được gì phước đức hay không. Cái đó chỉ có mình tôi biết mà thôi.

Bạn cũng vậy. Bạn đọc những dòng này khi đã là những ngày đầu tiên của năm mới. Bạn hãy cùng tôi nghĩ về một năm qua. Là một Phật tử tại gia, tôi mong bạn hãy cùng tôi nhìn lại. Cái nhìn của tôi còn rất phiến diện, còn thiếu khách quan, còn chứa chấp vô minh. Tôi mong bạn chia sẻ cùng tôi, hãy chỉ ra những lỗi lầm, những vụng dại, những cái sai của tôi, của chúng ta, để chúng ta cùng sửa. Cùng sửa để từng bước giác ngộ, để đi đến thực chứng.

Tôi xin thành tâm xin lỗi vì những lời viết vụng dại này. Tôi cũng xin lại được nhắm đọc "Kinh sám nguyện" trước khi gửi bài đi. Nguyện mong và nguyện chúc cho quý vị và các bạn một năm mới 2016 thật VỮNG CHẢI và thật AN LẠC. Năm mới ta cùng mới. Người vui cảnh sẽ vui.

New year, we new! ■



Bảo vệ rừng

là bảo vệ sự sống của chúng ta!

Bài & ảnh: NGUYỄN VĂN TOÀN

Rừng ở Việt Nam rất quan trọng cho đời sống và sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Về tiềm lực kinh tế thì rừng được ví như vàng, còn biển chỉ là bạc. Biết bao ký ức về rừng vẫn còn đọng lại trong tâm thức người Việt Nam.

Rừng là “vàng” của người Việt

Rừng có tác dụng làm trong sạch không khí. Tán lá cản và giữ bụi. Lá cây tiết ra nhiều loại chất kháng khuẩn có tác dụng tiêu diệt vi trùng gây bệnh trong không khí.

Rừng là nơi sinh sống của nhiều loài động vật hoang dã, trong đó có nhiều loài quý hiếm. Trong rừng có nhiều loại cây khác nhau. Đây là nguồn thực phẩm, nguồn nguyên liệu quý cho công nghiệp và được

phẩm, là nguồn *gien* hoang dại có giá trị trong lai tạo giống mới cho nông nghiệp và chăn nuôi.

Rừng bảo vệ và cải tạo đất. Nhờ có tán lá xòe rộng như chiếc ô, nước mưa không xối thẳng xuống mặt đất, nắng không đốt cháy mặt đất, nên lớp đất trên mặt khó bị rửa trôi theo nước mưa. Rừng nuôi đất, bồi bổ cho đất. Đất rừng hầu như tự bón phân, vì cành lá rơi rụng từ cây sẽ bị phân huỷ, tạo thành các chất dinh dưỡng, làm tăng độ màu mỡ của đất. Đất phì nhiêu, tơi xốp sẽ thấm tốt, giữ nước tốt và hạn chế xói mòn. Vùng bãi triều ven biển có các rừng sù, vẹt, đước... vừa chắn sóng, vừa giữ phù sa, làm cho bờ biển không những không bị xói, mà còn được bồi đắp và tiến ra phía trước.

Rừng có tác dụng điều hoà dòng chảy trong sông ngòi và dưới đất. Nước mưa rơi xuống vùng có rừng bị giữ lại

nhiều hơn trong tán cây và trong đất, do đó lượng dòng chảy do mưa trong mùa lũ giảm đi. Rừng cản không cho dòng chảy mặt chảy quá nhanh, làm cho lũ xuất hiện chậm hơn, giảm mức độ đột ngột và ác liệt của từng trận lũ. Nước thấm xuống đất rừng vừa là nguồn dự trữ nuôi cây và các sinh vật sống trong đất, vừa chảy rất chậm về nuôi các sông trong thời gian không mưa. Do đó những vùng có nhiều rừng che phủ sẽ giảm bớt được thiên tai hạn hán và lũ lụt. Rừng càng nằm gần đầu nguồn sông, tác dụng điều hoà dòng chảy càng lớn hơn.

Rừng có giá trị lớn về du lịch. Vì rừng có nhiều phong cảnh đẹp, với nhiều loại động thực vật hoang dã, lôi cuốn sự ham hiểu biết, trí tò mò của mọi người. Khí hậu trong rừng mát mẻ, điều hoà, không khí sạch sẽ còn có tác dụng chữa bệnh rất tốt. Nói tóm lại, rừng có giá trị nhiều mặt cho con người. Vì các nhu cầu ngày càng tăng của mình, con người không thể không khai thác rừng. Tuy nhiên, nếu biết khai thác một cách hợp lý và có kế hoạch trồng rừng thích hợp, chúng ta sẽ vẫn vừa thoả mãn được các nhu cầu của mình, vừa không làm tổn hại đến rừng.

Rừng đang bị phá hoại từng ngày

Vậy mà những băng nhóm lâm tặc đã như thác lũ ủa vào rừng để đốn trộm gỗ, săn bắt lâm sản. Bên cạnh đó, không ít những thợ săn chuyên nghiệp cũng tham gia để thỏa mãn thú vui. Dẫu biết cái nghèo, cái đói đã đeo đẳng người dân quanh rừng nhiều năm; nhưng về lý, nói chính xác là pháp luật, thì rừng thuộc tài sản của quốc gia, của chung của xã hội và của toàn thể cộng đồng. Không một ai được hưởng dụng rừng khi Nhà nước chưa cho phép. Ở địa bàn đồng bào dân tộc thiểu số trước đây còn có “khu rừng thiêng”, “rừng cấm” không cho bất kỳ ai đốn gỗ, nhặt củi để bảo vệ nguồn nước, tránh thảm họa lũ lụt.

Rừng bị chặt phá trước tiên là để lấy đất làm nông nghiệp, trồng cây công nghiệp, nuôi thủy sản, xây dựng... Rừng ngập mặn ven biển của Việt Nam đang bị chặt phá để làm ao nuôi tôm. Rừng Tây Nguyên đang bị người dân di cư tự phát đốt phá nham nhở.

Nguyên nhân thứ hai dẫn đến mất rừng là lấy gỗ làm củi đốt. Cho đến thế kỷ XIX, trước khi khám phá ra khả năng đốt bằng than và dầu, chất đốt chủ yếu của con người là củi gỗ. Nhiều nước châu Âu, trong giai đoạn đầu của cách mạng khoa học kỹ thuật đã đốt gần hết rừng của mình. Hiện nay, ở nhiều nơi trên thế giới, củi và than củi vẫn là chất đốt chính trong gia đình và các bếp đun đang đốt khoảng 1/4 số diện tích rừng bị tàn phá hàng năm.

Nguyên nhân thứ ba gây mất rừng là do khai thác gỗ. Gỗ cần cho sản xuất các đồ gia dụng, sản xuất giấy... Khoa học kỹ thuật càng phát triển, người ta càng khám phá ra nhiều công dụng mới của gỗ, làm cho lượng gỗ tiêu thụ ngày càng nhiều. Trong khai thác gỗ, nếu chỉ

chạy theo lợi nhuận, chỗ nào dễ thì khai thác trước, không đốn tía mà chặt hạ trắng, nghĩa là chặt từ bìa rừng vào, vừa chặt cây to để lấy gỗ, vừa phá hoại cây con, thì những khu vực rừng đã bị chặt phá sẽ khó cơ hội tự phục hồi lại được.

Nguyên nhân thứ tư gây mất rừng là do cháy. Rừng bị cháy do đốt rừng làm nương, làm bãi săn bắn, dùng lửa thiêu tận trọng trong rừng, thiêu tai, chiến tranh... Trong mùa khô, chỉ cần một mẩu tàn thuốc lá cháy dở, một bụi nhùi lửa đuổi ong ra khỏi tổ để lấy mật... cũng đủ gây ra một đám cháy rừng lớn trong nhiều ngày, nhất là khi không có đủ nước, nhân lực và phương tiện để dập tắt lửa. Chiến tranh không phải là hiện tượng phổ biến, thường xuyên. Tuy nhiên các cuộc chiến tranh thường có sức tàn phá ghê gớm. Ở Việt Nam, từ năm 1945 đến năm 1975 mất khoảng hơn 2 triệu hecta rừng. Nhiều vùng rừng bị chất độc hóa học tàn phá đến nay vẫn chưa mọc lại được.

Việt Nam được xếp hạng thứ 16 trên thế giới về đa dạng sinh vật. Năm 2007, Việt Nam có 880 loài động, thực vật được ghi vào Sách đỏ, chủ yếu là các loài sống ở rừng. Đến nay, đã có 10 loài động vật bị tuyệt chủng ngoài tự nhiên. Dưới đây là những loài động vật đã bị xác nhận tuyệt chủng ở Việt Nam trong khoảng 2 thập kỷ qua:

Tê giác hai sừng (còn gọi là tê giác Sumatra) rất dễ phân biệt với người họ hàng một sừng bởi thân hình đầy lông lá và hai chiếc sừng nhỏ trên đầu mũi. Loài tê giác này từng sinh sống tại các khu rừng ở tỉnh Khánh Hòa. Biến mất khỏi tầm nhìn của con người trong nhiều năm, chúng được xác định là đã tuyệt chủng.

Có thân hình tuyệt đẹp với cặp sừng cong vút, **bò xám** là loài động vật đầy kiêu hãnh của núi rừng Tây Nguyên. Tiếc thay, nạn săn bắn và chặt phá rừng đã nhanh chóng đẩy loài này đến chỗ diệt vong.

Lợn vòi trông giống như một sự kết hợp lạ lùng giữa lợn và voi, với thân hình mập mạp và phần mũi cùng môi trên kéo dài thành một chiếc vòi ngắn. Trước đây loài này thường được bắt gặp ở Tây Nguyên, nhưng ngày nay bị coi là tuyệt chủng.

Cây rái cá là một loài động vật độc đáo vì thuộc họ cây nhưng lại sống gần nước như rái cá. Rất hiếm gặp, loài này từng được bắt gặp tại hồ Ba Bể (Bắc Kạn) nhưng trong nhiều năm qua đã không còn thấy xuất hiện.

Hà Nội (khu vực sông Hồng chảy qua Thanh Trì) từng là địa bàn sinh sống của **cá chình Nhật** - loài cá nổi tiếng vì thịt ngon. Đó là lý do mà ngày nay loài cá này đã tuyệt tích trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Cùng số phận với cá chình Nhật là **cá chép gốc**. Tại Việt Nam, loài cá có thịt rất ngon này chỉ sống ở sông Kỳ Cùng của tỉnh Lạng Sơn. Việc đánh bắt quá mức là nguyên nhân diệt chủng loài này.

Từng sinh sống tại các sông suối miền núi phía Bắc, giờ đây **cá lợ thân thấp** chỉ còn là ký ức của những người dân chài.



Là một con vật khá quen thuộc, có thể được bắt gặp trong các sở thú và trang trại ở Việt Nam, nhưng **hươu sao** được coi là đã tuyệt chủng ngoài môi trường tự nhiên. Con vật hiền lành này trước đây sinh sống tại rất nhiều địa phương từ Bắc vào Nam.

Là loài bò sát khổng lồ với chiều dài có thể lên đến 7m, **cá sấu hoa cà** từng thống trị các đầm lầy và rừng ngập mặn miền Nam Việt Nam. Cũng giống như hươu sao, dù đã tuyệt chủng ngoài thiên nhiên nhưng loài bò sát này vẫn được nuôi tại một số vườn thú và trang trại để lấy thịt và da.

Cuối năm 2011, *Quỹ Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới* (WWF) và *Tổ chức Bảo tồn Tê giác Thế giới* (IRF) đã đưa ra tuyên bố: Loài **tê giác một sừng** đã chính thức tuyệt chủng ở Việt Nam. Sự ra đi của loài động vật này là một mất mát vô cùng to lớn đối với thiên nhiên Việt Nam.

Nghiệt ngã thay, Chúa Sơn Lâm cũng đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Theo báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường vào năm 2012, số lượng hổ ở Việt Nam chỉ còn khoảng từ 28 đến 47 cá thể sinh sống rải rác ở các khu rừng hẻo lánh và đang đối mặt với nguy cơ bị tuyệt diệt do bị săn bắt, buôn bán và mất nơi sinh sống. So với rừng già, vườn Bách Thú có lẽ khả dĩ an toàn hơn cho loài hổ Việt Nam hiện nay. Tại sao? Bởi theo số liệu trên thì hiện tại có chưa đầy 50 con hổ hoang dã còn sót lại ở Việt Nam. Theo xu thế chung, 50 con hổ ở Việt Nam trong tổng thể 3.200 con hổ hoang dã trên khắp thế giới sẽ bị tiêu diệt hết vào 10 năm

tới nếu các chính phủ vẫn giữ biện pháp bảo tồn sinh quyển như hiện nay. Trước đó, trong vòng 100 năm, 90 % số lượng hổ đã bị tiêu diệt trên toàn thế giới. Với tốc độ săn bắt và buôn bán như hiện nay, hổ có khả năng là loài tiếp theo bị tuyên bố tuyệt chủng tại Việt Nam.

Sau hổ sẽ là các loài như khỉ và các giống chim quý sẽ có nguy cơ bị tuyệt chủng nếu như Việt Nam không mạnh tay hơn trong công tác bảo vệ cá thể sinh vật và bảo tồn môi trường sống hoang dã cho chúng. Đó là dự đoán của tổ chức *Quý động vật hoang dã* (WWF) được công bố vào năm 2010.

Thông tin từ *Trung tâm Giáo dục thiên nhiên* (ENV) vào đầu năm 2015 cũng cho biết, tê tê - loài động vật hoang dã quý hiếm của Việt Nam đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng cao do nạn săn bắt, vận chuyển, buôn bán và tiêu thụ trái phép với số lượng lớn.

Các chuyên gia linh chường trên thế giới cũng đã công bố Danh sách 25 loài linh chường nguy cấp nhất toàn cầu giai đoạn 2014-2016, trong đó có ba loài ở Việt Nam. Hơn 100 năm qua không có ghi nhận nào về linh chường bị tuyệt chủng trên toàn thế giới. Tuy nhiên, Việt Nam đang có nguy cơ nhận “danh hiệu” là “quốc gia đầu tiên có linh chường bị tuyệt chủng”, *Tổ chức Bảo tồn động thực vật hoang dã quốc tế* (FFI) - Chương trình Việt Nam vừa cảnh báo vào cuối năm 2015.

Vào cuối năm 1975, có tới 2.000 con voi rừng ở Việt Nam. Hiện nay chỉ còn có 50 con. Săn bắt và mất môi trường sống đã đưa loài thú này đến bờ vực tuyệt

chúng. Nhóm voi duy nhất có cơ may sống sót dài hạn nằm ở vùng biên giới giữa Công viên Quốc gia Yok Don của Việt Nam và Campuchia.

Bò tót là loài to nhất trong họ nhà bò, với chiều cao có thể tới trên 2m, nặng trên 2 tấn. Đáng tiếc, đây cũng là giống bò bị tàn sát nhiều nhất. Hiện nay, tại Việt Nam chỉ còn khoảng 300 con bò tót, phân bố tại các vườn quốc gia ở Lào Cai, Kon Tum, Lâm Đồng. Những đàn bò tót này đang đứng trước hiểm họa diệt chủng cao do rừng bị chặt phá và nạn săn trộm thú quý.

Sao la được phát hiện lần đầu tiên trên thế giới tại Việt Nam vào tháng 5/1992. Vào thời điểm đó, việc khám phá ra loài sao la đã gây chấn động trên thế giới vì giới khoa học cho rằng, việc tìm thấy một loài thú lớn vào cuối thế kỷ 20 là chuyện khó có thể xảy ra. Với sự tổn tại bấp bênh của mình, loài này hiện được xếp vào danh mục những loài có nguy cơ tuyệt chủng cao ở Việt Nam.

Hươu vàng phân bố tại một số khu vực thuộc Tây Nguyên và Nam Trung Bộ. Hiện tại, chúng gần như đã biến mất do mất sinh cảnh sống và mức độ săn bắn quá cao.

Do đó, dù đến năm 2014, rừng ở Việt Nam vẫn chiếm 41% diện tích nhưng vẫn đang bị “tùng xẻo” một cách man rợ từng ngày, từng giờ, từng phút, từng giây. Liệu có một ngày nào đó con cháu chúng ta sẽ phải xem rừng qua những bức tranh, phim ảnh và trên mạng internet? Để rồi với mái đầu bạc trắng chúng ta sẽ phải thốt lên: “Than ôi! Rừng vàng biển bạc nay còn đâu?”. Bởi theo thống kê, từ năm 2008 đến nay, đã có trên 100.000 ha đất rừng khép - một hệ sinh thái đặc thù của thế giới - tại Tây Nguyên bị chuyển đổi sang trồng cao su. Tương tự, diện tích rừng ngập mặn từ 400.000 ha năm 1943, đến nay chỉ còn 130.000 ha. Diện tích san hô toàn quốc, mệnh danh là “khu rừng dưới biển” đã giảm đến 10%, hiện còn 14.000 ha, trong đó chỉ 3% phát triển thêm. Kéo theo đó là hệ động vật trong rừng bị khủng hoảng, dẫn đến nguy cơ tuyệt chủng.

Cần chiến lược dài hơi

Do đó, Để án ứng phó biến đổi khí hậu của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã đặt mục tiêu đến năm 2020 Việt Nam sẽ nâng độ che phủ rừng lên 45%, ổn định diện tích rừng đặc dụng trên 2 triệu héc ta, phục hồi 0,62 triệu héc ta rừng tự nhiên, trồng thêm 250.000 héc ta và tái sinh tự nhiên 750.000 héc ta rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, cải tạo 350.000 héc ta rừng tự nhiên nghèo.

Trên bình diện thế giới, rừng hiện bao phủ hơn 30% diện tích Trái đất, và tình trạng phá rừng trên quy mô toàn cầu đã đến mức báo động. Số liệu thống kê của Google và Đại học Maryland (Mỹ) cho thấy trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến năm 2012, có 2,3 triệu km² rừng trên Trái đất đã biến mất, gần bằng diện

tích của Argentina, trong khi chỉ có 0,8 triệu km² được phủ xanh trở lại. Đi vào cụ thể, Indonesia là nước có tốc độ mất rừng nhanh nhất, tăng hơn 50% lên tới 20.000km²/năm vào thời điểm năm 2011. Tuy nhiên, Brazil lại là quốc gia có diện tích rừng mất đi hàng năm lớn nhất, giảm tới 50% từ mức 40.000km² của năm 2002 xuống còn 20.000km² vào năm 2010. Sẽ là quá muộn nếu thế giới không chung tay ngăn chặn nạn phá rừng. Chúng ta cần bắt đầu xây dựng một cuộc sống xanh trong tương lai, mà ở đó những cánh rừng là trọng tâm của sự phát triển bền vững và các nền kinh tế xanh. Để đáp ứng mục tiêu này, thế giới cần đầu tư từ 17-33 tỷ USD mỗi năm để trồng rừng và khôi phục các diện tích rừng bị mất.

Tổ chức Bảo tồn động thực vật hoang dã quốc tế (FFI) cho biết, các loài linh chương ở Việt Nam đang bị suy giảm nghiêm trọng. Số loài được xếp ở mức cực kỳ nguy cấp toàn cầu đã tăng từ 7 loài (năm 2008) lên 11 loài (năm 2015). Việc suy giảm loài chủ yếu do săn bắt và mất sinh cảnh. 11 loài ở Việt Nam đang trên bờ vực tuyệt chủng bao gồm: Voọc Cát Bà, voọc mông trắng, voọc mũi hếch, chà vá chân xám, chà vá chân nâu, chà vá chân đen, vượn Cao Vít, vượn đen tuyền Tây Bắc, vượn đen má trắng, vượn đen má trắng siki, khỉ đuôi dài Côn Đảo. Trong đó, ba loài voọc Cát Bà, voọc mông trắng và voọc mũi hếch xếp hàng đầu trong danh sách 25 loài nguy cấp nhất thế giới.

Tổ chức Bảo tồn động thực vật hoang dã quốc tế (FFI) - Chương trình Việt Nam đang thực hiện các hoạt động bảo tồn đối với năm loài: voọc Cát Bà, voọc mũi hếch, vượn Cao Vít, chà vá chân xám, vượn đen tuyền Tây Bắc.

Voọc Cát Bà: Là loài linh chương (khỉ ăn lá) quý hiếm, Voọc Cát Bà là loài đặc hữu của Việt Nam, phân bố duy nhất ở quần đảo Cát Bà, Hải Phòng. Loài này liên tục nằm trong Sách đỏ Việt Nam và Danh mục đỏ của tổ chức *Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN)*, là loài có nguy cơ tuyệt chủng cao nhất thế giới. Hiện chỉ còn dưới 70 cá thể.

Voọc mũi hếch: Loài này hiện chỉ còn dưới 200 cá thể. Phân bố ở một số tỉnh phía Bắc như Tuyên Quang, Bắc Cạn, Yên Bái, Thái Nguyên, Quảng Ninh.

Vượn Cao Vít mới được phát hiện trở lại vào năm 2002 ở huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng thuộc miền Bắc Việt Nam, sau khi được quan sát lần cuối cùng vào những năm 1960. Hiện còn 130 cá thể.

Chà vá chân xám: Là loài đặc hữu chỉ có ở Việt Nam, chà vá chân xám phân bố tại một số tỉnh Nam trung bộ như Quảng Nam, Kontum, Bình Định. Loài này hiện chỉ còn dưới 1.500 cá thể do nạn chặt phá rừng những năm qua.

Vượn đen tuyền Tây Bắc: Loài này chỉ còn dưới 60 cá thể ở Việt Nam, phân bố chủ yếu tại Tây Bắc Việt Nam, Bắc Kạn (Na Rì), Quảng Ninh, Thanh Hóa. Trên thế giới phân bố ở Nam Trung Quốc, Bắc Lào. ■

Tản mạn về "cải cách giáo dục"

THANH TRẮC NGUYỄN VĂN

Chiều Chủ nhật vừa qua, tôi dùng xe gắn máy chở một người bạn là thầy T. - một nhà giáo dạy vật lý lớp 12 của một trường tại quận Bình Thạnh - đi công chuyện. Xe đang chạy bon bon trên đường nhựa lớn thì bất ngờ có một chiếc xe gắn máy từ trong hẻm chạy xộc ra. Tôi vội vã thắng gấp. Rất may là xe không tông vào chiếc xe chạy ẩu kia, nhưng cũng khiến cả thầy T. và tôi phải một phen hoảng hốt vì cả hai hầu như cùng ngã người chúi nhủi về phía trước.

Cầm lái chiếc xe gắn máy từ trong hẻm chạy ra là một thanh niên còn rất trẻ, chỉ khoảng hơn hai mươi tuổi. Anh ta nhìn chúng tôi rồi cầu nhàu:

- "Cắm đầu" chạy chi cho cố vậy hai cha?

Thấy gã thanh niên nặng lời với những người lớn tuổi, tôi liền trả đũa:

- Em cũng "cắm đầu" chạy từ trong hẻm ra đó thôi!

Với lại chúng tôi đang chạy trên đường lớn còn em từ trong hẻm chạy ra, theo luật đường bộ thì chúng tôi được ưu tiên hơn. Xe em phải nhường xe chúng tôi mới đúng luật giao thông.

- Ưu tiên cái con mẹ gì! Lấn sau hai cha còn chạy ẩu như vậy đừng trách thằng này sẽ đích thân tẩn liệm xác cho hai cha đó nghen!

- Ê! Thằng kia! Để nghị mày nói năng đàng hoàng một chút, không được chửi thể lung tung...

- Mẹ kiếp! Tui cứ chửi đó! Hai cha làm gì tui? Đâu có luật nào cấm người dân chửi thể đâu?

Nói xong gã thanh niên rồ ga thật lớn, phun khói mịt mù rồi phóng xe đi. Tôi định đuổi theo thì thầy T. ngồi sau lưng níu áo tôi, nói nhỏ:

- Thôi nhịn đi, cho lành! Ăn thua làm gì với cái thứ vô văn hóa đó!

Nghe lời thầy T., chúng tôi tấp vào một quán cà-phê ven đường. Vẫn còn bực mình vì chuyện khi nãy, tôi ầm ức nói:

- Thằng nhỏ đó mất dạy thiệt!

- Nó là học sinh cũ của trường tôi đó!

- Học trò của ông hả?

- Không, tôi không dạy nó nhưng nó là một trong những học trò của trường. Tôi nhớ mặt nó vì nó nhiều lần ngủ trong lớp bị đưa xuống phòng giám thị...

- Như vậy nó cũng phải biết ông chứ? Sao gặp ông nó cứ chửi lung tung vậy?

- Học trò bây giờ gặp thầy cô ngoài đường tránh mặt không chào là chuyện thường, còn thỉnh thoảng chửi cả thầy cô cũng không còn là chuyện hiếm nữa. Ông không theo dõi báo chí thường xuyên à? Văn hóa người Việt của chúng ta đang ngày càng xuống cấp trầm trọng. Chuyện va quẹt xe cộ đường phố cũng thế. Có một câu nói thế này: "Nhịn là nhục! Cự là gục!". Khi tham gia giao thông trên đường lớn có xảy ra va chạm gì thì nhịn nhục là hơn, còn cứ phồng mang trợn mắt cự cãi nhiều khi phải rước họa vào thân. Có nhiều án mạng xảy ra chỉ từ những chuyện rất nhỏ nhặt: xe này chỉ tông nhẹ vào xe kia, nhưng lời qua tiếng lại, rồi rút dao đâm người chỉ vì bị đuối lý trong khi tranh cãi phần phải thuộc về mình. Kết quả là kẻ vào tù, người ra nghĩa trang.

- Đáng sợ thật! Thế với tư cách là một nhà giáo ông nghĩ nguyên nhân gì đã khiến văn hóa người Việt chúng ta xuống cấp trầm trọng đến như vậy?

Thầy T. trầm ngâm hồi lâu bên ly cà-phê rồi nói:

- Có rất nhiều nguyên nhân. Nhưng nguyên nhân chính: thứ nhất, vẫn là sự buông lỏng giáo dục trong gia đình của cha mẹ; thứ hai, là sự thờ ơ, thiếu quyết liệt của những người có nhiệm vụ phải bảo vệ luật pháp; và thứ ba, là những sai lầm trong cải cách giáo dục.

- Sai lầm trong cải cách giáo dục? Ý ông nói là nhà trường?

- Chính xác là từ Bộ Giáo dục thì đúng hơn. Giáo viên chúng tôi bây giờ rất sợ mấy cái từ "cải cách giáo dục". Hàng chục ngàn tỷ từ ngân sách nhà nước đã bỏ ra cho cải cách giáo dục, nghĩ mà đau xót. Giáo viên chúng tôi phải đi học, đi thi theo chương trình họ đề ra thật vất vả. Kết quả của những "cải cách giáo dục" thì mấy năm nay ông cũng thấy đó, báo chí đã đăng tải rất nhiều: hết phân ban rồi lại bỏ phân ban, hết giảm

tải rồi tích hợp, cứ rối tung cả lên nhưng phẩm chất của học sinh cứ ngày càng đi xuống. Nói thật, học sinh trước cải cách giáo dục đâu có vô lễ nhiều như bây giờ. Đau lòng nhất mới đây ở Quảng Trị, báo chí phát hiện có nhiều học sinh đang ngồi học ở lớp 7 nhưng không viết đúng được tên của mình!

- Cái đó nguyên nhân chính phải là ở thầy cô chứ?

- Đồng ý, nhưng các giáo viên phải dạy đúng chương trình của Bộ Giáo dục để ra. Ai dám dạy sai phân phối chương trình của Bộ sẽ bị đào thải khỏi ngành. Vì vậy nguyên nhân chính không thể chối cãi được vẫn là do chương trình "cải cách giáo dục"!

- Ủ, cũng là do còn nhiều trường học chấp nhận "sống chung với gian dối, sống chung với dễ dãi" để có cho được những bản báo cáo thành tích màu hồng. Các lớp tiểu học bây giờ toàn là học sinh xuất sắc không à. Tìm được một em bị đánh giá học lực trung bình cực kỳ khó. Tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp lớp 12 năm nào cũng xấp xỉ một trăm phần trăm, cứ như nền giáo dục của nước chúng ta là ưu việt nhất nhì thế giới vậy. Tôi có một nhỏ cháu gọi tôi bằng chú, nó vừa thi rớt đại học xong. Học hành thì lười biếng, suốt ngày nó cứ nói dối với cha mẹ hết bị nhức đầu đến đau bụng, để được cha mẹ xin phép cho nghỉ học, thế mà học bạ của nó cuối năm vẫn được đánh giá đạo đức là tốt! Và cái thằng lái xe ẩu chủ tôi và ông khi nãy, có khi đạo đức của nó được ghi trong học bạ vẫn là tốt không biết chừng!

Thầy T. mỉm cười nói tiếp:

- Tôi còn nhớ khoảng năm 2003, lúc đó chúng tôi lại phải tiếp tục bản trường ca khăn gói đi học cải cách giáo dục. Giảng viên dạy *Phương pháp Giảng dạy mới* là một thầy còn rất trẻ, chỉ hơn ba mươi. Ngay những phút đầu tiên vào bài học, giảng viên này đã phê phán câu "Tiên học lễ, hậu học văn" của ông cha ta. Theo ông giảng viên ấy, vì phải "học lễ" nên người xưa đã đào tạo ra những lớp học trò thiếu óc sáng tạo, chỉ biết khúm núm vâng lời như một cái máy trước các thầy đồ. Còn phương pháp giảng dạy mới (cải cách giáo dục), chắc chắn sẽ đào tạo ra những lớp học sinh năng động, biết tranh luận và biết làm chủ các công nghệ mới.

- Cũng có lý đấy chứ!

- Đâu có ai nói là sai! Nhưng quan trọng là có thực hiện cải cách đúng như đã nói hay không mà thôi! Buổi học hôm đó có rất nhiều giáo viên lớn tuổi bất mãn nhưng không một ai có ý kiến. Giờ nghỉ giải lao, một thầy giáo sắp về hưu đã nói với tôi: cứ cải cách giáo dục theo kiểu xem nhẹ truyền thống "tiên học lễ" của dân tộc, không xem trọng đạo đức, thì không biết việc đào tạo con người sẽ ra sao!

Thầy T. trầm ngâm một lát rồi nói tiếp:

- Những năm gần đây, chương trình cải cách giáo dục của chúng ta chỉ lo dạy kiến thức mà buông lỏng giáo dục đạo đức, ít quan tâm giáo dục lòng nhân ái cho thế hệ trẻ nên đạo đức xã hội ngày càng suy đồi.

Bạo lực học đường, giết người vô cớ, sống vô tâm với nỗi đau của người khác... đang tràn lan trong giới trẻ mặc dù đã được xã hội nhiều lần báo động. Đừng bao giờ coi nhẹ "tiên học lễ" để rồi phải trả cái giá quá đắt! Cải cách giáo dục chỉ thành công khi chúng ta đào tạo được những con người vừa có tài trí vừa có nếp sống văn hóa lành mạnh. Những căn bệnh trầm kha khó trị của ngành giáo dục hiện nay vẫn là bệnh hình thức, bệnh dễ dãi và bệnh thành tích. Những căn bệnh này vô hình trung đã sản sinh ra nhiều em học sinh chỉ biết tìm mọi cách đạt được mục đích, không biết tự xấu hổ với những hành động xấu của bản thân mình. Không khéo chúng ta đang tự làm hỏng nền văn hóa của chúng ta đấy ông bạn ạ!

- Ông này, thú thật tôi không còn giận gã thanh niên khi nãy nữa mà cảm thấy thương nó hơn!

- Sao vậy?

- Vì nó chưa được đào tạo thành người! ■



Bàn về giai thoại "cột đồng Mã Viện"

TÔN THẤT THỌ

Trong sách *Việt Nam sử lược*, khi nói về cột đồng Mã Viện, tác giả Trần Trọng Kim chép:

"Mã Viện đánh được Trưng Vương đem đất Giao Chỉ về thuộc nhà Hán như cũ, rồi chinh đồn binh lương, đem quân đi đánh dẹp các nơi, đi đến đâu xây thành lũy đến đấy và biến cải mọi cách chính trị trong các châu quận. Đem phủ trị về đóng ở Mê Linh và dựng cây đồng trụ ở chỗ phân địa giới, khắc sáu chữ: "Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt". Nghĩa là cây đồng trụ mà đổ thì người Giao Chỉ mất nòi.

Sử chép rằng người Giao Chỉ ta qua lại chỗ ấy, ai cũng bỏ vào chân cột đồng trụ một hòn đá, cho nên về sau chỗ ấy thành ra núi, phủ mất cả, đến bây giờ không biết cột ấy ở vào chỗ nào" (VNSL, T1, sđd, tr.41).

Thật ra, trong các sách sử cổ của Trung Quốc, không có sách nào chép là trên cột đồng mà Mã Viện dựng nên để làm mốc biên giới có ghi sáu chữ nói trên.

Sách *Hậu Hán thư* (quyển 54) của Trung Quốc chỉ chép một câu rằng: "Viện đảo Giao Chỉ, lập đồng trụ vi Hán chi cực gián dã", nghĩa là: "Mã Viện đến Giao Chỉ, dựng cột đồng làm bờ cõi cùng cực của nhà Hán".

Về địa điểm dựng cột đồng, sách *Thủy Kinh* (không rõ tác giả) soạn dưới thời Tam Quốc (khoảng năm 220-265) chép: "Sông Uất Thủy lại chảy về phía Nam, từ huyện Thọ Linh chảy vào biển. Ngày xưa Mã Văn Uyên (tức Mã Viện) chặt đá làm bờ đê đến sông ngách Tượng Phố, dựng cột kim tiêu làm biên giới của vùng cực Nam...".

Trong *Thủy Kinh chú sớ* do Lịch Đạo Nguyên (466 hoặc 472-527) soạn, có viết: "Mã Văn Uyên dựng hai cột đồng ở bờ Bắc Lâm Ấp, có 10 gia đình binh lính sót lại không trở về, ở bờ Nam Thọ Linh, đối mặt với cột đồng. Tất cả đều lấy họ là Mã, tự kết hôn với nhau, nay có 200 hộ. Người Giao Châu cho họ là người lưu ngụ, nên gọi là Mã lưu. Ngôn ngữ ăn uống còn giống với người Hoa. Núi sông đời đổi, **cột đồng nay lại ở trong**

biển, chính nhờ vào những người dân này mà biết được chỗ xưa của cột đồng" (*Thủy kinh chú sớ*, ... sđd, tr.395).

Về nội dung ghi trên cột đồng, ở một đoạn khác, Lịch Đạo Nguyên chú thêm: "Theo Cựu Đường chí, Mã Viện đi đánh dân Man Lâm Ấp, đến quận Nhật Nam, lại đi về phía Nam hơn 400 dặm là đến nước Lâm Ấp, lại đi về phía Nam hơn 2.000 dặm, có nước di Tây Đô. Viện trồng hai cột đồng ở biên giới phía Nam quận Tượng Lâm, phân ranh giới với nước di Tây Đô để **ghi lại đức tốt của nhà Hán**" (*Thủy Kinh chú sớ*, sđd, tr.395).

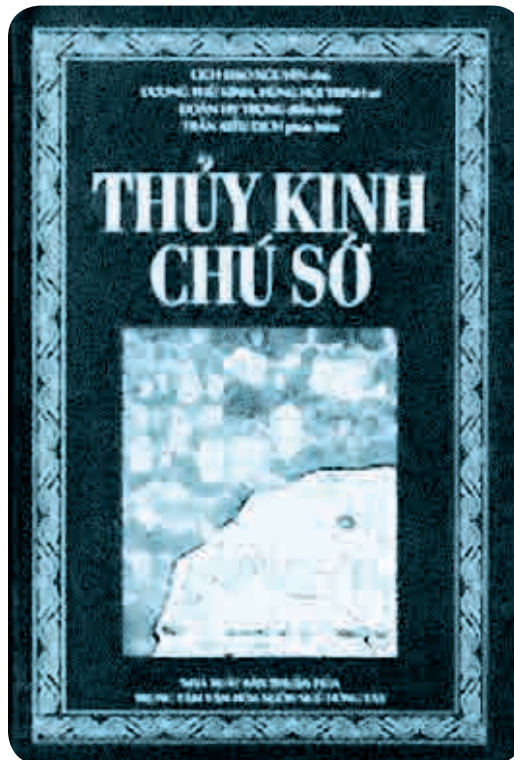
Ở nước ta, các sử thần ở các triều đại đã chép về chuyện cột đồng đó như sau:

- Trong *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục* (Cương mục): "Năm Quý Mão (43 sau Tây lịch). Tháng Giêng, mùa xuân. Trưng Trắc cùng em gái là Nhị cự chiến với quân Hán. Hai bà bị thua và mất. Trưng Vương cùng em gái là Trưng Nhị cự chiến với quân Hán, quân võ, thế cô, đều bị thất trận chết. Mã Viện đuổi đánh tàn quân của hai bà là bọn Đô Dương, đến huyện Cư Phong thì hàng phục được họ. Mã Viện **lập cột đồng để ghi địa giới** tận cùng của nhà Hán. Khi Mã Viện về rồi, người trong nước thương nhớ Trưng Vương, lập đền thờ bà" (Cương mục..., sđd, tr.109).

- Sách *Đại Việt sử ký tiền biên* (in 1800) chép: "Mã Viện dựng cột đồng ở Kiều Nam biên giới cuối cùng của nhà Hán, **nêu rõ pháp chế cũ để cai quản**, từ đấy về sau xứ Lạc Việt phải làm theo công việc của Mã tướng quân. Nước Việt ta lại phụ thuộc nhà Hán" (ĐVSKTB, sđd, tr. 91).

"Khâm Châu ở phía Tây châu Hải Đông nước ta 300 dặm, có núi Phân Mao, ở giữa núi có cột đồng lớn độ 2 thước. Khoảng năm Nguyên Hòa (806-820) nhà Đường, đô hộ là Mã Tổng dựng cột đồng ở chỗ cũ của nhà Hán" (ĐVSKTB, sđd, tr.91).

Qua những nội dung trên, ta thấy việc Mã Viện cho dựng cột đồng chỉ để phân ranh biên giới là có thật, nhưng địa điểm của nó rất khó xác định, vì Lâm



Áp về sau đã trở thành một nước riêng biệt, địa danh thường thay đổi, và như *Thủy Kinh chú* sơ đã chép là chỉ biết rằng do “núi sông dời đổi, cột đồng nay lại ở trong biển”.

Điều cần lưu ý ở đây là trong các tài liệu nói trên, không thấy đề cập gì đến sáu chữ “*Đồng trụ chiết Giao Chi diệt*” như đã được lưu truyền. Vậy từ đâu mà có có sáu chữ đó như trong *Việt Nam sử lược* và các sách sử biên soạn về sau đã ghi?

Khi soạn *Cương mục*, các sử gia của Quốc sử quán nhà Nguyễn cho biết:

“Sách **Nhất thống chí** nhà Đại Thanh có chép: **Tương truyền**, cột đồng ở về đông Cổ Sâm châu Khâm, Mã Viện có thể rằng “*Đồng trụ chiết, Giao Chi diệt*”, nghĩa là “**cột đồng ấy gãy thì Giao Chi bị diệt**” nên người Việt đi qua dưới chân cột đồng ấy cứ lấy đá bồi đắp lên mãi thành gò đồng cao. Đó là vì sợ cột đồng ấy bị gãy đổ” (*Cương mục*... , sđd, tr.110).

Như thế, nguồn gốc của sáu chữ này về sau được các sử thần nhà Thanh khi soạn *Nhất thống chí* viết ra, nhưng nhấn mạnh rằng, đó chỉ là **tương truyền!** (Tổng chí đời Thanh có ba bộ, soạn lần đầu với tên “*Đại Thanh nhất thống chí*” (342 quyển, làm xong năm 1743), lần hai với tên “*Khâm định Đại Thanh nhất thống chí*” do Hòa Thân nhuận sắc soạn thêm (gồm 424 quyển, làm xong năm 1784), lần ba với tên “*Gia Khánh trùng tu Đại Thanh nhất thống chí*” do Hàn lâm viện biên tu Lý Tá Hiền soạn thêm theo sắc chỉ của vua Gia Khánh (650 quyển, làm xong năm 1842).

Theo chúng tôi, có lẽ nội dung này không phải do sử gia triều Thanh viết nên, lý do là trước đó, Lê Tắc khi soạn *An Nam chí lược* (khoảng đầu thế kỷ XIV) đã có ghi với nội dung tương tự: “*Xưa có truyền lại rằng: Ở nơi động Cổ Sum, tại Khâm Châu có cái cột đồng của Mã Viện và lời thể rằng: “Hễ cái trụ đồng này gãy, thì nước Giao Chi tiêu diệt”, vì thế, người Giao Chi mỗi khi đi ngang qua đều lấy đá, ngói, ném vào dưới chân cột đồng, nên chẳng bao lâu, nơi ấy hóa thành gò...*” (*An Nam chí lược*, sđd, tr.63).

Cần nói thêm về tác giả Lê Tắc. Đây một nhân vật mà khi quân Nguyên sang xâm chiếm nước ta dưới triều Trần, ông ta đã cùng với Trần Ích Tắc theo đầu hàng Thoát Hoan và chạy trốn sang Trung Quốc. Trần Ích Tắc được phong An Nam Quốc vương, còn Lê Tắc được phong Thị lang. Năm 1961, khi Viện Đại học Huế xuất bản tác phẩm này, LM.Cao Văn Luận đã có nhận định về Lê Tắc như sau: “*Lê Tắc quen mình là người Việt, dựa vào lập trường và quan điểm của người Nguyên để soạn tập. Chẳng hạn như những lời nịnh nọt a dua của soạn giả, những đoạn văn kiêu ngạo, tự tôn tự đại trình bày trong các chiếu chỉ của nhà Nguyên và trong các bài tựa các danh nhân hồi ấy, đều khiến chúng ta vô cùng uất ức và đau đớn*”. (*An Nam chí lược*... sđd, tr.8).

Về cuốn sử này, nhà văn Trần Thanh Mại đã có nhận định rất nghiêm khắc và gay gắt trên tạp chí *Tao Đàn* số 3 ngày 1/4/1939 với bài viết tựa đề “*Một nhà viết sử bán nước, một quyển sử nhục nhã*”. Cụ Huỳnh Thúc Kháng cũng tán thành cách đánh giá của Trần Thanh Mại.

Qua đó ta thấy, có thể dựa vào những điều mà Lê Tắc đã viết, các sử thần nhà Thanh khi soạn *Nhất thống chí*, cũng như các tác giả *Đại Việt sử ký toàn thư* (cuối thế kỷ XV) ở nước ta, đã căn cứ vào đó để ghi lại, từ đó được lưu truyền về sau.

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi “*Viện mới dựng cột đồng làm giới hạn cuối cùng của nhà Hán, Cột đồng tương truyền là ở trên động Cổ Lâu thuộc Khâm Châu. Viện có đề câu thể rằng “Cột đồng gãy thì Giao Châu diệt”. Người Việt ta đi qua dưới cột ấy, thường lấy đá chất vào, thành như gò đồng, vì sợ cột ấy gãy*” (*ĐVSKTT*, sđd, tr.113).

Dưới thời vua Trần Thánh Tông (1258-1278), triều đình nhà Nguyên bên Trung Quốc có sai sứ sang nước ta để nghị xác định và làm rõ địa điểm cột đồng này. Sách *Cương mục* chép: “*Nhâm Thân, năm thứ 15 (1272)... Tháng 4, mùa hạ: Nhà Nguyên sai Ngột Lương sang hỏi mốc đồng trụ ngày trước, nhà vua phái Lê Kinh Phu đi hội đồng khám xét. Kinh Phu nói với người nhà Nguyên rằng: “Chỗ cột đồng do Mã Viện dựng nên lâu ngày bị chìm lấp, nay không thể biết ở chỗ nào được. Việc đó sau cũng thôi”* (*Khâm Định*... , sđd, tr.481).

Đến năm Ất Dậu 1345, dưới thời vua Trần Dụ Tông (1341-1369), nhà Nguyên lại sang Vương Sĩ Hành sang hỏi lại chuyện đó. Sách *Cương mục* chép: “*Ất Dậu, năm thứ 5 (1345) Tháng 8, mùa thu - Nhà Nguyên sai Vương Sĩ Hành sang hỏi địa giới cột đồng ngày trước. Nhà vua sai Phạm Sư Mạnh sang Nguyên biện bạch việc này*” (*Cương mục*... , sđd, tr.597).

Từ đó trở đi, không thấy nhắc đến chuyện này nữa, Sau đời Trần, nhà Minh sang đô hộ Đại Việt suốt 14 năm, cũng không tìm thấy dấu tích gì về cột đồng trụ này.

Tóm lại, theo *Hậu Hán thư*, *Thủy Kinh* và *Thủy Kinh chú* sơ là những cổ sử do các tác giả Trung Quốc ghi chép thì địa điểm cột đồng do Mã Viện cho dựng nên rất mờ mờ; hơn nữa, qua thời gian dài nhiều biến động nên rất khó xác định địa điểm. Căn cứ vào *Thủy Kinh chú* sơ ta chỉ biết rằng: cột đồng này đã bị vùi lấp xuống biển. Về nội dung được khắc trên đó, các sách ấy đã chép là ghi **những đức tốt của nhà Hán** hoặc **nêu rõ pháp chế để cai quản** chứ không hề nói đến sáu chữ “*Đồng trụ chiết Giao Chi diệt*” như đã được chép trong *An Nam chí lược* và *Đại Việt sử ký tiền biên* mà sau này Trần Trọng Kim dùng làm căn cứ để ghi lại. Vì thế có thể nói rằng sáu chữ nói trên được cho là ghi trên **cột đồng Mã Viện** chỉ là một **giai thoại** không có căn cứ trong lịch sử. ■

Tài liệu tham khảo:

- *Thủy Kinh chú* sơ, Lịch Đạo Nguyên chú, Nxb Thuận Hóa & TTVHNNĐT, 2005.
- *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục*, T1, QSQTN, Nxb Giáo Dục, 2007.
- *Việt Nam sử lược*, T1, Trần Trọng Kim, TTHL Bộ GD&ĐT, 1971.
- *An Nam chí lược*, Lê Tắc, Nxb Lao Động, TTVHNNĐT, 2009.
- *Đại Việt sử ký toàn thư*, T1, Nxb VHTT, 2004.
- *Đại Việt sử ký tiền biên*, Nxb VHTT, 2011.

Đông y và Tây y

HOÀNG TÁ THÍCH

Nói đến y học thì người ta thường đề cập đến Đông y và Tây y.

Tây y nói chung là phương pháp khám bệnh, chữa bệnh một cách khoa học của Tây phương, và Đông y thì theo lối cổ truyền, gần như chỉ phổ biến ở Trung Hoa, Việt Nam và có lẽ ở không nhiều các nước khác. Đông và Tây y đều có những ông tổ thần y. Tây y có Hippocrate và Đông y có Biển Thước, đều là những nhân vật từ trước Tây lịch, nên sử liệu không đủ những bằng chứng rõ ràng để nói chi tiết về những nhân vật đó, nhưng vẫn có thể nói, đó là những ông tổ của y học.

Nói đến Đông y thì dù Biển Thước có thể là một nhân vật huyền thoại, nhưng cái tên Hoa Đà thì có lẽ chẳng ai không biết đó là một vị một thần y của Trung Hoa cách đây khoảng gần hai ngàn năm. Đông y chỉ có một lối khám bệnh gần như không thay đổi từ xưa đến nay, đó là dùng mấy ngón tay để bắt mạch ở cổ tay bệnh nhân. Cho đến bây giờ vẫn thế. Người ta nghi ngờ lối chẩn bệnh này cũng phải, vì chỉ dùng ba ngón tay nghe nhịp đập của mạch máu mà nói ra bệnh thì cũng thật thần kỳ, có vẻ khó tin. Chưa nói đến chuyện các quan thái y bên Tàu ngày xưa, không được quyền đụng đến bàn tay chứ đừng nói đến cơ thể của các phi tần, hoàng hậu, công chúa, nên chỉ có thể ngồi ngoài rèm và nghe mạch qua một sợi dây nối với cổ tay của các quý bà bệnh nhân mà thôi. Nghe thật buồn cười, nhưng sự thật là thế. Các thầy lang được chọn vào khám bệnh trong triều được gọi là ngự y, thì chắc chắn y thuật cũng phải cao minh.

Riêng tôi, trước đây cũng không bao giờ tin tưởng lối khám và chữa bệnh của Đông y, nhưng qua những lần chứng nghiệm một cách tình cờ, tôi đã có chút thay đổi quan điểm. Phải như thế nào thì Đông y mới có thể tồn tại cả hàng ngàn năm nay. Chỉ vì mình không tìm hiểu nên không biết rõ mà thôi. Cho đến bây giờ, dù sự tiến bộ của Tây y, với những phương pháp trị liệu khoa học được hỗ trợ bởi máy móc vô cùng hiện đại, mà Đông y vẫn còn đó, và chẳng khác gì ngày xưa. Dĩ nhiên không phải thầy lang nào cũng đều là... thần y.

Có lần tôi hỏi một thầy lang mà tôi rất phục về kỹ thuật dùng mấy ngón tay để đoán được bệnh. Vị này giải thích cho tôi biết, học để ra nghề thuốc không phải là khó, ai cũng học được nhưng giỏi y thuật không chỉ do chuyện học thôi mà còn do mình có đam mê nghề này hay không nữa. Chẳng khác chi chuyện ai học đàn cũng đàn được, nhưng tiếng đàn có hồn hay không thì tùy từng người,

và người ta cho rằng nhờ cũng có đôi chút trời phú thiên chất để có thể trở thành một người chơi đàn hay hoặc một thầy lang giỏi. Thầy lang này kể với tôi, trong thời gian học, ban đêm thầy phải ngồi trong bóng tối trước một rổ đậu gồm có ba loại, đậu đen, đậu đỏ và đậu trắng. Làm thế nào để dùng đầu ngón tay của mình sờ vào, mân mê từng hạt đậu cho đến khi có thể phân biệt loại đậu nào và lấy riêng ra từng loại. Nhờ thế mà khi khám bệnh, ngón tay mình mới có thể cảm nhận được nhiều loại mạch, mạch cạn, mạch trung và mạch sâu để đoán bệnh. Chỉ nghe như thế để biết được phần nào chuyện học tới y thuật cho cao cũng công phu chứ không phải dễ dàng gì.

Đông y cũng chẳng khác gì Tây y, cũng khám bệnh, cho thuốc và trị liệu. Dù không có nhiều trường hợp được nêu ra, nhưng chắc chắn là ngoài chuyện uống thuốc thì cũng phải có chuyện mổ xẻ vết thương để chữa bệnh, bằng chứng là y sử cũng có nói đến chuyện Quan Vân Trường được Hoa Đà mổ cánh tay để tẩy độc trong xương. Có thể tác giả La Quán Trung của *Tam quốc chí* để thần y Hoa Đà mổ Quan Công cho hấp dẫn câu chuyện, nhưng dù là ai thì chuyện mổ cánh tay cho Quan Công cũng là một sự kiện được truyền tụng. Và lại, được thảo của Trung Quốc thiếu gì loại có thể gây mê để bệnh nhân không bị đau đớn khi mổ. Đây là chưa kể chuyện hồi Tổng thống Mỹ Nixon qua thăm Trung Quốc, các vị lang y của nước này đã biểu diễn một cuộc giải phẫu ruột thừa cho một bệnh nhân mà không dùng đến thuốc mê, chỉ châm cứu để làm tê liệt các dây thần kinh và bệnh nhân vẫn có thể tỉnh táo chuyện trò bình thường suốt thời gian với các lang y giải phẫu.

Nói đến chuyện châm cứu thì không thể chối cãi được đó là một lối y thuật cao minh đã có ở Trung Hoa từ cả hàng ngàn năm nay và bây giờ Tây y đã bắt đầu nghiên cứu sâu rộng để áp dụng trong nhiều trường hợp cần thiết, và công nhận đó là một phương pháp trị liệu hiệu quả. Người ta thường dùng phương pháp châm cứu để chữa trị đau nhức. Đôi khi chỉ cần một mũi thuốc tây vào giữa khớp xương thì khỏi ngay, nhưng nhiều người vẫn ngại hơn là châm cứu dù phải mất nhiều thời gian hơn.

Về vật lý trị liệu, Đông y cũng rất phổ biến. Trừ những trường hợp gãy lồi xương, đặng nào cũng phải đến bệnh viện chấn thương chỉnh hình để chụp hình, chữa vết thương, băng bột chờ xương liền. Nhưng nếu chỉ là trật khớp, xương bị rạn, lật mắt cá chân hay bất cứ nơi nào trên cơ thể thì mười người hết chín sẽ tìm ngay một ông thầy "màng" của Đông y. Bây giờ thầy "màng"



không phải chỉ mò mẫm như ngày xưa, mà họ cũng xem phim chụp quang tuyến để trị liệu, và chung chung, các thầy lang vẫn khuyên các bệnh nhân của họ phải dùng “thuốc tây” hoặc những phương pháp chữa trị bằng Tây y nếu cần thiết.

Từ xưa đến nay, Đông y chỉ dùng dược thảo để chữa bệnh. Rất nhiều thuốc men của Tây y cũng được bào chế từ dược thảo, nhưng những chứng bệnh cần phải có hiệu quả của thuốc ngay như chứng nhức đầu hay cần giảm đau chẳng hạn thì nhất thiết phải dùng đến hóa chất mới được. Nhìn những người hốt thuốc nam, thuốc bắc, người không tin Đông y lại càng không tin tưởng thì cũng phải. Một cân thuốc dùng cho 10 thang chẳng hạn thì người ta lấy một cân và dùng tay bóc ra để chia thành 10 phần và dĩ nhiên là cân lượng không thể nào chính xác. Nhưng cả một đồng thuốc toàn là thảo mộc khô, không biết bao nhiêu là thứ, mà chỉ dùng để uống một lần thì sự chính xác cũng không có gì phải quan trọng khi so sánh với một viên thuốc chút xíu, cũng chỉ để dùng một lần thôi thì cân lượng chắc chắn phải chính xác, nhất là lượng hóa chất trong đó. Có điều dù có uống dược thảo cỏ sai biệt cân lượng đôi chút thì cũng không sao và chắc chắn chất độc tích lũy trong cơ thể không thể nào tai hại như những hoá chất.

Nói đến dược phẩm Đông y, Trung Quốc nói riêng và cả Á châu nói chung, chẳng ai không thường nghe nói đến những sâm, yến, linh chi, đông trùng hạ thảo, sừng tê giác... Những cái đó đã có từ hàng ngàn năm nay và vẫn tồn tại cho đến bây giờ, nhưng khi được các nhà khoa học trong giới y học mổ xẻ nghiên cứu thì họ đều cho biết gần như chẳng có gì là bổ béo, chữa được bệnh này bệnh nọ như thường nghe đồn đãi. Nhưng nhưng thứ đó vẫn tồn tại và bán vẫn chạy dù khá đắt. Bây giờ không những Trung Quốc mà Nhật Bản, Hàn Quốc và ngay cả Mỹ cũng đều sản xuất sâm, linh chi. Chẳng biết thực sự nó tốt cho sức khoẻ như thế nào, nhưng dù sao uống vào cũng chẳng hại gì mà trên mặt tâm lý, yên trí là có lợi cho sức khoẻ, nhất là vào cái tuổi xế chiều thì bất cứ thứ gì được cảm thấy tốt cho sức khoẻ mà không có hại thì tại sao lại không dùng nếu có phương tiện?

Chẳng thế mà người Trung Hoa đã dùng hàng ngàn năm nay, dù không phải là “thiên nhiên hà thủ ô” hay “linh chi ngàn năm” thì vẫn là những vật hiếm quý vì... rất đắt tiền, không phải ai ai cũng dùng một cách dễ dàng được. Linh chi và đông trùng hạ thảo là những loại nấm thì đắt tiền cũng không phải là lạ, vì trên thế giới cũng có những loại nấm vô cùng đắt tiền như nấm truffle chẳng hạn, muốn mua để ăn cũng không phải dễ dàng gì. Dù sao, cũng phải thấy rằng, hiện tại trên thế giới, cái gọi là “thực phẩm chức năng” được mọi người dùng, đều làm từ cây cỏ và không bao giờ là từ một chất liệu hóa học.

Có những thầy lang bắt mạch, chẩn bệnh rất đúng và chữa bệnh nhân của họ một cách rất hiệu quả, phải nói là thần kỳ, nhưng khi nói chuyện đó với những vị bác sĩ Tây y hoặc những người không bao giờ chấp nhận chỉ dùng mấy ngón tay mà biết bệnh thì phần lớn, dù không có ý kiến gì thì họ chỉ cười một cách nhẹ nhàng.

Thuốc Đông y không có hiệu quả tức khắc, và liều lượng cũng không chính xác, nên các thầy lang thường khuyên bệnh nhân phải kiên nhẫn, phải sau một thời gian dùng thuốc mới biết hiệu quả nó như thế nào. Người ta cũng thường nói Tây y chữa cái ngọn, trong khi Đông y chữa từ cái gốc nên cần có thời gian.

Hiện tại, các bệnh viện trên khắp thế giới đều phải dùng máy móc và những dụng cụ y tế hiện đại để chữa trị cho bệnh nhân. Càng ngày, y học càng khám phá ra những chứng bệnh mà có lẽ dược thảo của Đông y không thể đủ khả năng để chữa lành. Các bác sĩ của Trung Quốc cũng như Việt Nam bây giờ đều tốt nghiệp ở các trường đại học y khoa, và có rất nhiều bác sĩ hoặc tốt nghiệp, hoặc được tu nghiệp ở các trường y danh tiếng trên thế giới thì xem ra cái lối bắt mạch bằng mấy ngón tay và thuốc men cân lượng không chính xác của Đông y như ngày xưa, càng ngày càng mai một dần, chuyện đó cũng không có gì lạ.

Tuy nhiên, nghĩ cho cùng, cũng có một điều lạ là “*Có những điều được phát minh ra từ xưa trải qua hàng ngàn năm và vẫn tồn tại mãi cho đến bây giờ, một cách hữu dụng, hợp pháp, hợp lý, nhưng vẫn bị một số người nào đó không tin tưởng, chỉ vì họ không muốn tìm hiểu.*” ■



Ấm hà hay ẩm thủy tư nguyên?

Bài & ảnh: NGUYỄN PHÚC VINH BA

1 Bạn tôi là một nhà thư pháp chữ Hán. Có người nhờ anh viết câu “Ấm hà tư nguyên, 飲河思源” để tặng thầy giáo của anh ấy. Anh bạn tôi đề nghị viết thành “Ấm thủy tư nguyên, 飲水思源” nhưng thân chủ không đồng ý, khẳng khái bảo, trong sách vậy mà, hồi xưa tui học vậy mà. Viết xong, thấy chữ đẹp, thân chủ bèn đưa lên Facebook trình làng chơi. Không ngờ có nhiều lời bình lý thú, phân tích đúng sai của hai câu trên. Đọc qua, thấy ai cũng có lý cả. Thiết nghĩ, có lẽ cần tìm hiểu một chút có tính cách hàn lâm, có tư liệu chứng cứ để thấy cái đúng cái sai mà những lời bình trên đề cập đến (Ở đây, chúng tôi không xét nghĩa bóng của hai câu nói trên vì mọi người đều đã nhất trí qua câu dịch Việt: *Uống nước nhớ nguồn*).

2 Ấm hà là gì? Có thể giảng ấm hà là uống nước sông hay uống nước ở dòng sông. Có nhiều thành ngữ cổ điển có cụm từ ấm hà. Ví dụ như một, *Ấm hà mãn phúc* 飲河滿腹 (Uống nước sông chỉ tổ đầy bụng. Phải biết tri túc, quá tham vô ích cho mình), hai, *Ấm hà yển thử* 飲河馱鼠 (Chuột đồng uống nước sông. Chỉ người có nhu cầu / sở đắc rất hạn hẹp). Thường thường loài vật như voi, ngựa, nai, hươu,... thậm chí cả chuột hay uống nước sông. Con người cũng có thể uống nước sông khi khát nước lỡ đường, ghé ven sông bụm nước mà uống. Ngoài ra, để sử dụng nước sông, chúng ta gánh nước về, đội về, đun sôi rồi uống. Lúc đó, chúng ta không thể gọi là ấm hà được nữa mà rõ ràng là ẩm thủy. Đối với xã hội con người, cụm từ ấm hà có phạm vi sử dụng hẹp vì nước mưa, nước giếng, nước khe,... đều được chúng ta uống cả.

3 Ấm thủy thì nghĩa nó rõ ràng hơn, là uống nước. Nước có thể là nước sông, nước khe, nước suối, nước giếng và cả nước mưa. Vậy, từ ẩm thủy bao quát một nội dung phong phú hơn, tổng quát hơn. Có ai đó ẩm khe (uống nước khe), ẩm tuyến (uống nước suối) thì cũng nằm trong vòng ẩm thủy. Tổng quát được một phạm trù rộng như vậy khiến câu thành ngữ không phiến diện và có ý nghĩa thâm sâu. Nước giếng cũng có nguồn là các mạch nước ngầm, nước mưa từ nguồn trời rơi xuống, chúng ta cần nhớ đến, bảo vệ, giữ gìn để

cho mạch nước ngầm, bầu trời không ô nhiễm hay cạn kiệt chứ. Vậy, thoạt tiên từ ẩm thủy đã bao trùm từ ấm hà về mặt nội dung.

4 Xét về gốc gác trong thư tịch thì các Hán Việt từ điển xuất bản sau này (sau 1975) đều có câu *Ấm hà tư nguyên*. Có lẽ các nhà làm tự điển đã dựa vào các hoành phi, bài báo, hay một cuốn sách đầu đó. Có một cứ liệu xác đáng là cuốn *Tâm nguyên từ điển* của cụ Bửu Kế có ghi câu *Ấm hà tư nguyên* này. Cuốn từ điển này xuất bản lần đầu năm 1955, rồi tái bản năm 1968 ở miền Nam. Không rõ cụ Bửu Kế tuyển lục nó từ đâu. Ngược lại, cuốn *Hán Việt từ điển* của cụ Đào Duy Anh soạn trước đó (1931, theo lời đề từ của Hãn Mạn Tử, tức cụ Phan Bội Châu) thì lại không có. Một điều quan trọng hơn là các từ điển lớn của Trung Hoa như *Khang Hi, Từ Nguyên*,... đều không có câu *Ấm hà tư nguyên* này mà chỉ có câu *Ấm thủy tư nguyên*.

5 Nguồn gốc của một thành ngữ Hán Việt đều từ sách sử Trung Hoa. Chuyện vay mượn như thế là việc tốt đẹp và bình thường đối với mọi ngôn ngữ. Có người nghịch đời lại bảo chính vì dịch vệt từng chữ nên từ câu *Uống nước nhớ nguồn* của ta sinh ra câu *Ấm thủy tư nguyên* của Trung Hoa. Nói thế là chưa chịu tra cứu cho đến nơi đến chốn. Kỳ thật, lý do xuất hiện một số câu lạ lùng như trên là do tam sao thất bản, hoặc do nhà Nho ta sáng tạo. Nhược điểm của các câu này là không thâm sâu, không bao quát được phạm trù lớn. Ví dụ như câu *Trà tam tử tử* (Trà nên uống ba người, rượu bốn người), câu *Nhất tự vi sư* (Dạy một chữ cũng là thầy) và câu *Dĩ thực vi tiên* (Lấy ăn làm đầu, làm chuyện trước tiên). Nghĩ cho kỹ thì thấy những câu loại này ý nghĩa không thuyết phục. Mấy câu trên là dị bản của *Trà lâu tử tử* (Quán trà quán rượu), *Nhất tự chi sư* (Người thầy giúp ta sửa chỉ một chữ mà làm cho bài văn, câu thơ hay hẳn lên), và *Dĩ thực vi thiên* (Dân coi cái ăn là trời). Những câu này có điển tích giải nghĩa rất thâm sâu.

Trong trường hợp đang bàn luận, chúng tôi cho rằng nên dùng câu *Ấm thủy tư nguyên*. Ý nghĩa của nó bao quát, sâu sắc và phổ biến hơn nhiều. ■



Bạch Vân am.
Nguồn: vtc.vn

Tỉnh thức một dòng Tuyết Giang

NGUYỄN NHẢ TIÊN

Không phải cho đến bây giờ tôi mới theo chân bao cuộc hội hè để đến cái làng quê Trung Am xã Lý Học, một địa danh văn vật của Vĩnh Bảo - Hải Phòng; mà từ lâu, thơ của Trọng Trình Nguyễn Bình Khiêm đã dẫn lối chỉ đường cho tôi biết cái nơi “*Tân quán vân am mịch cựu du*” (Về tìm lại chốn cũ quán Trung Tân và am mây trắng), quê quán của Trọng Trình.

Nói gì đến cái quán Trung Tân hay là Bạch Vân am lấp lánh hồi quang ấy, chỉ riêng cái phiến đá xanh mòn nhẵn dấu chân người này đây đã nói với tôi về sức sống kỳ diệu của văn hóa và lịch sử rồi. Phiến đá xanh, chỉ độ một sải bước chân người thôi, có là gì đâu trước bao thành quách lầu đài hưng phế. Nhưng vì đây là một phiến đá bắc qua một con mương nhỏ, đã mòn nhẵn dấu chân của Trọng Trình trên con đường

làng từ Bạch Vân am đi qua chùa Mét, ngày ngày đàm đạo với quý chư Tăng tại đây, mà từ đó trở thành một “Tràng Xuân kiều”, chiếc cầu đá huyền thoại bắc qua hàng bao thế kỷ.

Tôi đã từng không biết bao lần đứng bên phiến đá ấy để tưởng ra một Trọng Trình cao vời trong am mây trắng, ung dung tư tại:

“*Vời vợ non cao nguyệt một vắng*”.

Lịch sử văn hóa dân tộc chưa từng có một cuộc đời danh nhân văn hóa nào đầy ắp truyền thuyết và giai thoại vây quanh như Trọng Trình. Đầy đến nỗi trang đời Trình Quốc công tưởng kín giấy mực ghi chép, lòng ngưỡng mộ của quần chúng lại thăng hoa bồi đắp thêm nhiều giai thoại đẹp để về song thân ông, vợ con ông, và rồi còn lan tỏa qua làng xóm, đất đai quê xứ.

Đi giữa làng quê Trung Am xã Lý Học, nào Tháp Bút Kinh Thiên, nào quán Trung Tân, nào chùa Mét (Cổ Am) vào một ngày cuối đông, chợt nhớ câu “sấm ký” của Trạng Trình:

*“Hồng Lam ngũ bách niên thiên hạ
Hung tộ diên trường ức vạn xuân”.*

(Đất nước Hồng Lam sau ta năm trăm năm
Đó là thời hưng thịnh vạn mùa xuân).

Cũng chẳng rõ thực hư “sấm ký” thế nào và đâu là nguyên bản, nhưng đúng là tôi đang đi giữa lòng quê Trung Am vào chính cái quang thời gian sau “năm trăm

năm” ấy. Ngót gần nửa thiên niên kỷ qua rồi mà nghe như từng ngọn cỏ phong thổi qua am mây trắng còn dội chiếu quang ba xuống dòng Tuyết Giang như lục tìm bóng người xưa. Sự vật quanh đây có là tha thế hay không, làm sao tôi có thể lý giải những điều thuộc về siêu lý. Nhưng, nếu quả thực ngồi trên cái nền đất Bạch Vân am mà không nghe vang vọng:

*“Cửa trúc võ tay cười khúc khích
Hiên mai tréo cẳng hát nghêu ngoa”.*

Thì thử hỏi người vô tâm hay đất ấy vô tâm?

Bước vào đền thờ Trạng Trình - Nguyễn Bình Khiêm (đền Trung Am). Vẫn biết đây là ngôi đền được xây dựng lại từ thời Bảo Đại (1927), và cũng đã qua nhiều lần trùng tu, nhưng nhìn mặt gỗ bóng lên qua bao vạn dấu tay người, cái cảm giác nghe được sinh hồn, giác hồn trong sự vật giống như niềm miên mật bỗng thấy chùng như khích lệ tâm hồn của mình. Sử ghi lại: Ngôi đền Trung Am đầu tiên được xây dựng vào năm Trình Quốc công mất (1585). Vua nhà Mạc đã cấp cho làng Trung Am ba ngàn quan tiền và hàng trăm mẫu ruộng để tạo dựng đền. Đích thân nhà vua đã đề chữ “*Mạc triều Trạng nguyên Tể tướng từ*” lên tám biển gắn trước đền. Và rồi thời gian qua bao “*nương dâu bãi bể*”, ngôi đền xưa bị đổ nát. Cho đến triều Lê trung hưng (1735) dân làng mới đóng góp xây dựng lại. Vậy mà nào có được yên. Thời Minh Mạng thập tứ niên (1833) đền thờ Trạng lại bị tàn phá. Chuyện phá đền lần này có giai thoại khá ly kỳ liên quan đến Uy Viễn tướng công Nguyễn Công Trứ. Số là năm này tháng này, Nguyễn Công Trứ đang làm Tổng đốc Hải Dương. Nhân có việc của Nguyễn Khoái người Vĩnh Lại (tên gọi xưa của Vĩnh Bảo) nổi lên chống lại triều đình, Uy Viễn cho rằng ứng với lời sấm Trạng Trình để lại: “*Gia Long nhĩ đại, Vĩnh Lại vi vương*”.

Nghe vậy, vua lệnh cho Trứ phá đền. Khi đền bị phá ra, Trứ phát hiện có tấm bia đã ghi sẵn một câu sấm khác của Trạng: “*Minh Mạng thập tứ, thằng Trứ phá đền*”, lật mặt dưới tấm bia lên lại thấy ghi thêm: “*Phá đền ta thì không được dự vào hàng nho sĩ*”.

Đọc xong, Trứ lạnh toát cả người, bèn tâu với vua xin được xây dựng đền lại như cũ.

Trải qua bao thiên tai địch họa, ngôi đền ngày nay được tôn tạo trùng tu ngay trên cái nền Bạch Vân am của năm trăm năm về trước. Chính nơi này đây, sau khi cáo quan lui về quê, Trạng Trình mở trường dạy học, và đã có bao nhiêu Trạng nguyên, học trò của Trình Quốc công, trở thành những bậc hiền tài ra giúp nước. Đây cũng là thời gian Trạng Trình dựng quán Trung Tân bên dòng Tuyết Giang, xây Tháp Bút Kinh Thiên ở đầu làng và lập am Bạch



Vân, lấy biệt hiệu là Bạch Vân cư sĩ. Hầu như toàn bộ thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm của ông trong *Bạch Vân am thi tập* và *Bạch Vân Quốc ngữ thi tập* đều được sáng tác trong thời kỳ lui về quê ở ẩn. Phan Huy Chú trong *"Lịch triều hiến chương loại chí"*, phần *Văn tịch*, đã đánh giá về thơ Nguyễn Bình Khiêm như sau: *"Thanh tao, tiêu sái, hồn hậu, phong nhã, có ý thú tự nhiên"*. Ngoài ra, ông còn để lại nhiều văn bia (bi ký), nổi tiếng nhất là *Trung Tân quán bi ký*. Có ai ngờ cái quán sơ sài lơ thơ phen lá mỏng mảnh bên sông, vậy mà tấm bia đá khắc bài truyền bá cái tư tưởng Trung Tân của người xưa còn trường tồn mãi cùng nhật nguyệt tháng năm. Lại càng không ngờ hơn nữa, ở cái chốn: *"Ta đại ta tìm nơi vắng vẻ"* thế kia, ấy vậy mà con người *"Thượng thông thiên văn, hạ tri địa lý, trung tri nhân sự"* (Thấu hiểu thiên văn trên trời, am tường địa lý dưới đất, giữa rõ lòng người) lại là bậc hiền triết, tiên tri thiên tài, đã chỉ đường đi nước bước cho vua quan của ba thế lực phong kiến: Mạc, Trịnh và Nguyễn đi về ba hướng khác nhau, tránh bớt cho dân tộc cái họa binh đao nổi da xáo thịt.

Bước ra ngoài khuôn viên ngôi đền, ngược nhìn tượng Nguyễn Bình Khiêm uy nghi dưới nền trời xanh biếc, Trạng ngồi trong tư thế tay cầm bút, tay cầm sách. Sự mô tả khéo léo của người nghệ sĩ hay là Trạng Trình từ câu thơ bước ra *"Thức dậy, tay còn sách chừa buồng"*. Giữa cái không gian thăm thẳm đó, cái am mây trắng của Bạch Vân cư sĩ chợt thoáng mơ hồ trong làn khói mỏng. Thì vẫn ngôi nhà ba gian lợp cói mô phỏng Bạch Vân am cùng với những pho tượng của các môn sinh trong sân đền, ấy vậy mà sao cây lá cứ lao xao thì thảm như tiếng cổ phong lùa qua vườn cũ *"Đặc, táng, tùng, thông khởi ngã ưu"*. Vâng, một tấm vóc hiền triết, một thi sĩ như Trạng thì cùng với *đặc, táng, tùng, thông* kia

nào có nghĩ gì riêng cho mình. Trạng Trình đã sống một cuộc đời dài gần tròn một thế kỷ (1491-1585), từ sau khi ông đỗ Trạng nguyên (khoa Ất Mùi 1535), chỉ có bảy năm ông tham dự triều chính, thời gian còn lại, nhất là từ khi quy ẩn, thơ ông nghiêng về chiều hướng thiên nhiên, thanh cao, nhàn nhã:

*"Thu ăn măng trúc, đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao"*.

Nhưng đồng thời cái nhãn quan siêu việt như Trình Quốc công vẫn thường hằng một nỗi ưu tư mà dự báo động tinh nước non:

*"Ưu thời thốn niệm bằng thủy tả
Duy hữu hàn sơn bán dạ chung"*.
(Nỗi lòng cho đời biết nói cùng ai
Chỉ có tiếng chuông chùa núi lạnh nửa đêm
cùng ta thao thức).

Rời am mây trắng, tôi lang thang dọc bờ Tuyết Giang, cái quán Trung Tân của người xưa giờ là đầu giữa mịt mù sông nước này. Chợt nhớ mấy câu thơ nhàn du của Trạng Trình viết ra tại quán Trung Tân:

*"Thư nhàn khước tá đồng phong lục
Lưu thử xuân quang nhập thọ bôi"*.

Dù mịt mù cổ tự, nhưng trong niềm hoan lạc trước từng cơn gió tràn giang, tôi cũng liêu lĩnh diễn dịch ngâm nga, xin tiễn nhân am mây trắng bao dung độ lượng:

*Du nhàn ngâm sắc gió đông
Ngày xuân say một tiếng lòng đầy vui! ■*

Ghi chú: Thơ chữ Hán và Nôm trong bài (in nghiêng) đều rút từ *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam*, Nxb Văn Học 1981.

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2016

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
 Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 40 cuốn/kỳ
 Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
 Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
 Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
 Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
 Phật tử Diệu Định : 11 cuốn/kỳ
 Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
 PT. Tâm Hiên, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
 Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
 Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
 Bà Lý Thu Linh : 10 cuốn/kỳ
 Ô. Bùi Phong Lưu : 8 cuốn/kỳ
 Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 6 cuốn/kỳ
 Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
 Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng bảo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2015, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng bảo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
 Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
 Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
 Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
 Ô. Lê Xuân Triêu, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
 Cô Huệ Hương : 5 cuốn/kỳ
 Hoàng Mỹ - Thiên An : 5 cuốn/kỳ
 Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
 Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 4 cuốn/kỳ
 Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
 Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
 Hoàn Ái - Huệ Minh : 3 cuốn/kỳ
 Ô. Tạ Hữu Chung : 3 cuốn/kỳ
 Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
 Chị Tuyên, Cty Cơ khí Mê Linh : 2 cuốn/kỳ
 Cty Nén Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
 Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
 Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
 Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
 Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
 PT. Nguyễn Thuận : 1 cuốn/kỳ

Tổng số bảo tặng kỳ này: 358 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng bảo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội... xin liên lạc: **Tòa soạn, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP.Hồ Chí Minh;**
Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335
Email: toasoanhvpg@gmail.com

Ban Biên tập

Nghĩ về Hà Nội

LÊ HẢI ĐĂNG



Ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, giữa cái nắng chói chang, tôi nhớ lại những ngày đầu mới lên Hà Nội. Hồi ấy, xe khách thường thả khách gần chân cầu Chương Dương, đi bộ men theo những con đường đầy nắng dẫn tới chợ Đồng Xuân, bước vào một quán ăn đông đúc khách vắng lai để nạp “năng lượng” trước khi di chuyển sâu vào thành phố. Và trong quá trình di chuyển vào lòng Hà Nội nhận thấy một thủ đô hiện ra với muôn vàn lớp người khác nhau.

Ở trọ căn nhà nằm sâu trong một ngõ dài miên man có đường thông ra các ngã, khách trọ đa số làm công việc “bán mặt cho đường”. Tương lai họ cũng sẽ trở thành công dân Hà Nội góp phần làm nên sự đa dạng trong quần thể sinh thái nhân văn đô thị. Chủ nhà đối xử với khách trọ vô cùng tử tế, chẳng hề lấy tiền thuê nhà. Có lẽ, đó là những năm tháng người Hà Nội còn kể

thừa đức tính thời chiến tranh. Những con người hào hiệp, trọng nghĩa, giàu lòng thương người. Thời bao cấp, tố chất người thủ đô thật đáng nể phục, ngưỡng mộ, tinh thần lạc quan phủ khắp thành phố vắng lặng.

Hà Nội có rất nhiều khu phố tập trung người cùng ngành nghề, như khu 36 phố phường hội tụ dân kẻ chợ, khu nhà binh, khu bộ ngoại giao, khu chuyên gia, khu văn công, khu bộ nông nghiệp, khu ngân hàng, khu công an... Trà trộn, lẫn lộn vào bức tranh đa diện đó là thành phần trí thức. Trí thức, với bản chất độc lập từ bên trong tư tưởng đến bên ngoài phương thức sống, tự thân không thiết lập một cố kết hình thức. Họ sống đan xen giữa từng lớp người, “thức” để lưu giữ ký ức, những giá trị ngủ vùi trong giấc mơ xê dịch. Các khu tập thể, cụm dân cư giống như những tiểu vùng văn hóa làm thành ranh giới khu biệt. Qua đó thấy rằng, thời kỳ bao cấp, chính quyền trung ương đã triển khai ý chí tập trung cao độ, thể hiện một cách mạnh mẽ vào kết cấu không gian cư trú. Nó phù hợp với bối cảnh nền kinh tế tập trung, kế hoạch hóa. Việc phân chia dân cư thành cụm, khu tập thể, tiểu khu... giúp cho bộ mặt đô thị duy trì được trật tự trong những năm tháng khó khăn. Sau này, sự nới lỏng trong đồ án quy hoạch địa bàn cư trú có giới hạn đã làm cho bộ mặt đô thị bị xáo trộn mà hệ quả là căn bệnh trầm kha về ùn tắc giao thông. Tình trạng mắc kẹt giữa giao thông đô thị hiện nay vốn khởi đi từ thực trạng cư trú không còn sắp xếp theo hệ thống. Nó phá vụn bộ mặt đô thị, sự đan xen giữa đô thị hóa nông thôn và nông thôn hóa thành thị tạo nên độ chênh khó thể san đều bằng tư duy giải pháp tình thế... Bên cạnh đó, công cuộc chỉnh trang, cải tạo đô thị còn tạo nên xung đột giữa cái cũ và mới, nhiều giá trị giảm đập lên nhau.

Trước kia, người Hà Nội đa số sống trong những căn nhà nhỏ, bên trong tổ hợp khép kín ấy có khả năng dung chứa nhiều thành viên, kể cả khách trọ, khách vắng lai. Nhiều ngôi nhà tập thể đóng vai trò phức hợp, phòng khách cũng dùng làm phòng ngủ, nhà bếp có khi coi nơi để chăn nuôi gia súc. Bên ngoài khu tập thể, có người tận dụng từng khoảnh đất trống trồng rau - loại rau sạch, an toàn tuyệt đối mà ngày nay hàng ao ước. Rồi Hà Nội chuyển mình, hoạt động kinh doanh đi từ “mặc cảm” đến “tự tôn”, từ đó dẫn tới nhiều lớp người

tiếp tục đổ xô về Hà Nội và nhiều người cởi bỏ lớp vỏ “ngụy trang” để “gửi tình yêu vào đất”.

Nhà ở sinh hoạt ngày càng tăng thêm tiện ích, rộng rãi, bề thế. Đô thị ngày càng phình to, rộng rãi thênh thang. Thiết nghĩ, mọi thứ đâu nhất thiết phải phát triển theo hướng to hơn? Chúng ta vẫn có thể xây dựng cụm đô thị vệ tinh, phát triển vùng phụ cận, còn thủ đô Hà Nội từ lâu đã mang giá trị biểu trưng cho trái tim thân yêu của cả nước.

Hà Nội được mệnh danh là trái tim của cả nước, bởi nơi đây đã hun đúc nhiều giá trị văn hóa mang tính chất đại diện tiêu biểu. Những giá trị lưu truyền qua nhiều thế hệ và đòi hỏi người dân sống tại vùng đất lịch sử này hôm nay phải tiếp tục gìn giữ. Hà Nội trong giai đoạn phát triển không giấu nổi những khiếm khuyết, rạn nứt tự thân, không khéo phải trả giá bằng sự mất mát giá trị biểu trưng thiêng liêng của thủ đô ngàn năm và còn trở lại ý nghĩa một vùng đất thuần túy đang thời dậy thì, mà lẽ ra, đứng ở góc độ văn hóa, nó đã định hình bản sắc khu biệt.

Hà Nội những năm tháng bao cấp vẫn duy trì nếp nhà bình yên. Gia đình trở thành tổ ấm thiêng liêng cho tất cả mọi người trở về sau mỗi ngày dài tất bật với công việc. Sau này, nhà cửa rộng rãi khang trang, nhưng lòng người chật chội hơn. Lối sống thay đổi theo chiều hướng ngoại kéo theo vết nứt bên trong trật tự sinh hoạt và đẩy gia đình từ chốn yên bình thành nơi tránh gió, thậm chí hứng chịu hậu quả những cơn gió độc thổi vào từ xã hội ngã nghiêng. Năm tháng thiếu thốn, khó khăn, người Hà Nội thể hiện sự sung túc về giá trị tinh thần. Bước vào giai đoạn “văn minh vật chất”, nhiều người sẵn sàng quay lưng lại với giá trị nhân bản ngàn đời. Người ta còn du nhập thêm một giá trị thời thượng nhằm chỉ tăng lớp mới nổi trong xã hội đương đại là “đại gia”. Thói khoe mẽ, hợm hĩnh, trướng giả, tinh vi, trịch thượng, đua đòi... thay thế những giá trị truyền thống đang mờ dần theo năm tháng. Sự thiếu hụt về nhân cách đến độ trên kênh VTV1 truyền hình kỹ thuật số mỗi ngày phải phát sóng chương trình “Việc tử tế”. Câu chuyện tử tế bỗng dưng trở thành thứ quý hiếm giữa lòng một xã hội tiện nghi.

Xuất phát bởi lòng tham, người ta đã chôn vùi những giá trị tích lũy từ nhiều đời, qua bao thế hệ. Những làng hoa nên thơ, dệt mộng cho phố phường ven đô mất mấy trăm năm định hình đã bị xóa sổ nhanh chóng vài chục năm qua. Nhiều giá trị tinh thần khác cũng bị thời gian làm cho phôi phai, nhạt nhòa hay hoen ố vì đồng tiền. Chẳng lẽ một thủ đô nhìn lịch sử bằng con mắt nghìn năm lại nhẹ dạ đánh đổi linh hồn, bán rẻ tài sản vô giá của mình? Thứ văn hóa phong bì, chạy chức, chạy quyền, tham lam, hợm hĩnh... lại có thể khởi đi từ một Hà Nội từng là niềm tin, hy vọng của cả nước? Chủ nghĩa hư vô, chủ nghĩa thực dụng... tìm thấy tri kỷ ở tầng lớp trung lưu. Nhóm xã hội này chính là tâm điểm

của xã hội hiện đại, thể hiện thuộc tính hư vô qua tư duy thực dụng. Đứng trước sự tuyệt vọng, họ giã giũa bằng sự tham lam vô độ. Thực tế ấy đã khiến cho nhiều người phải đi tìm một Hà Nội vẹn nguyên giấu mình trong thi ca, âm nhạc... để neo đậu ký ức trên bến bờ giả tưởng của hiện thực.

Trên khúc sông đời trôi nhìn cuộc sống ngổn ngang biết bao thân phận. Mỗi người như người lính gác ngồi gác cửa số phận, chứng kiến, gặp gỡ những con người làm nên số phận đời mình. Có người ở lại dài lâu, có người đi qua chóng vánh. Tất cả quyết định bởi nhân duyên mà cuộc đời ban tặng. Tôi gom những tài sản ấy thành món nợ mang theo suốt cuộc hành trình gần bó với Hà Nội. Người Hà Nội ẩn hiện trong làn sương mong manh của dĩ vãng là những con người thanh lịch, những tiểu thư khuê các, kiều sa... Trên thực tế, không hề có người Hà Nội chung chung như một kết tinh văn hóa kinh kỳ. Việc lý tưởng hóa văn hóa người Hà Nội đi vào tác phẩm thơ ca, âm nhạc hay hội họa có nguy cơ đẩy phần tử vô gia cư, những người lao động chân tay thuần túy, dân xích-lô, ba gác, ve chai, lưu manh, côn đồ... ra khỏi hệ thống. Những công dân ưu tú năm xưa có lẽ là đại diện tiêu biểu cho một tầng lớp thị dân mới theo chiều hướng tập trung thành tâm điểm xã hội thông qua hình mẫu lý tưởng, giống như người quân tử trong xã hội phong kiến. Hình ảnh những tiểu thư khuê các năm xưa vẫn còn vương lại chút hào quang phản chiếu từ quá khứ trong buổi bình minh của xã hội hiện đại. Con người vốn là một hiện hữu với bản chất xê dịch. Sự biến đổi đó tạo nên muôn vàn lớp vỏ bọc bám chặt lấy cơ thể mỗi người. Bóc tách từng lớp ngụy trang, ta bắt gặp một thực thể trung tính, chẳng thiện, ác, tốt xấu... và tất cả đều chờ sự giục giã trở về tấm thân trần trụi, vô tính và tận sâu thẳm là một trái tim đặt lệch vẫn đập thốn thốc. ■





Nguồn: m.doanhnhansaigon.vn

Chim núi bay về cõi

TRỊNH CHU

Múa xoang, bạn quen quá rồi, đúng không? Thì chẳng là đã bao lần bạn được thấy, được nghe trên sân khấu, trên tivi những điệu xoang rộn rịp đó đây đấy thôi! Ấy vậy mà, cái sự nghe, sự nhìn đó chưa hẳn đã là xoang đâu nhé. Ý tôi là một thứ xoang mộc, tùy hứng, tùy nghi, không phải xoang diễn, xoang giả trên sân khấu (các diễn viên chuyên nghiệp đóng giả người Tây Nguyên), cũng không phải xoang trong hội diễn (người Tây Nguyên sắm vai chứ không phải Tây Nguyên trong bản chất sống). Một lần lang thang về Bộ Bê, ngôi làng nhỏ của người K'ho ở xã Gia Bắc, cách trung tâm huyện Di Linh (tỉnh Lâm Đồng) khoảng 30 cây số và cách thành phố Phan Thiết (tỉnh Bình Thuận) tầm 60 cây số, tôi đã được những đứa con của mẹ rừng đãi cái thứ xoang thô mộc ấy.

Trời miền rừng, đêm đổ bóng thật nhanh, tôi vừa thấy những mắt lá đang rờ rờ lay gió, thì đã nghe tiếng con chim núi đột ngột kêu lạnh ngang đầu, tiếng con suối K'rong mãi miết chảy và trùn lên tất cả là tiếng rì rầm vĩnh cửu của mẹ rừng, cái âm ngữ nền của cuộc sống người Tây Nguyên. Giữa bốn bề mịt mù rừng, tôi đọc, và nhận ra, sự ám ảnh của rừng là ghê gớm.

Chả thế mà trong cách sống của người Tây Nguyên nói chung, và người K'ho nói riêng, tự đời nào đời nào cho đến tận giờ luôn xác tín: Rừng là một trạng thái lương thể. Bảo bọc, nuôi dưỡng cũng là rừng. Uy hiếp, đe dọa cũng vẫn là rừng. Rừng trùn lên toàn bộ cuộc sống con người nơi đây. Con người vừa không thể tách rời rừng, vừa cố phân biệt mình với rừng bằng ngọn lửa. Ví thế, trong tín lý K'ho, lửa không phải chỉ để nấu nướng, lửa còn để thực thi quyền năng chia tách con người với tự nhiên; và, lửa sống, thật sự sống, lúc bùng lên, lúc âm ỉ, suốt ngày đêm, năm tháng, vĩnh cửu. Người K'ho cho rằng, cái có giá trị, ấy là cái tạo nên thích thú. Cái không tạo nên thích thú, đối với họ, cần thiết nhưng chỉ là phần phụ. Trong số những cái có giá trị, có việc người K'ho tấu chiêng, uống rượu cần và múa xoang.

Trước hết, nói đến thứ xoang thô mộc, e cũng nên kể đôi chút về xoang nguyên bản. Múa xoang là một loại hình sống của người K'ho trong mùa lễ hội. Thường thì vào đúng vụ canh tác lúa rẫy năm trước đã xong, mẹ lúa đã được rước về kho, cửa kho đã được cài chặt, tiếng sấm đầu mùa còn chưa nghe âm âm vang vọng ở chân trời xa, vụ mùa sau chưa đến, chưa giục... là thời điểm cộng đồng K'ho mở hội. Thời gian chuẩn

bị dài ngắn, lẻ lỏn hay nhỏ hoàn toàn tùy sức của từng gia đình, tức sản lượng thóc của mùa vụ đó. Tất nhiên, dù lẻ to hay nhỏ, ngắn hay dài, thể nào cũng phải có vật hiến sinh (trâu, gà, lợn, dê...), rượu cần, tấu chiêng, múa xoang và cái quan trọng nhất, không thể thiếu, đó là cây nêu. Cây nêu trầm mặc, sừng sững, uy nghi, phủ bóng chứng kiến sự kiện trọng đại của cả cộng đồng.

Sau phần nghi thức và lễ thức, sẽ đến phần hội, rộn rịp, tung bừng. Một chén rượu cần được khệ nệ bung ra. Mười phút sau, một chén khác lại bung ra. Rồi chén thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ... n được mở, âm nhạc công chiêng thúc gọi, nhịp xoang cũng theo đó mà tròn vòng một cách tùy hứng. Tùy hứng của từng cá nhân trong cái tùy hứng chung cộng đồng. Trong khi múa, mọi người tự do bộc lộ cảm xúc bằng những vận động tạo hình cá nhân, những bước chân dài ngắn, những cái co duỗi tay chân, những cái rung lắc cơ thể; thậm chí, cả sự thay đổi đột ngột về tốc độ và cường độ động tác múa, cũng chẳng ảnh hưởng gì đến tiết tấu, nhịp điệu, động hình của vòng xoang. Tự do mà gắn kết. Đồng nhất mà riêng biệt. Cá nhân mà cộng đồng. Có lẽ chỉ ở người Tây Nguyên, với sự mẫn cảm về âm nhạc và nhịp điệu, mới nhuần nhuyễn được đến thế! Múa xoang trở thành tiếng nói đặc biệt của người K'ho trong cuộc giao tiếp thiết yếu với các thế lực siêu nhiên, giao hòa với trời đất, giao đãi trong cộng đồng.

Múa xoang nguyên thủy là vậy! Song ngày nay thứ xoang đó mất hẳn rồi. Thế nhưng, cũng chẳng sao, miễn ta chịu khó lắng nghe, chăm chú nghiêng tai xuống nó với tất cả tâm hồn, sức sống bất tận của văn hóa Tây Nguyên vẫn bật dậy xanh tươi mơn man. Có điều nó đòi hỏi ta phải chịu khó bóc tách nhiều vỉa tầng văn hóa hơn, có vốn Tây Nguyên nhiều hơn và tất nhiên cần thêm đôi chút tâm thức cộng đồng dẫn dắt nữa, thì mới thấm được lẽ hiển minh từ rừng.

Đêm ấy, bên bờ con suối K'rông, một đồng lửa được đốt lên, rượu cần đã mở, những âm thanh công chiêng huyền hoặc, ma mị hồi thúc, rất tiếc lại được phát ra bởi một thiết bị điện tử, và sự sống thật ở người K'ho bắt đầu trở dậy. Tôi thấy những đứa con của mẹ rừng như nhập vào một không gian, một thế giới nào đó khác, rất khác của riêng họ, không gian xoang, không gian của những vũ điệu thoát tục. Thoạt đầu, động tác còn rủ rủ, diu dặt. Sau nữa, động tác càng thốn thức, dồn dập, khẩn khoản. Bất chợt, động tác múa lại nổi bổng lên, rồi đột ngột trầm xuống, lắng xuống, vừa như tuyệt vọng, vừa như an ủi, tự an ủi và thống thiết buồn đến lạnh người. Chỉ là những động tác của tay, chân, cơ thể xù xì, gai góc thể thôi mà âm vang thì rất lạ, như gió thoảng, như tiếng vang đầu đó mơ hồ mà thốn thức của rừng, cũng có khi âm trầm da diết như một tâm sự khó nói ra và dường như có cả đờn đau, đắng nghẹn nữa, lại có lúc bổng xốn xang, rộn rịp tưởng chừng có thể hình dung cảnh một đám sơn nữ chen chân đến

một lễ hội nào đó và biết đâu trong số sơn nữ ấy có người sẽ gặp gỡ duyên nợ đời mình.

Tôi thật sự kinh ngạc vì cái sự tinh tế trong cái vẻ mộc thô của nó. Giản dị, đơn sơ, chẳng chút phần sơn mà sáng lòa, rực rỡ. Đây là xoang. Trầm hùng mà bay bổng, dịu dàng mà gai góc, uyển chuyển mà thô cứng, rạo rực mà đậm sâu. Đây cũng là xoang. Trong đời tôi, đây là lần đầu tiên tôi biết được động tác múa có thể làm ra ánh sáng, rùng rục, như mặt trời, như lửa. Tôi cố gắng để hiểu nguyên cơ ấy là làm sao mà những con người hết sức bình thường, như bất kỳ người K'ho nào ta gặp trên đường, với thân hình đặc trưng của con gái Tây Nguyên rắn khòe là vậy, thô mộc là vậy, nhưng khi múa lại rất đẹp, rất bay và tinh tế vô cùng? Thì ra nguyên nhân chẳng ở đâu xa. Nó nằm ngay trong bản chất sống, trong ý niệm sống của người K'ho. Người K'ho quan niệm, múa có nghĩa thông linh với các thế lực siêu nhiên và là một nhu cầu tự bộc lộ không thể dặt dờn, mà đã là người K'ho thì bất cứ người nào cũng thông hiểu điều này. Tự bản chất, ở Tây Nguyên, không có nghệ thuật chuyên nghiệp, cũng không có những người nghệ sĩ chuyên nghiệp. Người K'ho không làm nghệ thuật mà sống nghệ thuật. Tác phẩm và tác giả hòa lẫn vào nhau. Cá nhân chìm trong cộng đồng và ngược lại cộng đồng thì bảo lưu tính cá nhân. Nghệ thuật, theo người K'ho, chỉ là khoảnh khắc lóe sáng, hết sức tùy hứng, rồi để cho tan biến mãi mãi, không bao giờ còn được thấy lại, nghe lại.

Như bạn thấy đấy, trong thế giới xoang ấy, cái thế giới đặc trưng mà cộng đồng K'ho ở rừng Bộ Bê đã cho phép tôi được bước vào sống cùng, sẽ không bao giờ để lại một điệu vũ hoàn chỉnh. Tất cả là tùy hứng, tùy nghi, tùy thuộc nhu cầu được giải bày tiếng nói ẩn ức bằng ngôn ngữ nghệ thuật tự bản thể sâu thẳm của mỗi cá nhân trong một khoảnh khắc nhất định; và do đó, được sống trong cái thế giới ấy bao giờ cảm giác cũng rất lạ. Bởi không chỉ là niềm hạnh phúc do nghệ thuật đem lại, mà có thể còn một điều gì đó khác nữa, sâu và xa hơn, được sống cùng thứ nghệ thuật độc bản, độc sáng, chỉ được nghe và xem có một lần.

Tôi không rõ cuộc xoang đến lúc nào thì dứt hẳn. Có lẽ rất khuya, khuya lắm thì phải. Ấy là vì khi cái trạng thái chập chờn sống, chập chờn say, chập chờn thức ngủ của tôi bị đánh thức bởi tiếng vỗ cánh của con chim đêm bí ẩn vừa bay vút qua trời, thì mọi người cũng bắt đầu lục tục tỏa về các nhà. Tuy thế, câu chuyện về xoang, câu chuyện về người K'ho sống xoang trong bầu không khí nồng nã men rượu cần, mùi hoang dại bí ẩn, mùi ẩm ướt sương khuya, mùi ngọn lửa âm vọng và cả cái mùi da thịt ngai ngái đặc trưng vẫn chưa thôi ngân nga cùng tiếng rì rầm tưởng chừng như vĩnh cửu của mẹ rừng. Đâu đó tận trong rừng rất sâu, một con chim thiêng cất tiếng và tôi cũng đi vào giấc ngủ với những giấc mơ lành. ■



Tuic thoraé

của cư dân miền Tây Nam Bộ

Bài & ảnh: THẠCH BA XUYÊN

1 Nhận thức về động vật hoang dã của người bình dân miền Tây Nam Bộ có hai mặt mâu thuẫn nhưng lại song hành với nhau. Một mặt, họ tìm cách chinh phục, tiêu diệt thú dữ; mặt khác, họ lại kính trọng và tôn thờ. Ở lĩnh vực thứ hai lại chia thành những biểu hiện nhỏ khác nhau. Tôn thờ loài vật có nghĩa, có công cứu giúp con người; tôn thờ vì quá sợ chúng, thờ để cầu mong chúng không quấy phá; và tôn thờ những người có công đánh diệt chúng.

Đọc lại những câu chuyện kể của người bình dân nơi đây, một dạng văn học dân gian, chúng ta không quá khó để tìm được phong tục thờ cúng hai loài vật gây hại không nhỏ cho con người: rắn và cá sấu.

2 Ngôi đình Rắn ở Bến Tre được xây dựng cách nay hơn 150 năm, từ thuở mới khai đất rừng hoang. Vào thời điểm hoang sơ đó, dân làng thường bắt gặp một cặp rắn to bằng khạp da bò, dài bằng mấy chiếc ghe lườn; lúc ẩn, lúc hiện. Người ta xem cặp rắn ấy là “thần hoàng bốn cảnh” và chỉ dám gọi bằng đại từ “ông”. Mỗi khi “ông” về, lối đi rạp lúa thành một đường dài có bề ngang hơn một sải tay người lớn.

Tuy to lớn như thế nhưng “ông” chưa bao giờ hại người, chỉ ăn thịt những con ác thú như hùm, beo. Người ta cho rằng, “ông” giết những loài thú dữ để hộ độ dân lành. Lời đồn rằng có người đi làm đồng khuya ngang khu vực gặp “thần rắn” trú ngụ, bắt thần gặp một con

beo đứng chắn đường. Biết không thể chạy thoát, người đó chỉ còn biết nhắm mắt cầu khẩn “ông” độ mạng rồi chờ chết. Bỗng một cơn gió lốc thổi ào lên. Người đó mở mắt. Hóa ra cơn gió lốc ấy là do “ông” xuất hiện. Trong chớp mắt, “ông” ngoạm lấy con beo rồi biến mất. Người ấy sụp lạy vào hư không để tạ ơn “ông” cứu mạng.

Vì không chỉ có một người được “ông” cứu nạn bất thần như thế, nên những người được “ông” độ mạng đã hùn tiền của cất ngôi đình thờ trên gò đất cao để tạ ơn. Kể từ khi có ngôi đình, không hiểu từ đâu, rắn ông, rắn bà, rắn cháu, rắn chắt lũ lượt kéo về trú dưới nền đình thành ổ. Nhiều lần người ta bắt gặp hàng trăm “ông” rắn quấn nhau thành cục to bằng cái thúng lủng lẳng trên xà mái đình.

Điều lạ là các “ông” rắn không bao giờ tấn công người ngay, ở hiền... mà chỉ trừng trị những kẻ gian. Tin vào điều đó, khi có chuyện tranh chấp hay thua kiện, người ta không gửi đơn kiện đến quan tòa của người Pháp lúc bấy giờ, mà kéo nhau ra đình Rắn thể. Người gian tà thế nào cũng bị rắn cắn. Nhờ đó, dân trong làng luôn sống ngay thẳng.

Đến các ngôi chùa Khmer, chúng ta bắt gặp nhiều tượng điêu khắc rắn Nagaraja. Rắn ngự trên các mái chùa, các đầu đao để xua đuổi tà ma và bảo vệ đạo Phật. Ngoài ra cũng có hình tượng rắn Nagaraja được chạm trổ bằng xà cừ uốn lượn quấn quanh những cánh cửa chùa, cột cờ, hay trên những chiếc tủ đựng kinh

sách, trên những chiếc xe tang đưa người chết đến nơi hỏa thiêu tượng trưng cho vị thần đưa linh hồn người tốt lên cõi Niết-bàn. Hình tượng rắn được thể hiện gần giống như rắn hổ đất với cái “bàn nọ” phình ra rất to. Có nơi điều khắc rắn chín đầu, bảy đầu hoặc năm đầu. Theo các nhà sư Khmer giải thích thì rắn thần Nagaraja có nguồn gốc từ truyền thuyết của đạo Bà-la-môn.

Naga trong tiếng Phạn có nghĩa là rắn lớn, nhằm chỉ con rắn hổ mang, loài rắn mà nọc độc của nó có thể giết chết một con voi trưởng thành. Loài rắn hổ mang còn tượng trưng cho thần Civa (đấng phá hoại) vì chúng bao hàm cả hai ý nghĩa hủy diệt và tái sinh. Thần Nagaraja cốt là rắn bảy đầu hoặc chín đầu, tương truyền là tổ tiên của vua Campuchia. Người Khmer Tây Nam Bộ còn gọi đó là Nék Crit (vua rồng - Long vương). Truyền thuyết Khmer kể rằng có một người Bà-la-môn tên là Kaudinya, đi thuyền từ Ấn Độ hay Indonesia đến vùng đất của người Khmer, chiến thắng một nữ vương hay một nàng công chúa có tên là Soma hoặc Nagini con của vua rắn Naga, rồi lấy người phụ nữ này làm vợ và sinh ra dòng dõi các vị vua Khmer.

Người Khmer tin rằng chính Kaudinya đã truyền cho họ những bí quyết về nghề trồng lúa và công việc thủy lợi. Còn các vị vua Khmer sau này thì được tin là đã giao phối với một Nagini xinh đẹp để duy trì dòng dõi hoàng gia. Trong tác phẩm *Chân Lạp phong thổ ký*, tác giả Châu Đạt Quan viết rằng: *Hàng đêm quốc vương đều có đến ngủ với một nàng tiên rắn...* Trong mỗi triều đại, các vị vua Khmer đều cho xây dựng các cung điện và các đền thờ khổng lồ bằng đá, mà rắn Naga được xem là vị thần canh giữ nơi thiêng liêng đó, vì vậy chúng luôn xuất hiện trên cầu thang, trên các lối đi, trên ngưỡng cửa hoặc trên các mái tháp để xua đuổi tà ma.

Trong Bà-la-môn giáo, rắn Naga không những là vị thần Mưa mà còn là vị thần dẫn dắt tín đồ ngoan đạo lên cõi Niết-bàn.

Còn theo Phật thoại, cuộc đời của Đức Phật từ khi ngài mới Đản sinh cho đến khi nhập cõi Niết-bàn đều có liên quan ít nhiều đến rắn Naga. Câu chuyện đầu tiên khi hoàng hậu Maya hạ sinh ngài tại vườn Lâm-tì-ni, Thái tử Tất-đạt-đa được một vua rắn Naga chín đầu phun nước tắm, tích này được người Trung Hoa mô tả bằng đề tài điêu khắc tượng Cửu long, với hình tượng chín con rồng bao quanh Đức Phật sơ sinh.

Một câu chuyện khác lại kể rằng rắn Naga chính là vị thần Hộ pháp canh giữ viên ngọc của mọi điều ước, viên ngọc ấy cũng tượng trưng cho Tam bảo của nhà Phật (Phật, Pháp, và Tăng). Trong tập kinh *Bốn Sanh* (Jataka) cũng có những câu chuyện kể về tiền kiếp của Đức Phật Cổ-đàm trong kiếp hóa thân của một con rắn Naga.

Câu chuyện nổi tiếng nhất có ảnh hưởng sâu đậm trong văn hóa Khmer là chuyện Đức Phật tọa thiền trên mình rắn Naga. Tích này kể rằng: Bảy ngày tu đầu tiên của Đức Phật, khi Ngài đang đang tọa thiền dưới

cội bồ-đề thì một cơn mưa trái mùa như trút nước dội xuống thân thể Ngài, đúng lúc đó một vị vua rắn Naga liền bò ra khỏi nơi trú ẩn của mình, cuộn mình thành bảy vòng tròn, nâng Đức Phật lên khỏi dòng nước đang chảy xiết và dùng bảy chiếc đầu của mình làm thành một chiếc tán che chở cho Đức Phật. Con rắn vốn là loài ác thú bởi nó có nọc độc nhưng đã phục tâm hướng thiện, theo hầu Phật tổ. Chính đức độ cao quý của Phật đã cảm hóa được nó.

Với người dân miền Tây Nam Bộ, cùng với hổ, cá sấu... thì rắn cũng là đối tượng phải dè chừng, đối phó và chinh phục. Có lẽ vì thế mà ngày nay vẫn lưu truyền nhiều câu chuyện, giai thoại về rắn. Người ta sợ rắn, muốn cầu thân với rắn; và do thế, thờ rắn. Tại xã Định Thủy, huyện Mỏ Cà, Bến Tre có một ngôi đình rắn, tại đây vẫn lưu truyền về đôi rắn thần khổng lồ, hiền lành.

Ở Bãi Xàu, Sóc Trăng, có câu chuyện dân gian kể nhằm lý giải cách gọi địa danh này. Chuyện do Vương Hồng Sển thuật lại trên báo *Chợ Lọc*, số 7, phát hành tại Sài Gòn, năm 1965 như sau: Vào đời xưa, tại vùng đất này người thưa, rừng nhiều, gần bên miếu nhỏ thờ ông Ba Thắc (thần Pra Sak của người Khmer) có một cái hang lớn là nơi ở của cặp rắn hổ mình lớn như cột nhà, đầu có mồng đỏ chót. Một buổi chiều nọ có anh dân quê vào rừng mót củi, không dè gặp được ổ trứng rắn, anh cởi áo bọc trứng đem về. Anh nổi lửa lấy chảo lớn nấu cơm rồi bỏ vô luộc chờ bạn bè trong xóm tới thưởng thức món đặc biệt. Chập sau cặp xà tinh hay mất trứng đánh hơi theo tìm. Hai con rắn bò nhanh hơn ngựa chạy, cây cối ùng ùng ngã rạp, thiên hôn địa ám. Cả xóm hỗn kinh, mạnh ai nấy chạy, đến khi trời êm gió lặng mới dám quay về. Cảnh tượng kinh khiếp, trời đất tối hù, củi lửa tắt queo tự lúc nào và không tìm đâu ra một trứng rắn nào. Chảo cơm sống nhăn nhưng mọi người vẫn cố nuốt cho qua bữa để phòng xà tinh quay lại. Đánh dấu nạn dữ đã qua, dân gian gọi vùng ấy là Srock Bai xau (xứ cơm chưa chín). Người kể chuyện này còn nêu một dẫn chứng thực tế: kể bên tòa cổ miếu có gốc cổ thụ tàng che tối đất, phía dưới là hang của rắn thần!

3 Tóm lại, dấu ấn lịch sử được ghi nhận từ khi những người xa xứ đến đây khẩn hoang lập ấp. Và dấu ấn của họ để lại là quá trình chinh phục thiên nhiên trong đó có thú dữ như cọp, sấu, trâu, heo rừng đặc biệt là rắn.

Sức mạnh là điều tiên quyết để con người tồn tại. Đối với người đi mở cõi, sức mạnh càng phải nâng lên gấp bội phần. Có sức mạnh và lòng dũng cảm mới có thể khai khẩn rừng thiêng, nước độc. Muốn được như vậy, ngoài việc tìm mọi cách chinh phục, vây bắt tiêu diệt rắn, người ta còn phải nương nhờ vào yếu tố tâm linh. Chuyện thờ rắn nằm trong mạch chảy tự nhiên đó. Dân gian miền Tây nhận thức đơn giản mà hết sức thực tế. Hành động, suy nghĩ của họ đơn giản mà hết sức ý nghĩa, sâu sắc. ■



Tre xanh trên núi xanh

CAO HUY HÓA

Tre là cây thường thấy ở nước ta, nhất là vùng nông thôn và vùng ven sông. Đâu đâu tre cũng tồn tại và phát triển vì tre dễ tính với khí hậu và vùng đất khác nhau. Từ nhỏ tôi cứ nghĩ khi mình sinh ra là tre đã có sẵn từ ngàn đời bên mình một cách tự nhiên, và tôi chưa nghe ai đem tre từ nhiều nơi lên núi trồng, không phải chỉ trồng chơi vài bụi, không phải chỉ một loại tre, không phải để giữ đất, chống xói lở, không phải để kinh doanh...; mãi cho đến gần đây, tôi mới biết có người làm như thế.

Đó là một vị xuất gia, thầy Thế Tường. Cây tre vốn gắn bó với con người trong xã hội nông nghiệp, sản phẩm từ tre, từ tấm xía răng, đôi đũa cho đến thúng mùng, cột kèo, đòn tay... đâu đâu cũng có, thế nhưng ngày nay, thời đại công nghiệp hóa, đô thị hóa, con người đã lạnh nhạt với cây tre, đã thay tre bằng những sản phẩm tiện lợi, màu mè, cứng cáp, khiến tre ít đi và có nguy cơ một số loài tre bị mai một, cho dầu con người đã biết dùng tre cho những sản phẩm mỹ thuật. Ý thức tình trạng đó, thầy Thế Tường đã thu thập từ trong Nam ra ngoài Bắc,

từ miền xuôi lên miền ngược, đem về trồng trên mảnh đất mà thầy tạo dựng, nguyên là khu rừng nhỏ trên núi Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, do một Phật tử cúng dường, như là một bảo tàng sống về tre, như tô thắm tình tự dân tộc, lấy tên **Sơn Trà Tịnh Viên**.

Đạo sau này, vườn tre của thầy Thế Tường được nhiều người viếng thăm, kể cả được đài truyền hình làm phóng sự và phát sóng trên toàn quốc. Các báo in và báo mạng cũng góp phần làm cho nơi này được chú ý, và mọi dư luận đều tán thán công đức của thầy, từ việc trụ lại nơi non xanh vắng vẻ, thiếu tiện nghi tối thiểu của đời sống đến việc một mình thầy tạo dựng một vườn tre phong phú về chủng loại như thế¹.

Tôi vốn quen thuộc thành phố Đà Nẵng, đã đi thăm những thắng cảnh nổi tiếng của thành phố biển này. Lần vào Đà Nẵng mới đây, tôi muốn thăm một nơi lạ lạ, liền nghĩ đến Sơn Trà Tịnh Viên. Ước muốn này tăng thêm, khi tôi ở trên tầng cao của một khách sạn trung tâm thành phố, nhìn ra bao quát: Đà Nẵng cũ, phía bên này sông Hàn, đất chật người đông, nhà cửa, phố xá cao

thấp lỏn nhón sát rạt, hiếm thấy mảng xanh,... chỉ trừ biển lồng lộng và bán đảo Sơn Trà xanh thắm ven biển. Biển và núi mời gọi, tre xanh là điểm đến, một sự chọn lựa dễ dàng cho chuyến đi không xa, trong nắng hanh vàng cuối thu.

Nếu không biết đến tre trúc của thầy Thế Tường thì xe cứ ngon trốn chạy vòng quanh núi để lên đỉnh hoặc lên lưng chừng núi để viếng chùa Linh Ứng với tôn tượng Quán Thế Âm cao vời vợi ở Bãi Bụt, nơi danh lam thắng cảnh này là vô cùng kỳ thú; nhưng thôi, xe tìm đường lên núi theo hướng khác, vắng vẻ hơn. Lạ cảnh, chúng tôi hỏi dân vùng đó, không ai biết thầy và Sơn Trà Tịnh Viên, nhưng cuối cùng chúng tôi cũng tìm ra đường, nhờ... Google! Xe lên núi một quãng không xa, đường tuy nhỏ nhưng tráng nhựa, không có nhà dân, chỉ có cơ sở của hải quân, chợt xuất hiện mấy xe gắn máy dừng trước cổng tre đơn sơ, có treo bảng gỗ nhỏ: "Vườn bảo tồn tre trúc Việt - Sơn Trà Tịnh Viên", đúng là "giang sơn" của thầy.

Sơn Trà Tịnh Viên không rộng, nằm tựa vào thế núi, do bàn tay thầy tạo dựng, như một hậu liêu và mảnh vườn cón con của núi. Tre mọc khiêm tốn bên cây cao, bên những tảng đá lớn, trong không gian trầm lắng với suối chảy qua đá rầm rì, triển miên. Tre như thế thì thầy cũng như thế: thầy ẩn cư, xung quanh thầy chẳng có gì cả, ngoài những phương tiện tối thiểu của đời sống, bàn tiếp khách nhỏ bé với vài cái ghế, mà nếu khách quá bốn người thì xin tự tiện tản bót ra bên ngoài.

Thế nhưng thầy giàu lắm, với của cải để lại cho đời. Đó là 108 loài tre, từ khắp nơi trên đất nước ta, từ loài nhỏ nhắn, thanh nhã như các bụi trúc, cây hóp cho đến các loài tre luống cao lớn. Đặc biệt, thầy đã thỉnh được khóm trúc nhỏ xinh từ đất Phật Dharamsala² do Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 tặng, được trồng ngay trước chùa.

Thầy còn giàu hơn vì đá, toàn là đá tảng. Chỉ một diện tích không lớn tương đối bằng phẳng (chắc là lấy đất từ đào hồ) để trồng tre và làm vườn chùa, còn thì xung quanh là cây cao và đá tảng, đá quanh vườn, đá bên suối, đá trên núi, đá chen cây, đá dựng vai người. Đá trầm mặc, muôn đời như thế, không gọt đẽo, không thư pháp. Thầy duy trì về tự nhiên được chừng nào hay chừng ấy khi đào hồ trồng sen, súng và nuôi cá, khi làm đường ven quanh chu vi rừng tre, và tổng thể kiến tạo của thầy không phá vỡ vẻ đẹp trầm hùng của núi, mà trái lại như nét chấm phá dịu dàng, và khách thường ngoạn thấy lòng mình lắng dịu, thanh thản dưới bóng tre, dưới bóng chùa. Trong không gian xanh bao la ấy, một ngôi chùa quá sức đơn sơ làm bạn với tre trúc là vô cùng thích hợp. Tôi đắm mình trong cảnh đơn sơ ấy, thanh thoát và an lạc, nhất là khi được thỉnh chuông và lạy Đức Bổn Sư. Đặc biệt, gian hậu tổ thờ Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông, và tượng được thầy thiết kế và đúc đồng tại Huế, với tâm nguyện theo hạnh Đầu đà của Sơ Tổ thiên phái Trúc Lâm Yên Tử, sống "Cư trần lạc đạo".

Người tham quan và Phật tử dẫu có thích cảnh thanh tịnh nơi núi non, nhưng mấy ai sống độc cư được như thầy? Thấy làm thủy điện nhỏ, đủ cho nhu cầu ánh sáng ban đêm, nhờ khe suối và dòng nước. Không có nước từ nhà máy thì thầy uống nước suối thiên nhiên từ núi.

Thế mà thầy vẫn mời chúng tôi dùng bữa trưa. Tôi cười vui, "làm sao thầy đãi khách?". Thầy nhẹ nhàng trả lời: "Có người lo!". Thì ra, hơn ai hết, thanh niên gắn gũi với thầy, có người đang học, có người làm công nhân viên nhà nước. Còn nữa, những chúng sinh đang ở bên cạnh, thân thiết với thầy. Trước hết là đàn bồ câu, có chuồng ở giữa hồ, nhưng chúng quanh quẩn khắp nơi, trên cao, dưới đất, trên cây. Tiếp đến là chó; mấy cô chú này hiền khô, hầu như quên chuyện sủa, khiến khách an tâm. Cảnh quê thì không thiếu mấy con gà tự do tung tăng. Và lạ nhất là con vịt mập ú núc ních đi lại, con ba ba nằm phơi mình trên khúc gỗ giữa hồ. Còn cá, cơ man là cá nuôi trong hồ. Tất cả đều được thầy cấp dưỡng, bình đẳng với người, mỗi ngày một bữa ngộ, dĩ nhiên là chay. Còn chim trời, đây là nơi bình yên chim hót!

Ban đầu, thầy không chủ trương nuôi, nhưng Phật tử đến chùa phóng sinh, thầy cứ nhận. Lâu nay, tôi cứ nghĩ Phật tử chỉ mua cá, chim để phóng sinh - cá thì về sông hồ, chim thì cho bay lên không trung - không ngờ chùa ở đây là nơi phóng sinh những bồ câu, cá, chó, gà, vịt, ba ba... trong hoàn cảnh phần lớn những con vật này bị nạn mà Phật tử không nuôi, muốn gửi đến chùa. Thầy thổ lộ, trước đây thầy thường vắng chùa, đi đây đi đó, chuyện Phật sự, chuyện tre, thì mấy con vật không trụ lâu và biến mất, nhưng kể từ hai năm nay, thầy đã dừng lại và chuyên tâm tu hành, thì các chúng sinh lưu luyến giang sơn này, cùng sống với thầy. Tôi cũng rất đồng cảm với những chúng sinh đó, và tôi nghĩ rằng, chuyện tre trúc vẫn còn được thầy đeo đuổi, tuy nhiên, được như thế này là quý lắm, mà sưu tầm càng về sau càng khó, càng ít, hay chẳng là tùy duyên. Trước sau, thầy vẫn là vị Tỳ-kheo tiếp tục con đường giải thoát của Đức Phật và cứu độ giúp đời.

Trên đường về, người lái xe trầm trồ: "*Ui chu choa! Chỗ ni mà đầu tư làm cà-phê vườn thì thích quá, khách xa mấy cũng đến!*".

Trước đó, tôi đã đùa với thầy: "*Chùa thầy lẻ loi, xung quanh vắng vẻ như vậy, mà có đường nhựa đi qua, lại có tên đường làng hoàng. Thầy có biết tên đường?*".

Thầy cười vui: "*Ừ, khi mô? Tui có biết chi mô?*". ■

Chú thích:

1. Độc giả có thể xem bài: "*Đại đức Thích Thế Tường và Tịnh Viên tại Khu bảo tồn bán đảo Sơn Trà*" trên website của Ban Thông tin-Truyền thông Giáo hội Phật giáo Việt Nam, để biết đầy đủ hơn về công trình Sơn Trà Tịnh Viên của thầy Thế Tường.

2. Dharamsala được xem như là một trong những trung tâm Phật học cổ xưa nhất trên thế giới và hiện nay là nơi định cư của Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14, nằm trong thung lũng Kangra, thuộc bang Himachal Pradesh, miền Bắc Ấn Độ.

Chào xuân mới

HOA PHẠM

Mây trắng, trời xanh gió nhẹ đưa
 Bông cau, hoa bưởi, quyện hương dứa
 Bướm lượn vườn hồng khoe sắc thắm
 Hoa cười chim hót luyện tình xưa.

Xuân đến với ta với mọi người
 Dem gì về đó hồi xuân ơi!
 Mà trong cuộc sống đang náo nức
 Xao xuyên tìm ta rạo rục đời.

Nước biếc Biển Đông sóng đầy đưa
 Bính Thân xuân đến đón giao thừa
 Việt Nam hương sắc chào xuân mới
 Con cháu Lạc Hồng tiếp bước xưa.

Đất nước vào xuân khắp đó đây
 Rộng đường lớn chợ đẹp xuân này
 Toàn dân đoàn kết chung tay giữ...
 Cả nước thành công tuyệt mỹ thay!

Về chùa đầu năm

KIM HOA

Đã nghe có tiếng chuông chùa
 Vọng đưa theo tiếng giao thừa thênh thang
 Đón mừng năm mới vừa sang
 Lại thêm một tuổi nhận mang vào đời.

Tôi đi giữa đám đông người
 Gửi tâm thanh tịnh về nơi cửa thiền
 Đón cầu sơ buổi minh niên
 Nghe lời pháp nữ thâm uyên vào lòng.

Tháng năm đi giữa bụi hồng
 Gia duyên bận buộc đã không được gì
 Trôi lán trong cuộc mê si
 Chừng quên mất cả lối về Chân Như.

Mang đầy thói xấu tật hư
 Tôi đi tìm lại dấu Từ bi tâm
 Về chùa đánh lễ đầu năm
 Bỏ quên bao nỗi thăng trầm sau lưng.

Nhớ Tú Xương

PHẠM ANH

Rớt hoài không thể làm quan
 Thương em lận lợi cơ hàn bên sông
 Yêu thương nên vợ nên chồng
 Nghèo hèn thê thảm đau lòng sớm trưa

Cuộc đời dầu dãi nắng mưa
 Văn chương thơ phú từ xưa khổ rồi
 Tám lần thi rớt ứ hơi
 Thôi đành lỡ vận tả tơi phận mình

Mới hay trong cõi nhân sinh
 Con người đáng sợ trọng khinh sang hèn
 Không dung kệt giữa bon chen
 Biết làm sao giữa bạc đen thói đời.

Trên cánh đồng mùa xuân

TỊNH BÌNH

Bâng khuâng tìm ngày xưa
 Cánh đồng thời trẻ dại
 Khói hoàng hôn xa ngái
 Lẩn khuất mùi rạ rom...
 Miên man miền ký ức
 Vọng chuỗi cười ngây thơ
 Cánh chuồn bay đuổi nắng
 Đồng xa vệt khói mờ...
 Một thời không trở lại
 Hồn nhiên tuổi thơ ơi
 Giọt mưa chiều mê mải
 Cánh diều xa phương trời...
 Nhật ngày xưa... xa lắc
 Trên cánh đồng mùa xuân
 Bước chân ai ngập ngừng
 Rợp trời chim én liệng...

Trà xuân

TRÀ KIM LONG

Không nghe trời đất chuyển
Mùa cũng lật sang trang
Khoe sắc nụ mai vàng
Cánh xòe đang rực nở.

Tiếng chim đầy trước ngõ
Hót vui hơn mọi ngày
Chập chồn con bướm bay
Chợt nhiên màu sắc sỡ.

Cửa mùa xuân lại mở
Theo nắng mới đầu ngày
Hình như sáng hôm nay
Đời cho thêm một tuổi.

Ly trà pha nóng hổi
Rót thêm nụ xuân vào
Mặt nhìn mặt tay trao
Uống như thời xưa trẻ.

Chiều cuối năm

TRƯỜNG KHÁNH

Chiều cuối năm se lạnh,
Gió đông ru từng hồi,
Hơi đông về đặc quánh,
Mưa buồn vội vội trôi.

Mẹ ngồi thân gầy mỏng,
Phơ phất tóc trắng mây,
Cuối cửa đông gió lộng,
Mắt mẹ lệ vơi đầy.

Lắt lây ngày đông đến,
Nhớ thương đàn con xa,
Đò xưa chừ vắng bến!!
Tàu chiều có về ga?!

Thoảng nhạt nhòa rét buốt,
Mơ phút giây bình yên,
Tàu hụ còi thảng thốt,
Thả khói trôi mọi miền.

Mơ bình yên phút cuối,
Gọi tên người đi xa,
Ngày cuối năm khỏi đợi,
Đã bao năm vắng nhà.

Nét mặt mà phai nhạt,
Chiều cuối năm lại về,
Mỏi gót giày phiêu bạt,
Hồn đông đầy tình quê.

Biển mã laøhoà mãt em

LÝ THỊ MINH CHÂU

Cuối đông ngày ngắn lại; những chuyến tàu ra khơi càng vội vã; mây vẫn vũ lao xao nhưng biển vẫn vắng người lạ chắc lo âu bởi đoạn đường từ đất liền ra đảo cũng khá dài và mưa gió bất chợt cũng khó xoay sở khi mà trên tàu toàn đàn bà, con gái. Điều đó thì có là gì với cư dân vùng này, chuyện bé như hạt cải nên chẳng ai quan tâm, sống chết có số nên họ vẫn thoải thích cười đùa. Họ là biển, cư dân của biển. Cùng ngồi với họ trên chuyến tàu gỗ già cỗi này là cô gái tuổi chừng mười tám, đôi mươi nhưng khá chững chạc, mắt nhìn về phía chân mây như hoài niệm một điều gì. Phải chăng đây là chuyến trở về của cô.

Cô ấy là Lạ, cái tên nghe cũng lạ. Lạ thôi học từ năm lớp chín, lớp mười một phần do hoàn cảnh, phần nữa do đảo nơi cô sinh sống không có lớp lớn hơn. Cứ đời ba ngày là Lạ vào đất liền một lần. Không phải là người đi buôn nhưng không khác mấy người đi buôn bởi những sản vật mà Lạ mang theo cũng là khô nục, khô đuối... hành, tỏi và các thứ linh tinh khác do bà con chòm xóm nơi cô ở đánh bắt hay trồng tía được. Khác chăng là Lạ bán được bao nhiêu tiền thì về đưa hết cho bà con bấy nhiêu rồi nhận lại ít tiền công sau khi đã trừ các khoản chi phí như tàu xe, bốc dỡ. Nhiều khi bà con kẹt tiền quá Lạ cũng vui vẻ cho nợ. Nợ không nhiều nên dễ quên và người ta hình như quên thiệt nên cô cũng giả bộ quên luôn cho cùng được lòng. Lạ là thế. Tuy chưa đến nổi bản cùng sinh đạo tặc nhưng cái nghèo luôn làm cho người ta bần bách nên cách ứng xử cũng vì thế mà khó chu toàn nếu ai hiểu thì sẽ thương hơn là trách. Rồi khi mưa thuận gió hoà, sóng yên biển lặng thì tôm cá được mùa, tỏi hành được vụ, tiền bạc rủng rỉnh thì người ta lại tìm đến Lạ trả lại cho cô gấp đôi ba lần tiền nợ khi trước kèm theo lời cảm ơn rồi rít nhưng thật chân thành.

- Khổ quá con ơi, nợ con sao đi hồng nhớ nhưng chịu... cái khó nó bó cái khôn mà.

Tiếng lành đồn xa. Giờ thì cả đảo đều tập trung hàng hóa vào một tay Lạ. Chẳng có con buôn nào ở đất liền ra mà tranh giành mua bán được với cô bởi chẳng ai dại mà đi làm công không bao giờ. Bỗng dưng cô trở thành một nhà buôn cừ khôi.

Mùa mưa đã qua, xương rỗng, dứa dại cũng khai hoa nở nhụy. Trên khắp các triền đồi sắc xuân lộ lộ mần khai. Ít ai ngờ rằng giữa nơi tưởng chừng hoang mạc này lại có những bông hoa đẹp và thơm ngát ngây đến thế. Búp hoa to như búp chuối, cánh hoa màu trắng sáng, giữa là chùm nhụy cũng màu trắng sáng nhưng hơi xốp, mịn màng như bông gòn khác hẳn với lá tua tua gai nhọn của nó. Hương hoa thật dịu, nồng nàn nhưng không gắt. Đó là hương của cát sỏi, của nắng gió, của biển hòa quyện mà thành. Nó làm cho ai đó lần đầu tiếp xúc phải mê, phải nhớ và nhớ hoài.

Lạ chọn một khoảnh cát sỏi khá bằng phẳng giữa những cây dứa dại sát biển làm nhà kho để giao dịch cho



thuận tiện và được mát quanh năm. Thân dừa dại khá cao được cô tận dụng làm cột, mái là tầng bạt nên cũng tránh được nắng mưa còn chung quanh là bốn bề sương gió thỏa thích đi về. Nói là kho chứ có gì để cất giữ đâu bởi như lệ thường thì hàng hoá luôn được dân đảo gánh gồng đến đây trước khi tàu hàng vào bốc dỡ. Chẳng phải cân đong đo đếm gì cả bởi chuyện ấy nhà nào nhà nấy tự làm. Tên họ, số căn ghi nguệch ngoạc trên bao bì cũng xong. Ai không có bút, có chì thì đọc cho Lạ ghi giúp.

Học đời riết cũng thành khôn, Lạ giờ không phải chạy lui chạy tới như xưa nữa, mọi giao dịch đều do cái điện thoại mỏng dính toan tính và Trung là phụ tàu nhưng lại thật thà và rất giỏi giang luôn giúp cô. Khi cô có việc phải đi xa, phải vắng mặt hàng tuần thì công việc ở đảo, ở chợ vẫn tiến triển bình thường, tiền bạc vẫn vào túi người bán tuy có chậm đôi ngày nhưng không vì thế mà mất lòng nhau. Rồi thời gian thì lòng cả tin của chòm xóm không còn bởi người ta không thường xuyên gặp Lạ còn tiền bạc thì chấp vá, nợ nần cù cưa. Người ta buộc lòng phải bán cho kẻ khác tuy giá cả có thấp hơn chút đỉnh nhưng cháo mức tiền trao, chả phải lo nghĩ điều gì.

Sau vài ngày theo dõi, tìm hiểu, Trung biết Lạ đã làm theo lời bày vẽ kẻ xấu để rồi ân hận khôn nguôi. Có gì mà khó khăn đâu chứ, lấy vốn của người này cho người kia vay, chiếm dụng chỉ đôi ngày thôi thì đâu có gì. Người này một ít, người kia một ít nhưng nhiều người gộp lại thì số tiền sẽ lớn, lãi sẽ nhiều, giàu mấy chốc. Nghe thì dễ thật nhưng đâu phải lúc nào cũng thuận buồm xuôi gió, vay trả đúng kỳ. Chỉ cần một ai đó không có khả năng chi trả thì xong.

- Sao lâu không về nhà. - Trung hỏi Lạ khi gặp.
- Mẹ và các em vẫn khoẻ mà.
- Ăn chục nằm chờ ở đây có được gì đâu chứ?
- Em có chờ ai đâu?
- Chờ lấy nợ chứ sao không, chúng đã cao chạy xa bay cả rồi.
- Sao anh biết? - Lạ nhìn sâu vào mắt anh.
- Chẳng những biết mà còn biết ai làm cho em tỏ tả thế này.
- Nói cho em nghe đi. - Lạ nài nỉ.
- Thì về đi rồi anh nói, em ở li đây chỉ tổ tốn tiền trợ, tiền cơm mà chẳng được gì.

Không dễ để Lạ nghe theo khi chỉ nói ba điều bốn chuyện như thế nhưng Trung thật lòng còn cô thì giờ chẳng biết bám víu vào đâu. Đêm trên bến cảng thật đẹp, trăng sáng hết lòng và gần gũi đến lạ. Họ nấu cơm trên thuyền và ăn với nhau. Trung kể cho Lạ nghe là có lần anh tình cờ nghe được mấy bà buôn nợ do không cạnh tranh được với cô nên bày ra chuyện này. Hy vọng sẽ đánh động được lòng tham của cô.

- Thì ra là lũ lưu manh. - Lạ bực tức.
- Được gì cơ chứ. Em nói thật xem, tổng nợ của em giờ là bao nhiêu?

- Khoảng sáu bảy chục gì đó.

- Trời ơi... làm sao mà trả.

- Cửa chòm xóm khoảng mười mấy triệu còn lại là của em ki bo, tần tiện bao nhiêu năm trời. Nếu có để trả thì em đã về nhà chứ ở đây làm chi.

Đêm dần khuya tiếng biển như bốt ồn ào, tiếng nói cười của đám vạ chài cũng đã chìm vào sương khói, giấc ngủ rập rình. Trung nhường phòng máy lại cho Lạ, anh chui xuống hầm tàu tối om. Suy nghĩ mông lung rồi cũng thành chín chắn, anh lên boong tàu ngồi nhìn vu vơ. Biển không lạnh nhưng lòng anh lạnh, gần ba mươi tuổi đầu cuộc mưu sinh làm thuê, nước sông gạo chợ nhưng biển thương nên còn lành lặn để góp sức chung vai cùng với cuộc đời. Trung không có cha mẹ từ bé nên cũng chẳng có nơi để đi về. Cuộc đời anh quả như con thuyền lênh đênh. Yêu thương chưa đến nhưng nếu có thì cũng chỉ là những câu gheo thuộc loại nước đổ đầu vịt mát thì có mát nhưng xót tận lòng. Số tiền anh dành dụm được tuy không nhiều nhưng có thể giúp Lạ vượt được khó khăn và làm lại từ đầu nhưng người ta chưa hỏi, chưa vay mà mình đã xoắn ruột ra ào ào thì thật hớ hênh. Ngả lưng ra sàn tàu để xem giấc ngủ có đến với mình không thì bất ngờ anh chạm vào vật gì đó êm êm nhưng lạnh lạnh. Thì ra là Lạ, cô đến sau lưng anh tự khi nào khi nào.

- Không ngủ được sao, phòng máy ấm mà.

- Em ngủ một giấc rồi, giờ không ngủ nữa.

- Thì ra thế.

- Anh chưa đi ngủ sao?

- Không ngủ được.

- Nhớ ai à?

- Có ai đâu mà nhớ hả em, thấp hèn như anh mà có người yêu thì động đất là cái chắc.

- Anh nói thế. - Lạ nguýt yêu.

- Mai em có về không? - Trung lảng sang chuyện khác.

- Để em tính đã.

- Tính gì nữa mà tính, về đi rồi làm lại từ đầu.

- Em giờ không một xu dính túi.

- Mượn không?

- Nợ chòm xóm còn có thể khát được, nợ anh biết làm sao...

- Anh chỉ giúp em thôi mà không cần một điều kiện nào cả, khi nào có trả cũng được. Anh muốn thấy em em còn tiếp tục đến trường và em sẽ lại là Tấm của ngày xưa.

- Chỉ thế thôi sao?

- Chỉ thế.

- Thế cũng đủ "khổ" cho em rồi. - Lạ tươi tắn hẳn lên.

Cô trăng nằm vắt vẻo trên đọt dừa hình như cũng mỉm cười. Biển lao xao thì thắm. Vài cánh chim đêm vù qua để lại sau nó tiếng kêu lê thê, ai oán. Đêm khép lại bằng những giọt nước mắt ăn năn. Qua ánh bình minh le lói Lạ bỗng đẹp lạ. Phải chăng từ niềm tin mà người ta có thể đến bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì. ■



Hai hoa trong hoã loạn

Bài và ảnh: HUỆ VIÊN

Ý thức là hình thức phản ánh tâm lý cao nhất chỉ có ở con người, là sự phản ánh bằng ngôn ngữ những gì mà con người đã tiếp thu được trong quá trình quan hệ qua lại với thế giới khách quan.¹

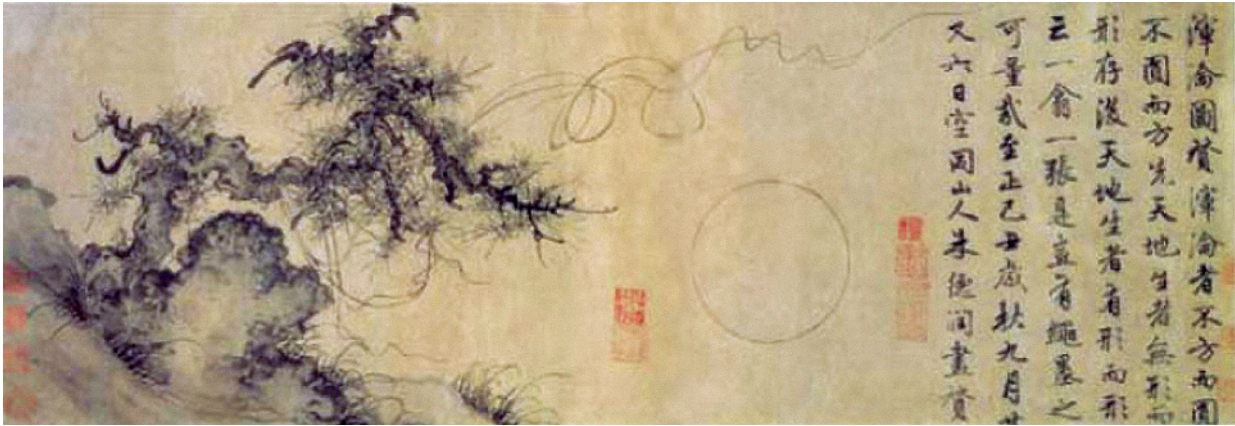
Vô thức là những quá trình xảy ra trong tâm trí của con người, xảy ra một cách tự động, không thể dùng ý chí để điều khiển. Nó bao gồm các quá trình tư duy, trí nhớ và các động cơ tiềm ẩn.²

Vô thức được ví như phần chìm của tảng băng tâm linh, góp phần quyết định trong việc hình thành các khuynh hướng của mỗi cá nhân. Trong vùng vô thức, liên tục diễn ra cuộc đấu tranh giữa bản năng với bản ngã; và bản năng sẽ bị dồn nén lại trong hàng rào kiểm duyệt không cho vượt qua lên tầng ý thức được. Do đó, những xung lực này chỉ biểu hiện phần nào trong các giấc mơ và phần lớn trong các chứng loạn thần kinh. Vô thức nằm ở đáy sâu tối của tâm linh nên không thể thực nghiệm và không thể khảo sát được bằng các trắc nghiệm.

Phân tâm học rất coi trọng vô thức. Sigmund Freud cho rằng, "... vô thức và ý thức liên hệ mật thiết với nhau, thiếu một trong hai đều dẫn tới tư duy què quặt. Nhưng quan trọng nhất là vô thức đóng vai trò thiết yếu trong quá trình sáng tạo của con người, góp phần tạo nên các thiên tài, vĩ nhân, thần đồng... trong mọi lĩnh vực từ âm nhạc, hội họa, kiến trúc, văn chương, khoa học... cho đến tâm linh..."³

Và như vậy, một tác phẩm nghệ thuật được tạo thành từ ý thức hay vô thức? Chắc chắn là từ cả hai, từ trạng thái tan chảy nước đôi *ý thức / vô thức*. Nghệ sĩ sáng tác là bởi có cảm hứng (vô thức) chứ không phải muốn mà được (vì như thế chỉ tạo ra các bài tập). Tuy nhiên, muốn sáng tác được, dù ít hay nhiều, nghệ sĩ phải học qua những kiến thức mỹ học, các kỹ năng thủ thuật thể hiện (ý thức).

Ý thức là những gì có thể kiểm soát và tư duy được. Vô thức là những gì không thể kiểm soát và tư duy được. Trong sáng tạo, cả hai yếu tố này đều phải cùng



xuất hiện; và có trường hợp được triển khai thành cặp khái niệm *hài hòa / hỗn loạn*.

Phần lớn các bộ môn học thuật từ xưa tới nay đều coi vũ trụ vận động hài hòa và tuân theo các định luật, như mặt trời, mặt trăng đều có vị trí riêng của chúng không xâm phạm nhau. Xã hội cũng phải vận hành hài hòa, người nào có vị trí của người ấy, cùng nhau tuân thủ những thứ bậc lễ nghĩa hoặc những khế ước xã hội. Vua có vai trò của vua, tôi có vai trò của tôi. Cùng nhau hòa thuận chung sống với nhau. Nếu vua đàn áp dân thì dân sẽ nổi loạn; nếu dân bị kích động đòi lật đổ vua thì vua sẽ ra sức bảo vệ vị thế của mình; cứ như thế thì sẽ có chiến tranh loạn lạc.

Tuy vậy, trong hầu hết các học thuyết, khởi thủy luôn là hỗn mang, sau đó mới xuất hiện Đạo, xuất hiện Chúa. Điều đó cho thấy rằng, sự hài hòa, cân bằng, nhịp nhàng được đánh giá cao hơn hỗn loạn, bừa bãi, vô lối... Và đó là do ý thích và nguyện vọng của con người chứ không phải bản chất của vũ trụ là hài hòa. Thật ra, vì có hỗn loạn nên mới cần có hài hòa.

Nghệ thuật cổ điển trên toàn thế giới rất coi trọng sự hài hòa, tỷ lệ cân đối, nhịp điệu hợp lý, cân bằng âm dương... và được truyền từ thế hệ này cho thế hệ khác, gây ảnh hưởng đến khả năng cảm thụ nghệ thuật của con người cho đến tận bây giờ. Các bản nhạc được viết ra phải theo nhịp, theo cung hợp âm để nghe thuận tai; nếu sai hòa âm thì bị cho là "ngịch nhĩ". Các bức tranh được vẽ ra phải tuân theo các hòa sắc thì mới dễ nhìn, nếu không thì bị chê là "loạn màu".

Với sự ra đời của lý thuyết hỗn loạn trong toán học, vật lý học, sinh học, phân tâm học... mà những tác phẩm có xu hướng hỗn loạn mới dần dần được công nhận. Và cũng có thể thấy rằng vì nghệ thuật thường là hài hòa nên mới có những sáng tác hỗn loạn.

Cái hỗn loạn đôi khi được nghệ sĩ nắm bắt rất tinh tế. Bức tranh "*Hỗn loạn*" của Chu Đức Nhuận, một họa sĩ sống trong thế kỷ XIV ở Trung Quốc có những nét vu vơ nhưng có tiết điệu từ cành cây rủ xuống và vươn ra ngoài khoảng không. Những nét này không thể hiện một đối tượng của thực tế mà là tả tâm tư

siêu tưởng của tác giả. Ở thế kỷ XIV mà một họa sĩ phương Đông có thể sáng tạo được như thế thì đó là một sự phi phạm. Nét vẽ đó sẽ chẳng được gọi là hỗn loạn nếu không có đường tròn chín chu ở chệch phía dưới để làm rõ nghĩa cho những nét vẽ vu vơ. Cái hỗn loạn ở đây không được lột tả hoàn toàn ra hình thể trên tranh mà nó ẩn vào sự tương tác giữa các thành tố trong bố cục tranh.

Một điều gì đó gần giống với bức tranh "*Hỗn loạn*" của Chu Đức Nhuận là tác phẩm "*Yellow moon bird*" của Joan Miro với những nét mực rối loạn và sảng khoái khi những tâm tư lan man chổng chéo được xả ra trên giấy. Có điều ở phía sau những nét mực rối rắm đó là hình ô-van vàng sắc nét và dấu đỏ tròn nhòa dần. Điểm thú vị ở đây là những mảng hình duy lý phía sau đó được kết nối với tập hợp những nét mực vu vơ, không suy nghĩ.

Hài hòa là cái liên quan tới ý thức của con người, là kinh nghiệm được truyền dạy qua các thế hệ. Còn hỗn loạn là cái liên quan tới vô thức, cái sơ thủy của vạn vật, cái chưa thể suy nghĩ và chiêm nghiệm về nó. Tác phẩm nghệ thuật bao giờ cũng là trạng thái chuyển hóa giữa hai cực khái niệm *ý thức / vô thức, hài hòa / hỗn loạn*.

Không thể có cái *hỗn loạn* tuyệt đối, bởi đã có tư duy là đã có sự hài hòa tương tác biện chứng với cái khác. Cũng không thể có *hài hòa* tuyệt đối, bởi như thế thì không gọi là sáng tạo nghệ thuật mà chỉ là kỹ thuật thể hiện.

Nghệ thuật bao giờ cũng phải mang trong mình cái khí chất sơ khởi hỗn mang, chưa thể định hình bằng tư duy ngôn ngữ. Thiếu một trong hai thứ: *hài hòa* - có thể kiểm soát sự vận hành các thành phần - hoặc *hỗn loạn* - để xuất hiện những yếu tố kỳ lạ mà tư duy của nghệ sĩ không ngờ tới - thì chỉ có thể sáng tạo ra những tác phẩm tầm thường. ■

Chú thích:

1. *Tâm lý học đại cương*, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. *The Scientific Status of Unconscious Processes: Is Freud Really Dead?* Journal of The American Psychoanalytic Association, 1999.
3. thuvienhoasen.org.

Vẫn còn người tử tế

BÙI TRƯỜNG TRÍ



Sáng sớm nay, dắt chiếc xe ra khỏi cổng để đi làm, tôi hết “đề” rồi đạp hoài mà xe không chịu nổ máy. Mấy tiệm sửa xe gần nhà tự dựng rủ nhau đóng cửa nghỉ Tết dương lịch sớm nên tôi đành chịu cảnh toát mồ hôi ướt đẫm lưng áo hì hục dẫn bộ ra tận đầu đường cách nhà gần một cây số mới có một tiệm sửa xe duy nhất còn nhận làm...

Đẩy xe vô một tiệm sửa xe “lạ” rồi thì đột nhiên tôi cảm thấy thấy lo lo, lỗ thợ sửa xe nổi hứng kiểm có tháo phanh chiếc xe rồi nói hư cái này hư cái kia, cuối cùng hét giá sửa cả triệu đồng thì... tiền không đủ mang theo để trả; chuyện này tôi đã gặp một lần rồi.

Chủ tiệm bước ra, gương mặt nhìn hiền hiền, mở giọng nói cũng hiền hiền: “Chú em, xe bị sao, đẩy sát vô đây nè...”.

Thấy thái độ nhiệt tình và “hiền hiền” của chủ tiệm, tôi cũng có chút an lòng và tin tưởng. Ông chủ tiệm thử và kiểm tra tỉ mỉ điện, đèn, còi. Tôi vẫn ngồi sát bên chiếc xe của mình, “canh me” biết đâu ông này giờ trở “phá xe” thì sao (?).

Chắc hiểu ý tâm lý khách, ông chủ tiệm trấn an: “Chú em cứ ra ghế ngồi uống nước trà... cứ yên tâm nha!”.

Nhưng bởi tôi từng bị tiệm sửa xe bên đường “chơi” một vỏ đầu rồi, nên “cảnh giác” thì cũng là điều cần

thiết. Ông chủ tiệm tháo từng con ốc, lấy búng xe ra... rồi mấy mò một lúc và phát hiện xe không hư gì cả mà chỉ vì cái cục IC bị chuột cắn đứt cọng dây điện nên xe mất lửa, mất điện. Ông ấy nhanh nhẹn nối lại dây điện và chỉ hơn một phút sau thì xe tôi lại hoạt động bình thường.

Tôi hỏi: “Hết bao nhiêu chú?”.

Ông chủ tiệm xoa tay: “Thôi khỏi, làm giùm...”.

Vừa lúc đó, bà vợ từ trong nhà bước ra nghe hai chữ “làm giùm” thì cặp mắt lườm nguýt ghê lắm, tỏ vẻ không hài lòng.

Tôi rút tờ 50.000 đồng, dứt vô túi ông chồng: “Làm giùm sao được chú, phải nhận tiền công sòng phẳng chứ? Chú tháo chiếc xe này cũng hết gần một tiếng đồng hồ, toát hết mồ hôi hột chứ hỏng phải giỡn chơi à nha...”.

Bà vợ bây giờ mới chịu nở nửa nụ cười gượng gạo: “Em coi đó... Tính ông cứ vậy không hà. Ông nói người đi đường xe có hư ít ỉt thì làm giùm thôi, lấy tiền tội người ta. Mà em coi, căn nhà này thuê, còn tiền ăn, tiền học hành con cái hàng tháng thì làm “chùa” hoài sao được? Sống ở cái thời buổi nhập nhèm bức tranh đen tối này, mình muốn làm con người tử tế thì phải tùy lúc, tùy chỗ, tùy điều kiện. Mình sống cứ tử tế kiểu “chùa” với thiên hạ, liệu thiên hạ có tử tế lại với mình không em trai? Em nghĩ chị nói có đúng không?”.

Tôi giựt mình chột dạ với những “câu hỏi chất vấn” của bà vợ ông chủ tiệm. Nhìn bề ngoài, người phụ nữ này ăn mặc lem luốc, quần bện kéo ống thấp ống cao, đầu tóc rối tung, kiểu dạng những người phụ nữ cam chịu mà bà ấy chịu “tuôn” ra những nhận định cá nhân đầy “quan điểm” của mình thì chắc cũng không phải dạng vừa đâu?

Tôi chỉ cười, không đáp trả lại những câu hỏi của bà chủ tiệm sửa xe. Tôi dắt xe khỏi tiệm rồi chạy xe bon bon trên đường mà đầu óc cứ căng căng câu hỏi băng quơ nhưng đầy triết lý nhân sinh của bà chủ tiệm xe: “Mình sống cứ tử tế với thiên hạ, liệu thiên hạ có tử tử lại với mình không?”.

Ừ mà thôi, tôi không suy nghĩ vẩn vơ nữa vì tôi luôn có niềm tin nhỏ nhoi: Cuộc sống này, vẫn còn những con người biết sống và biết nghĩ một cách tử tế... ■



Hỏi Xin được giảng rõ về bài thơ xuân “Cáo tật thị chúng” của Đại sư Mãn Giác và được giới thiệu vài bài thơ thiền về xuân.

(Diệu Liên, Rue Neuchâtel, Villebon Sur Yvette, Paris, France)

Đáp Trước hết, bài thơ trên không phải là bài thơ xuân, vịnh xuân, cũng không có tựa đề là “Cáo tật thị chúng” mà là do người đời sau đặt (có tài liệu bảo do Lê Quý Đôn đặt). Có lẽ hợp lý hơn, nên gọi bài thơ ấy là “Kệ thị tịch” (dạy đồ chúng khi sắp viên tịch).

Đại sư Mãn Giác (1052-1096) viên tịch vào tháng 11, đang mùa đông. Trước khi viên tịch, ngài gọi đồ chúng đến và đọc bài kệ như sau:

“Xuân khứ bách hoa lạc - Xuân đáo bách hoa khai -
Sự trục nhân tiền quá - Lão tùng đầu thượng lai -
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận - Đình tiền tạc dạ nhất chi mai”
(Xuân đi trăm hoa rụng - Xuân đến trăm hoa nở -
Sự việc theo nhau qua trước mắt - Tuổi già đến trên đầu -
Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết - Đềm qua sân trước một cành mai).

Bấy giờ đang mùa đông, không có hoặc rất hiếm hoa, kể cả hoa mai; hoa mai chưa nở và dĩ nhiên là không có chuyện hoa mai tàn, chỉ còn lại một cành hoa mai trước sân; dĩ nhiên xuân chưa đến và không có chuyện xuân đã qua. Sư sắp viên tịch, tuy ngài rất bình thản nhưng hẳn nhiều người trong đồ chúng buồn bã tiếc thương, do đó ngài đọc bài kệ để trấn an, khuyên nhủ các vị ấy.

Câu thứ nhất: *Sự sắp từ già mọi người để về nơi không tịch cũng như mùa xuân đã hết, hoa rụng.* Câu thứ hai nói tiếp ý câu đầu: *Xuân đi rồi xuân đến, hoa tàn rồi hoa nở theo thời tiết, nhân duyên, đó là lẽ tự nhiên, là lý vô thường.* Câu thứ ba và câu thứ tư: *Đời người cũng vậy, sinh ra, lớn lên, khỏe mạnh, rồi tóc bạc, tuổi già đến, rồi chết đi. Đó là thành, trụ, hoại diệt, là lý vô thường, chớ nên than vãn, buồn rầu, bi quan vì tuổi già, cái chết.* Câu thứ năm: *Chớ bảo xuân tàn, hoa rụng hết trong ý nghĩa bi quan rằng không còn xuân, không còn hoa, rằng chết đi là hết, không còn gì, trống rỗng.* Câu thứ sáu, câu cuối: *Đềm qua, một cành mai ở ngoài sân. Hoa mai đã rụng hết nhưng cành mai vẫn còn đấy, tuy không còn hoa nữa nhưng sẽ nở hoa khi mùa xuân năm sau đến. Rõ ràng là cành mai ấy không có hoa mai vì bấy giờ mùa xuân chưa đến, dĩ nhiên không có chuyện mùa xuân đã qua khiến hoa mai rụng hầu hết, chỉ còn một cành mai đang có hoa mai!*

Bài kệ nói trên khuyên người ta không nên buồn rầu lo lắng về vô thường, sinh diệt của những gì là hữu vi, do nhân duyên tụ hợp mà có. Nhưng vẫn có cái thường hằng, vô vi, không sinh diệt. Đó là ý nghĩa của Không tánh, Không mà Có, Có mà Không. Đức Phật đã khẳng

định có Niết-bàn tịnh lạc, có vô vi, giải thoát tối hậu. Trong kinh *Phật tự thuyết*, Ngài dạy: “*Này các Tỳ-kheo, có một cái bất sinh, bất thành, bất tác, vô vi. Này các Tỳ-kheo, nếu không có một cái bất sinh, bất thành, bất tác, vô vi thì không có giải thoát cho cái sinh, cái thành, cái tạo tác, cái hữu vi. Nhưng này các Tỳ-kheo, vì có cái bất sinh, bất thành, bất tác, vô vi nên cái sinh, cái thành, cái tạo tác, cái hữu vi mới có thể được giải thoát*” (Xem thêm *Lời đáp về Không tánh* trong *VHPG* số 340).

Thơ thiền về mùa xuân thì rất nhiều, nhất là thơ của các thiền sư Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên... và thơ thiền Việt Nam cũng không phải là ít. Xin giới thiệu bốn bài thơ thiền nổi tiếng của về xuân, ngắn gọn, trong sáng, thể hiện cốt cách an lạc, thông dong tự tại, rung cảm trước vẻ đẹp thiên nhiên của ba vị Đại thiền sư Việt Nam. Chúng ta chớ nên tìm hiểu những bài thơ thiền về thiên nhiên qua kiến thức Phật học hay triết học vì như thế có thể làm cho bài thơ trở nên khô khan, thiếu sức sống; loại thơ này không phải để dạy ai cả ngoài sự rung cảm trong sáng tức thời trước cảnh đẹp của thiên nhiên: “*Ly hạ trùng dương cúc - Chi đầu oanh nhật oanh - Khô mộc phùng xuân hoa cạnh phát - Phong xuy thiên lý phúc thân hương*” (trích *Tham đồ hiển quyết*, Viên Chiếu: *Cúc trùng dương dưới hàng giậu - Chim oanh đầu cành, ngày nắng ấm - Cây khô gặp xuân, hoa đua nở - Gió thổi, ngàn dặm tựa lan can ngấm nơi xanh thắm*).

“*Dương liễu hoa thâm diệu ngữ tri - Họa đường thiêm ảnh mộ vân phi - Khách lai bất vấn nhân gian sự - Cộng ý lan can khán thúy vi*” (*Xuân cảnh*, Trần Nhân Tông: *Hoa dương liễu thắm, tiếng chim hót đây đó - Bóng thềm nhà vẽ, mây chiều bay - Khách đến, chẳng hỏi việc đời - Cùng tựa lan can ngắm nơi xanh thắm*).

“*Thụy khởi khai song phi - Bất tri xuân dĩ quy - Nhất song bạch hồ điệp - Phách phách sấn hoa phi*” (*Xuân hiểu*, Trần Nhân Tông: *Ngủ dậy, mở cửa sổ - Ngỡ ngàng xuân đã về - Một đôi bướm bướm trắng - Phấp phới ập đến hoa*).

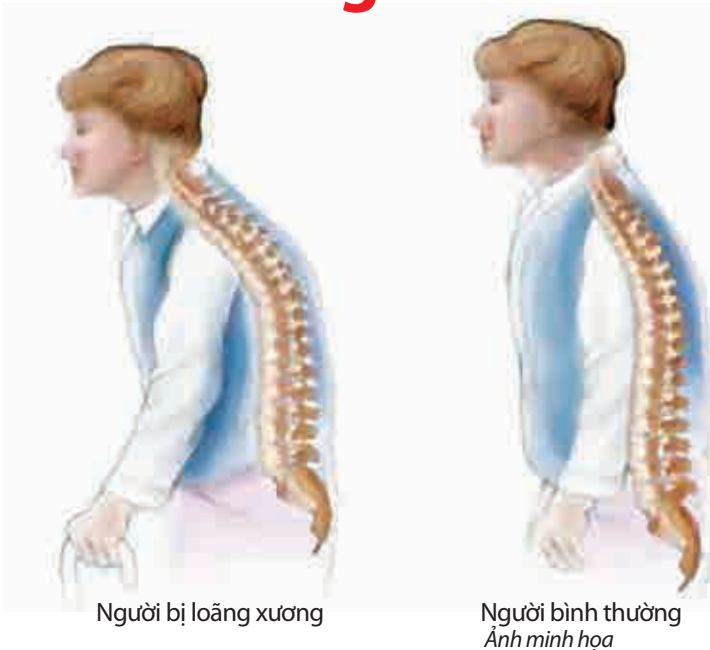
“*Nhị bát giai nhân thích tú tri - Tử kinh hoa hạ chuyển hoàng ly - Khả lân vô hạn thương xuân ý - Tận thị đình tâm bất ngữ thì*” (*Xuân nhật tức sự*, Huyền Quang: *Cô gái đẹp đôi tám chậm rãi thêu - Dưới khóm hoa tử kinh chim oanh hót líu lo - Thương biết bao cái ý tưởng sợ làm tổn hại ý xuân - Đây là lúc cô dừng kim thêu và chẳng nói năng gì*).

Bàng Ân

Loãng xương

Phải chăng chỉ do thiếu canxi?

Ở nước ta việc bổ sung canxi đã được chú trọng nhưng loãng xương vẫn rất phổ biến. Tiến sĩ Bác sĩ Lê Nguyễn Thùy Khanh, Khoa Cơ Xương Khớp, Bệnh viện Đại học Y Dược TP.HCM đã chia sẻ nhiều thông tin bổ ích liên quan đến vấn đề này...



PV: Tình trạng loãng xương (LX) có phải chỉ do chế độ ăn uống hay còn chịu tác động của yếu tố nào khác? Nước ta có nắng quanh năm, liệu độ hấp thu canxi có tốt không, thưa bác sĩ?

TS. Bác sĩ Lê Nguyễn Thùy Khanh: Một chế độ dinh dưỡng cung cấp đủ canxi và vitamin D là quan trọng nhưng không phải là quan trọng nhất, không phải là yếu tố duy nhất quyết định sức khỏe của xương. Có nhiều yếu tố nguy cơ khác nhau gây nên căn bệnh LX. Trước tiên, nhiều nghiên cứu khoa học trên thế giới đã chứng minh bệnh LX có mối liên quan và được quy định bởi bộ gen của con người. Theo đó, nguy cơ bị LX giữa các dân tộc khác nhau sẽ khác nhau, một số dân tộc sẽ có nguy cơ bị LX nhiều hơn so với những dân tộc khác.

May mắn là con người có thể phòng ngừa được bệnh LX nếu điều chỉnh tốt những yếu tố nguy cơ khác. Cụ thể là mỗi ngày, cơ thể cần có được cung cấp đủ lượng canxi và vitamin D cần thiết, thông qua chế độ dinh dưỡng. Theo nghiên cứu của *Viện Dinh dưỡng Quốc gia Việt Nam năm 2011*, hiện khẩu phần ăn mỗi ngày của người Việt mới chỉ đáp ứng được 50% nhu cầu canxi và tỷ lệ thiếu vitamin D là 40%.

Không chỉ vậy, lối sống, chế độ sinh hoạt, luyện tập cũng ảnh hưởng rất nhiều đến căn bệnh LX. Nhiều thống kê cho thấy, những người vận động điều độ, phù hợp thì hiếm bị LX hơn những người có lối sống thụ động. Uống nhiều rượu bia, hút thuốc lá, bị béo phì làm giảm khả năng hấp thu canxi của cơ thể và cũng là yếu tố nguy cơ gây LX. Mặt khác, tuy chúng ta đang sống trong khu vực có ánh nắng quanh năm nhưng với thói quen che chắn kỹ khi ra nắng, kể cả thời điểm sáng sớm, tỷ lệ hấp thu vitamin D từ ánh nắng cũng bị hạn chế nhiều...

○ Thưa bác sĩ, tình trạng bổ sung sữa canxi hàng ngày nhưng vẫn bị LX có thường gặp không? Khi bổ sung quá nhiều mà cơ thể không hấp thu hết thì xảy ra nguy cơ gì?

Như đã nói ở trên, để phòng ngừa bệnh LX, việc bổ sung canxi bằng cách uống sữa chỉ là một yếu tố quan trọng chứ không phải là tất cả. Vì vậy, trên thực tế, nhiều người bổ sung sữa canxi đặc hiệu cho lứa tuổi nhưng vẫn bị LX, thường gặp ở phụ nữ sau mãn kinh. Căn cứ vào suy nghĩ chủ quan "chỉ cần bổ sung sữa là có thể không bị LX". Để giúp cơ thể hấp thu tốt lượng sữa bổ sung, cùng lúc cần kết hợp

bổ sung đầy đủ vitamin D, một chế độ vận động phù hợp và lối sống lành mạnh. Nếu quá lạm dụng sữa mà cơ thể không thể hấp thu hết thì nguy cơ rất cao là sẽ bị sỏi thận, sỏi đường tiết niệu.

○ LX ảnh hưởng thế nào đến sức khỏe?

Nguy cơ lớn nhất của LX là gây gãy cổ xương đùi, gãy - lún cột sống thắt lưng. Khi đó sẽ tốn rất nhiều chi phí để thay khớp háng; bơm xi-măng tạo hình đốt sống hoặc mổ để cố định cột sống bằng nẹp. Mỗi năm ở nước ta có khoảng 150.000 trường hợp gãy xương do LX. Đáng nói, 25% trong số đó tử vong trong vòng một năm sau khi gãy xương hông, 40% không thể tự đi lại, 60% phải phụ thuộc vào người khác và bị những biến chứng khác như tim mạch (8%) và hô hấp (4%).

○ Thưa bác sĩ, LX có thể chữa khỏi không? Ai cần phải tầm soát LX?

Không chỉ nữ, nam giới vẫn bị LX với tỷ lệ gần 1/3, đặc biệt là người trên 60 tuổi. May mắn là bệnh LX dễ tầm soát và có thể chữa khỏi nếu được điều trị đúng. Người bệnh thể chọn loại thuốc uống hoặc truyền tĩnh mạch. Với thuốc uống, cần dùng đúng chỉ định trong 3 năm liên tục, nếu quên ¼ tổng liều, hiệu quả điều trị sẽ bị giảm đến 60%. Tuy nhiên, nếu mắc phải những bệnh lý liên quan đến đường tiêu hóa thì sẽ không thể dùng thuốc theo đường uống. Khi đó, người bệnh có thể chọn cách truyền thuốc theo đường tĩnh mạch, mỗi năm một lần, truyền liên tiếp 3 năm. Trước khi dùng đường tĩnh mạch cần kiểm tra chức năng thận và tim.

Những đối tượng có nguy cơ cao nên tầm soát LX sớm. Cụ thể, phụ nữ sau khi mãn kinh; nam giới trên 75 tuổi; người có tiền sử gãy xương cột sống, xương chậu, xương đùi do chấn thương nhẹ ở mọi độ tuổi; bị đái tháo đường type II, suy sinh dục, hội chứng Cushing; điều trị lâu dài với một số thuốc như: thyroxin, corticoid, thuốc chống động kinh, heparine; bệnh sử gia đình có người bị LX; uống nhiều rượu, hút thuốc lá, kém hoạt động.

○ Liệu có thể phòng ngừa căn bệnh LX?

Để phòng ngừa LX, cần xây dựng, tạo lập và duy trì khối lượng xương vững chắc từ thuở bé. Trước tiên, ở chế độ dinh dưỡng, không chỉ riêng canxi, khối xương còn cần được nuôi dưỡng từ đạm; các vitamin C, D, K; các chất khoáng khác như photpho, đồng, mangan, magiêsiuim, kẽm. Có rất nhiều loại thực phẩm giúp bổ sung canxi như: sữa, chế phẩm từ sữa, đậu nành, hải sản, các loại rau xanh đậm, các loại đậu, trái cây có múi như cam, bưởi... Lưu ý rằng, chế độ ăn nhiều đạm động vật sẽ làm rối loạn cân bằng canxi, làm tăng bài xuất canxi qua đường tiểu. Ăn nhiều rau quả có tác dụng bảo vệ khối xương; chế độ ăn mặn sẽ có tác dụng ngược lại. Chỉ nên bổ sung sữa canxi theo đúng nhu cầu của từng lứa tuổi chứ không nên lạm dụng. Lượng canxi (hàm lượng canxi nguyên tố) cần thiết phải bổ sung mỗi ngày (tổng cộng từ nhiều nguồn) cụ thể như sau: Trẻ em từ 7 - 9 tuổi là 700mg/ngày; người trưởng thành là 1.000mg/ngày; phụ nữ có thai, cho con bú, mãn kinh là 1.200 - 1.300mg/ngày.

Nhiều nghiên cứu cho thấy, gần 2/3 số phụ nữ bị LX đều thiếu vitamin D. Cá biển, lòng đỏ trứng, gan và các loại thực phẩm có chứa vitamin D nhưng cũng chỉ đáp ứng được khoảng 1/10 nhu cầu cơ thể. Chỉ cần phơi nắng đúng cách từ **10 - 20 phút mỗi ngày** (trong thời gian từ **7 - 9 giờ sáng**), cơ thể đã có thể nhận đủ lượng vitamin D cần thiết.

Một yếu tố hết sức ý nghĩa với việc ngăn ngừa LX là cần phải vận động. Hoạt động này giúp cơ thể kiến tạo khối cơ và thúc đẩy quá trình hấp thu canxi, chuyển hóa xương.

An Hà (thực hiện)

Nguồn: Báo Phụ Nữ TP.HCM



zenart.com.vn

Tôn
tạo
tượng
Phật
là
một
pháp
môn
tu



Kính
miếng
Vía
Đức
Thích
Ca
thành
đạo
(8/12 ÂL)

C.TY MỸ THUẬT XÂY DỰNG
ZEN ART
TRAI SÁNG TÁC MỸ THUẬT

Để thỉnh tượng Phật, Quý vị hãy liên hệ với Zen Art: **0909 319 882 (Hoàng Đức Diên)**
Số 64 đường 27, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP.HCM - Email: mythuatzen@gmail.com - Facebook: mythuat.zen@facebook.com



HÀNH TRÌNH
MAY MẮN



Baieido
HỆ THỐNG QUANG THỤ LƯU TỬ ĐẠO ĐỨC

PHIẾU ƯU ĐÃI 15% KHI MUA BỘ KÍNH HƯƠNG.

MỪNG ĐẠI LỄ ĐỨC THÍCH CA MÂU NI THÀNH ĐẠO.

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ.

Đại diện Phật tử của Chùa:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....
Email:.....

Ngày.....tháng.....năm 2016

HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ MUA.

1/ Cắt phiếu ưu đãi, điền thông tin và đem đến điểm trưng bày bộ sản phẩm KÍNH HƯƠNG (xem trên www.hanhtrinhmayman.vn).

2/ Đặt cọc 30% giá trị bộ sản phẩm (sau khi đã được giảm trực tiếp 15%) và nhận phiếu biên nhận thu tiền.

- Số lượng có hạn.
- Thời gian đăng ký: từ 10/01/2016 đến 24/01/2016.



Điền Khắc Sĩ, THIÊN PHÚ THẢO

43/2N, Nhà Vuông, Mỹ Hòa 1, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM

08.37 13 13 13 - 01 666 000 666 - 01 222 999 666

WWW: thiephuthao.com - dieukhacsivp - Email: dkfuthao@gmail.com



THÔNG BÁO

Chiêu sinh Lớp Sơ cấp Phật học Q.Gò Vấp khóa VIII (NK. 2016 - 2018)

Nhằm nối tiếp sự nghiệp giáo dục đào tạo Tăng Ni có đủ căn bản Phật học cho con đường tu tập, Ban Chủ nhiệm Lớp Sơ cấp Phật học Q.Gò Vấp quyết định chiêu sinh, và xin phép BGH Trường Trung cấp Phật học chiêu sinh khóa VIII. NK: 2016-2018.

Đối tượng được theo học dành cho các vị xuất gia ở chùa có năng lực kiến thức tiếp nhận, đạo đức oai nghi tốt, được thầy Bôn sư cho phép và được BTS GHPGVN quận - huyện nơi cư trú chấp thuận.

Trình độ văn hóa lớp 6 trở lên và không quá 50 tuổi.

Thời gian phát và nhận Đơn xin nhập học kể từ ngày ra thông báo đến hết tháng 1/2016.

Ngày khai giảng nhập học sẽ thông báo cùng Tăng Ni lúc nhận hồ sơ nhập học.

Tất cả chi tiết về việc nhập học xin liên hệ

- Văn phòng Lớp Sơ cấp Phật học Q.Gò Vấp: Chùa Huỳnh Kim, 10/6 A, Quang Trung, P.11, Q.Gò Vấp.

ĐT: 08 3895 9923 hoặc thầy Minh Đăng: 0909 776 870

- Chư Ni hệ phái Khất sĩ xin liên hệ tịnh xá Ngọc Phương, phường 01, Q.Gò Vấp - ĐT: 08 3985 2759. NS.Thích nữ Tín Liên: 0906 722 787.

TM.Ban Chủ nhiệm

Chủ nhiệm

HT.Thích Nhật Lang



17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM

08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877

lienhe@phapuyien.com - www.phapuyien.com



Công ty TNHH SX-TM
QUANG NGHỆ

QUANG NGHE CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tím đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



THỰC PHẨM DƯỠNG SINH
CHÂN NGUYÊN

96H Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

Số 11 đường Số 2, Cư xá Đô Thành, P.4, Q.3, TP.HCM, Tel: 08 22422951

Facebook: chan nguyen

Hotline: 84-8-38251659 - Web: www.channguyen.vn

BIOCHEM

CÔNG TY CỔ PHẦN SINH HÓA QUỐC TẾ

NHÀ CUNG CẤP SƠN GỖ GỐC NƯỚC HÀNG ĐẦU

THE LEADING WATER-BASED WOOD PAINT SUPPLIER



Tel: 0917 337 500
www.biochem.vn

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỷ lư...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 898818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com



- Ngô Phương Đức: STK: 76935619
Ngân hàng ACB - CN Bình Thạnh
- Nguyễn Thị Hối: STK: 1920206053273
Ngân hàng Agribank - CN Bến Thành



Restaurant

Chay

Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rỏi, bánh ướt cuốn vụn hoa, gói và trộn, gói mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
○ **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

Trân trọng kính mời

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

- Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...
- Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**
- ĐT: **0913 810 082**
- Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**



DIỆU TUÔNG AM NAM KỲ
382B NAM KỲ KHỐI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: (08) 38 484 558 - HOTLINE: 0906 955 663

DIỆU TUÔNG AM 3/2
212 BA THẮNG HẠ, P. 12, Q. 10
ĐT: (08) 38 684 913 - HOTLINE: 0902 848 363

DIỆU TUÔNG LƯU LY QUANG (NGỌC LƯU LY)
382G NAM KỲ KHỐI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: 0938 959 503

www.dieutuongam.com

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ ymail.com



Hoà Tiên

CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

Showroom: BB3, Trường Sơn, Phường 15, Q.10, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



長柯

TRÂM HƯƠNG TRƯƠNG KHA

越南沉香

Kính chúc
Quý Tàng Mẹ,
Quý Khách
Một năm mới
Giàu Khỏe
An Khang
Thịnh Vượng

ĐKK: 190 - 172 Nguyễn Chí Thanh P.9, Q.10, TP.HCM.
34 Sư Vạn Hạnh P.9, Q.5.
104 Công Hòa P4, Quận Bình Thạnh (08) 629 33 702

Bình An
2016



HOA SEN
GROUP

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

Chúc Mừng Năm Mới



TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



ỔNG KÈM HOA SEN
Bền vững đến tương lai

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



ỔNG NHỰA HOA SEN
Đẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



CAM KẾT BÀN

- ĐÚNG GIÁ
- ĐÚNG TIÊU CHUẨN
- ĐÚNG CHẤT LƯỢNG
- ĐƯỢC BẢO HÀNH



www.hoasengroup.vn

TỔNG ĐẠI TƯ VẤN KHÁCH HÀNG



1800 1515

Miễn phí cuộc gọi